

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
KHOA GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO BẢNG ĐIỂM KTHP HK II ĐỢT 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

Hôm nay, ngày 25 tháng 05 năm 2026, đại diện PQLĐT là Ông Nguyễn Định- nhân viên PQLĐT đã nhận của bà Lê Thị Lan Anh là Giáo vụ khoa Giáo dục đại cương bảng điểm như sau:

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ LHP	SVCM	NGÀY THI	GIỜ THI	PHÒNG	SỐ TỜ
1	Giáo dục Chính trị	22300822	35	04/05/2026	12g30	A201	1
2	Giáo dục Chính trị	22300822	35	04/05/2026	12g30	A205	1
3	Giáo dục Chính trị	22300804	38	04/05/2026	12g30	A206	1
4	Giáo dục Chính trị	22300804	40	04/05/2026	12g30	A301	1
5	Giáo dục Chính trị	22300805	33	04/05/2026	12g30	A302	1
6	Giáo dục Chính trị	22300805	36	04/05/2026	12g30	A304	1
7	Giáo dục Chính trị	22300819	38	04/05/2026	12g30	A305	1
8	Giáo dục Chính trị	22300810	35	04/05/2026	12g30	A401	1
9	Giáo dục Chính trị	22300819	33	04/05/2026	12g30	A402	1
10	Giáo dục Chính trị	22300810	34	04/05/2026	12g30	A404	1
11	Giáo dục Chính trị	22300807	34	04/05/2026	12g30	A405	1
12	Giáo dục Chính trị	22300808	30	04/05/2026	12g30	A406	1
13	Giáo dục Chính trị	22300808	32	04/05/2026	12g30	A501	1
14	Giáo dục Chính trị	22300809	31	04/05/2026	12g30	A502	1
15	Giáo dục Chính trị	22300820	34	04/05/2026	12g30	A503	1
16	Giáo dục Chính trị	22300806	32	04/05/2026	12g30	A505	1
17	Giáo dục Chính trị	22300807	32	04/05/2026	12g30	A506	1
18	Giáo dục Chính trị	22300809	32	04/05/2026	12g30	D5-26	1
19	Giáo dục Chính trị	22300820	30	04/05/2026	12g30	D5-27	1

20	Giáo dục Chính trị	22300823	32	04/05/2026	12g30	D5-28	1
21	Giáo dục Chính trị	22300823	30	04/05/2026	12g30	D5-29	1
22	Giáo dục Chính trị	22300821	28	04/05/2026	12g30	D6-32	1
23	Giáo dục Chính trị	22300821	27	04/05/2026	12g30	D6-33	1
24	Giáo dục Chính trị	22300806	29	04/05/2026	12g30	D6-35	1
25	Soạn thảo văn bản	22603501	30	04/05/2026	14g45	B101	1
26	Soạn thảo văn bản	22603501	29	04/05/2026	14g45	B102	1
27	Toán ứng dụng A	22203303	26	04/05/2026	14g45	B107	1
28	Toán ứng dụng A	22203304	20	04/05/2026	14g45	D5-26	1
29	Toán ứng dụng A	22203304	19	04/05/2026	14g45	D5-27	1
30	Toán ứng dụng A	22203301	28	04/05/2026	14g45	D5-28	1
31	Toán ứng dụng A	22203303	25	04/05/2026	14g45	D5-29	1
32	Toán ứng dụng A	22203305	37	04/05/2026	14g45	D6-32	1
33	Toán ứng dụng A	22203302	30	04/05/2026	14g45	D6-33	1
34	Toán ứng dụng A	22203302	36	04/05/2026	14g45	D6-35	1
35	Toán ứng dụng A	22203301	27	04/05/2026	14g45	D6-36	1
36	Kỹ năng mềm	22204210	26				1
37	Kỹ năng mềm	22204211	28				1
38	Kỹ năng mềm	22204212	31				1
39	Kỹ năng mềm	22204213	33				1
40	Kỹ năng mềm	22204214	31				1
41	Kỹ năng mềm	22204215	29				1
42	Kỹ năng mềm	22204216	24				1
43	Kỹ năng mềm	22204217	33				1
44	Kỹ năng mềm	22204218	36				1
45	Kỹ năng mềm	22204219	32				1

46	Kỹ năng mềm	22204220	23				1
47	Kỹ năng mềm	22204221	32				1

TỔNG CỘNG: 47 Bảng điểm, 47 tờ

BÊN GIAO

BÊN NHẬN

LÊ THỊ LAN ANH

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

C. Lan

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học: Giáo dục Chính trị (22300822)

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A201

Số SV có mặt: 35

Số bài thi: 35

Số tờ giấy thi: 4.2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2125270159	Phan Thị Khánh An	26/09/2007	CCQ2527A	1	An	8.0	7.5	7.7	
2	2125270037	Nguyễn Thị Khánh Băng	06/01/2007	CCQ2527B	1	Băng	7.6	5.0	6.0	
3	2125270040	Bùi Ngọc Bảo	08/07/2003	CCQ2527B	1	Bảo	6.5	6.8	6.7	
4	2125270057	Nguyễn Gia Bảo	21/05/2007	CCQ2527B	1	Bảo	7.2	8.5	8.0	
5	2125270183	Nguyễn Quốc Bảo	19/07/2007	CCQ2527A	1	Bảo	6.1	2.5	3.9	
6	2125270028	Nguyễn Hoàng Châu	17/11/2007	CCQ2527A	1	Châu	8.0	8.5	8.3	
7	2125270034	Nguyễn Ngọc Chí	12/03/2007	CCQ2527A	1	Chí	7.6	6.5	6.9	
8	2125270064	Đặng Phúc Cường	28/08/2007	CCQ2527B			0.0			
9	2125270036	Lê Thị Phương Diễm	30/01/2007	CCQ2527A	02	Diễm	9.0	9.0	9.0	
10	2125270050	Võ Thị Ngọc Diễm	19/07/2007	CCQ2527B	1	Diễm	8.0	7.5	7.7	
11	2125270069	Ngô Trần Minh Đức	11/10/2006	CCQ2527B	1	Đức	7.6	5.0	6.0	
12	2125270044	Nguyễn Lê Thuỷ Dung	05/10/2007	CCQ2527B	02	Dung	7.8	8.3	8.1	
13	2125270187	Bùi Thanh Dương	27/01/2007	CCQ2527B	1	Dương	6.4	6.0	6.2	
14	2125270049	Lê Thị Cẩm Giang	30/11/2007	CCQ2527B	1	Giang	6.4	5.5	5.9	
15	2125270014	Ngô Văn Giàu	31/10/2007	CCQ2527A	02	Giàu	5.7	7.5	6.8	
16	2125270018	Bạch Ngọc Gia Hân	08/10/2007	CCQ2527A	1	Hân	8.0	6.0	6.8	
17	2125270160	Nguyễn Ngọc Gia Hân	26/03/2007	CCQ2527A	1	Hân	8.2	9.0	8.7	
18	2125270017	Nguyễn Thanh Hân	25/07/2007	CCQ2527A			1.1			
19	2125270022	Nguyễn Thị Hiền	24/01/2007	CCQ2527A	1	Hiền	6.8	6.0	6.3	
20	2125270052	Nguyễn Thị Hiền	21/11/2007	CCQ2527B	1	Hiền	6.5	4.0	5.0	
21	2125270025	Nguyễn Thị Thu Hiền	26/05/2007	CCQ2527A	1	Hiền	8.0	5.5	6.5	
22	2125270020	Võ Thị Ngọc Hiền	03/09/2005	CCQ2527A			1.6			
23	2125270009	Đồng Minh Hiếu	30/09/2006	CCQ2527A	1	Hiếu	7.4	5.5	6.3	
24	2125270072	Phùng Gia Hoà	18/03/2007	CCQ2527B	1	Hiền	7.6	5.0	6.0	
25	2125270066	Phạm Thái Hòa	15/06/2007	CCQ2527B	1	Hiền	7.7	3.5	5.2	
26	2125270010	Đỗ Thị Hương	20/01/2007	CCQ2527A	02	Hương	7.5	9.0	8.4	
27	2125270046	Lê Thị Hương	10/08/2007	CCQ2527B			2.1			
28	2125270035	Đặng Quốc Huy	06/02/2007	CCQ2527A	1	Huy	6.6	5.0	5.6	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Giáo dục Chính trị (22300822)

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A201

Số SV có mặt: 35

Số bài thi: 35

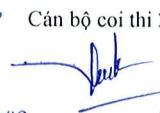
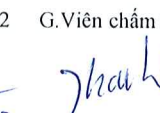
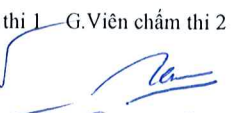
Số tờ giấy thi: 42

(Handwritten signatures and names of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2125270063	Dương Huỳnh Bảo Khang	23/05/2007	CCQ2527B	1	<i>(Signature)</i>	7.1	4.0	5.2	
30	2125270013	Nguyễn An Khang	20/02/2007	CCQ2527A	1	<i>(Signature)</i>	7.0	4.5	5.5	
31	2125270161	Hoàng Trung Kiên	03/05/2007	CCQ2527B	1	<i>(Signature)</i>	7.5	5.5	6.3	
32	2125270038	Lê Thanh Liêm	13/01/2006	CCQ2527B	02	<i>(Signature)</i>	6.8	8.8	8.0	
33	2125270024	Lê Nguyễn Thùy Linh	23/09/2007	CCQ2527A	1	<i>(Signature)</i>	6.7	4.0	5.1	
34	2125270055	Mai Thị Mỹ Linh	10/07/2007	CCQ2527B	1	<i>(Signature)</i>	6.8	7.0	6.9	
35	2125270185	Trần Hữu Lộc	08/01/2007	CCQ2527A			0.0			
36	2125270021	Đỗ Quang Minh	02/08/2007	CCQ2527A			0.0			
37	2125270158	Phạm Trần Công Minh	23/03/2007	CCQ2527A	1	<i>(Signature)</i>	5.1	5.0	5.0	
38	2125270032	Nguyễn Kim Su My	22/10/2007	CCQ2527A	02	<i>(Signature)</i>	8.3	8.0	8.1	
39	2125270163	Nguyễn Ngọc My	17/04/2007	CCQ2527B	1	<i>(Signature)</i>	8.5	7.5	7.9	
40	2125270065	Chử Đức Nam	17/09/2007	CCQ2527B	02	<i>(Signature)</i>	8.3	8.5	8.4	
41	2125270053	Trần Thị Thanh Ngân	18/04/2006	CCQ2527B	1	<i>(Signature)</i>	7.5	5.5	6.3	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1:  Cán bộ coi thi 2:  G.Viên chấm thi 1:  G.Viên chấm thi 2: 

Môn học: Giáo dục Chính trị (22300822)

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A205

Số SV có mặt: 35

Số bài thi: 35

Số tờ giấy thi: 29

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2125270003	Trần Thị Thu	Ngân	16/06/2007	CCQ2527A		0.0			
2	2125270186	Đỗ Trọng	Nghĩa	02/04/2007	CCQ2527B		5.8			
3	2125270164	Phạm Minh	Nghĩa	30/07/2006	CCQ2527B	1 nghĩa	8.0	8.0	8.0	
4	2125270031	Lê Thái	Ngọc	21/01/2007	CCQ2527A	1 Ngọc	7.7	5.0	6.1	
5	2125270023	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	18/11/2007	CCQ2527A	1 Ngọc	7.5	3.5	5.1	
6	2125270054	Quách Hồng	Ngọc	22/12/2007	CCQ2527B	1 Quách	7.0	4.0	5.2	
7	2125270157	Nguyễn Thị Thùy	Như	28/09/2007	CCQ2527A	2 Như	8.2	8.5	8.4	
8	2125270033	Nguyễn Võ Hồng	Nhung	25/07/2007	CCQ2527A	1 Nhung	7.1	7.0	7.0	
9	2125270027	Phan Thị Ngọc	Ni	22/07/2007	CCQ2527A	1 Ni	7.8	8.0	7.9	
10	2125270006	Đinh Tấn	Phát	24/06/2007	CCQ2527A	2 Tấn	7.0	7.0	7.0	
11	2125270180	Nguyễn Hoàng	Phi	30/03/2007	CCQ2527B	1 Phi	7.6	5.0	6.0	
12	2125270188	Bùi Thanh	Phong	27/01/2007	CCQ2527B	1 Phong	7.7	6.5	7.0	
13	2125270008	Phạm Minh	Phúc	16/07/2007	CCQ2527A	1 Phúc	7.2	5.5	6.2	
14	2125270051	Nguyễn Võ Hồng	Phượng	04/04/2007	CCQ2527B	1 P	6.7	6.0	6.3	
15	2125270012	Nguyễn Hoàng	Quốc	09/07/2007	CCQ2527A	1 Quốc	6.2	3.0	4.3	
16	2125270181	Châu Ngọc	Quý	28/05/2007	CCQ2527A	1 Quý	7.4	5.5	6.3	
17	2125270002	Đinh Như	Quỳnh	19/11/2007	CCQ2527A	1 Quỳnh	7.6	8.5	8.1	
18	2125270067	Nguyễn Phan Như	Quỳnh	18/06/2007	CCQ2527B	1 Như	9.0	7.3	8.0	
19	2125270156	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	30/11/2007	CCQ2527A	1 Quỳnh	9.0	8.5	8.7	
20	2125270048	Phạm Như	Quỳnh	11/07/2007	CCQ2527B	1 Quỳnh	5.2	4.8	5.0	
21	2125270011	Trần Phong	Sang	21/08/2007	CCQ2527A		0.0			
22	2125270059	Đào Lê Nhật	Tân	27/02/2007	CCQ2527B	1 Tân	7.1	7.8	7.5	
23	2125270045	Trần Văn	Thành	17/01/2007	CCQ2527B	1 Văn	7.1	8.0	7.6	
24	2125270068	Đặng Phương Như	Thảo	24/05/2007	CCQ2527B		6.2			
25	2125270007	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	08/06/2006	CCQ2527A	1 Thảo	7.0	8.0	7.6	
26	2125270030	Lương Chí	Thiện	14/09/2007	CCQ2527A	1 Thiện	8.0	5.0	6.2	
27	2125270001	Đặng Thị Kim	Thu	18/10/2007	CCQ2527A	1 Thu	7.4	8.5	8.1	
28	2125270029	Dương Thị Ánh	Thư	08/12/2007	CCQ2527A	1 Thư	8.0	8.0	8.0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học: Giáo dục Chính trị (22300822)

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A205

Số SV có mặt: 35

Số bài thi: 35

Số tờ giấy thi: 29

STT	Mã SV	Họ và Tên	Thư	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2125270115	Nguyễn Anh	Thư	16/05/2007	CCQ2527A			0.0			
30	2125270039	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	05/05/2007	CCQ2527B	2		7.6	8.0	7.8	
31	2125270043	Trần Lê Hoài	Thương	08/09/2007	CCQ2527B	1		6.6	6.0	6.2	
32	2125270042	Trần Thanh	Thúy	10/05/2007	CCQ2527B	2		6.3	8.0	7.3	
33	2125270004	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	28/07/2007	CCQ2527A	1		6.8	5.0	5.7	
34	2125270047	Hồ Võ Đức	Trọng	08/02/2007	CCQ2527B	1		7.7	5.5	6.4	
35	2125270019	Tô Thành	Trung	11/11/2007	CCQ2527A			0.0			
36	2125270070	Nguyễn Văn	Tuấn	28/07/2006	CCQ2527B	1		7.7	8.0	7.9	
37	2125270071	Tạ Phương Trường	Vũ	07/06/2007	CCQ2527B	1		9.0	9.0	9.0	
38	2125270026	Nguyễn Ái	Vy	24/04/2007	CCQ2527A	1		8.0	7.5	7.7	
39	2125270167	Dương Thị Kim	Xuân	23/02/2007	CCQ2527B	1		6.1	3.5	4.5	
40	2124100187	Phạm Thị Hải	Yến	05/02/2005	CCQ2410F	1		7.3	7.5	7.4	
41	2125270056	Phan Thị Hải	Yến	06/07/2007	CCQ2527B	1		7.8	6.0	6.7	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

C. Hiền

Môn học: Giáo dục Chính trị (22300804)

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A206

Số SV có mặt: 38.

Số bài thi: 38....

Số tờ giấy thi: 48

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Nguyễn Minh Đức

N.T. Bình Nghi

Nguyễn Xuân Búi

Trần Thị Thảo

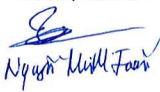
Hiền

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2125100031	Nguyễn Thị Vân Anh	01/10/2007	CCQ2510A	1	Anh	6.6	7.5	7.1	
2	2125100062	Trương Lan Anh	10/07/2007	CCQ2510B	1	<i>anh</i>	7.1	6.5	6.7	
3	2125100057	Bùi Hồng Ánh	10/01/2005	CCQ2510B	02	<i>anh</i>	6.9	9.0	8.2	
4	2125100004	Phan Thị Ngọc Ánh	15/08/2006	CCQ2510A	1	Anh	7.9	8.5	8.3	
5	2125100100	Trương Thị Ngọc Bích	18/10/2007	CCQ2510B	1	Bích	7.5	8.0	7.8	
6	2123110524	Nguyễn Thanh Bình	03/10/2001	CCQ2311M	1	binh	6.6	7.5	7.1	<i>th</i>
7	2121110334	Trần Thanh Bình	05/08/2003	CCQ2124F	02	<i>ph</i>	8.1	8.0	8.0	
8	2125100066	Nguyễn Thị Kim Chi	23/10/2007	CCQ2510B	02	Chi	7.7	8.3	8.1	
9	2124170004	Diệp Thanh Đại	23/09/2003	CCQ2417A	1	<i>ph</i>	7.4	8.0	7.8	
10	2125100067	Lê Bùi Phương Dung	01/05/2007	CCQ2510B	1	Dung	7.7	9.3	8.7	
11	2125100041	Nguyễn Chí Dũng	21/01/2007	CCQ2510B			4.4	<i>th</i>		
12	2125100017	Lê Thuỷ Duyên	21/09/2007	CCQ2510A	1	<i>anh</i>	8.0	7.5	7.7	
13	2125100038	Nguyễn Huỳnh Gia Hân	28/03/2006	CCQ2510B	1	<i>th</i>	6.8	6.0	6.3	
14	2125100016	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	03/06/2006	CCQ2510A	02	Bhau	7.0	9.0	8.2	
15	2125100065	Phạm Gia Hân	25/04/2007	CCQ2510B	1	<i>anh</i>	6.7	7.5	7.2	
16	2125100006	Nguyễn Như Hằng	06/01/2007	CCQ2510A	1	<i>ph</i>	7.1	8.8	8.1	
17	2125100054	Trần Thị Thúy Hằng	21/05/2006	CCQ2510B	1	hang	7.6	9.0	8.4	
18	2125100011	Nguyễn Thị Thu Hương	23/05/2007	CCQ2510A	1	<i>th</i>	7.7	7.0	7.3	
19	2123170126	Thân Trọng Kiên	08/03/2004	CCQ2317D	1	kiên	6.6	6.0	6.2	
20	2125100029	Lương Công Kiệt	28/12/2007	CCQ2510A	1	anh	6.7	6.5	6.6	
21	2125100133	Đào Thị Kim	25/11/2007	CCQ2510B	02	<i>ph</i>	7.2	8.0	7.7	
22	2125100028	Trần Ngọc Bích Liên	24/09/2007	CCQ2510A	02	hiền	7.0	8.0	7.6	
23	2125100014	Lê Gia Linh	23/09/2007	CCQ2510A	1	linh	7.3	8.3	7.9	
24	2125100192	Kiều Thị Khánh Ly	04/10/2007	CCQ2510B	1	<i>ph</i>	6.9	7.5	7.3	
25	2125100022	Nguyễn Thị Ngọc Mai	06/12/2006	CCQ2510A	1	ngoc mai	7.2	7.5	7.4	
26	2125100047	Trần Phan Lê Mi	13/11/2007	CCQ2510B	1	<i>ph</i>	7.0	8.0	7.6	
27	2125100069	Nông Thị Yến My	16/01/2007	CCQ2510B	1	<i>ph</i>	7.1	6.0	6.4	
28	2125100193	Phạm Thị Trà My	24/06/2007	CCQ2510A			3.7			

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2


Nguyễn Minh Tuấn


Nguyễn Thị Lệ


Nguyễn Xuân


Trần Thị Thảo

Môn học: Giáo dục Chính trị (22300804)

Ngày thi: 04/05/2026

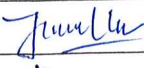
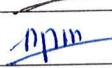
Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A206

Số SV có mặt: 38

Số bài thi: 38

Số tờ giấy thi: 46

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2125100060	Võ Thị Bé	Nga	25/08/2007	CCQ2510B	1		7.1	6.0	6.4
30	2125100021	Đoàn Thị Huỳnh	Ngân	21/04/2007	CCQ2510A	1		7.2	7.0	7.1
31	2125100059	Dương Thị Kim	Ngân	24/11/2007	CCQ2510B	02		8.1	9.0	8.6
32	2125100034	Nguyễn Ngọc Bảo	Ngân	06/11/2007	CCQ2510A	1		7.4	6.5	6.9
33	2125100040	Phạm Thị Thu	Ngân	07/09/2007	CCQ2510B	1		8.6	7.5	7.9
34	2125100033	Trần Thị Bảo	Ngọc	01/04/2007	CCQ2510A	1		7.6	5.5	6.3
35	2125100055	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	17/07/2007	CCQ2510B	1		6.8	7.0	6.9
36	2125100037	Tiền Thị Mỹ	Nguyên	20/10/2007	CCQ2510B	1		7.2	7.5	7.4
37	2125100013	Bùi Phan Yến	Nhi	22/12/2007	CCQ2510A	1		7.1	5.0	5.8
38	2125100007	Hồ Tuyết	Nhi	03/11/2007	CCQ2510A	1		7.5	8.0	7.8
39	2125100001	Lê Trần Thanh	Nhi	22/10/2003	CCQ2510A	1		7.4	5.0	6.0
40	2125100070	Nguyễn Thị Xuân	Nhi	10/10/2007	CCQ2510B	02		7.0	5.0	5.8

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học: Giáo dục Chính trị (22300804)

Ngày thi: 04/05/2026

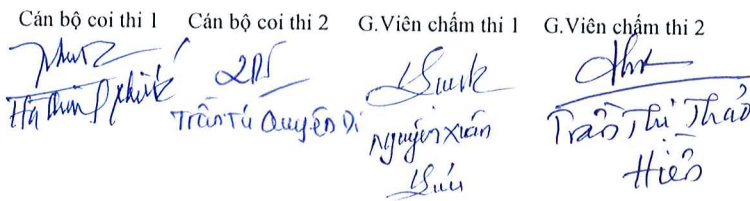
Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A301

Số SV có mặt: 40

Số bài thi: 40

Số tờ giấy thi: 53


 Trần Tú Uyên D. Nguyễn Xuân Búi
 Trần Thị Thảo Hiền

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2125100009	Nguyễn Như Phúc	04/12/2007	CCQ2510A	2	phuc	7.6	8,5	8,1	
2	2125100052	Nguyễn Thị Mai Phương	10/09/2006	CCQ2510B	2	phucng	7.4	8,0	7,8	
3	2125100049	Giang Thị Ngọc	13/07/2007	CCQ2510B	1	nguy	7.4	5,5	6,3	
4	2125100002	Nguyễn Ngọc Quý	21/09/2007	CCQ2510A	1	Quyn	7.7	8,3	8,1	
5	2125100068	Bùi Thị Kiều	18/12/2007	CCQ2510B	1	Quyn	6.9	7,5	7,3	
6	2125100056	Nguyễn Thị Thảo	06/02/2006	CCQ2510B	2	Quyn	6.6	8,5	7,7	
7	2125100058	Trần Thị Hạ	04/08/2007	CCQ2510B	1	Quyn	6.5	7,5	7,1	
8	2125170380	Nguyễn Thái Sơn	11/08/2007	CCQ2517J	2	Son	6.5	7,0	6,8	
9	2125100018	Bùi Thị Hồng	02/09/2007	CCQ2510A	1	tharin	7.6	7,0	7,2	
10	2125100032	Phạm Thị Thu	01/01/2007	CCQ2510A	1	Phan	7.7	8,0	7,9	
11	2125100026	Lê Thị Thu	13/11/2000	CCQ2510A	2	Thao	7.2	9,5	8,6	
12	2125100064	Nguyễn Thị Thu	08/05/2007	CCQ2510B	1	Thao	7.1	7,5	7,3	
13	2125100010	Ngô Quốc	28/08/2003	CCQ2510A	2	Thinh	7.5	8,0	7,8	
14	2125100039	Nguyễn Nữ Anh	05/01/2006	CCQ2510B	1	Anthu	5.6	8,0	7,0	
15	2125100051	Nguyễn Trần Ngọc	05/09/2007	CCQ2510B	1	Ch	7.4	8,0	7,8	
16	2125100008	Huỳnh Nguyễn Hữu	05/08/2007	CCQ2510A	1	Phuam	6.1	5,0	5,4	
17	2125100048	Trần Cẩm	09/10/2007	CCQ2510B	1	Phuam	7.4	8,0	7,8	
18	2125100046	Huỳnh Thị	09/09/2007	CCQ2510B	1	Phuam	7.1	6,5	6,7	
19	2125100053	Nguyễn Bá	22/04/2006	CCQ2510B	2	Phuam	8.3	8,5	8,4	
20	2125100020	Ngô Thị Việt	19/02/2007	CCQ2510A	1	Tram	7.2	5,5	6,2	
21	2125100027	Nguyễn Thị Ngọc	27/10/2007	CCQ2510A	1	Tram	7.6	8,5	8,1	
22	2125100061	Nguyễn Thị Bảo	16/07/2007	CCQ2510B	1	Tram	7.8	7,0	7,3	
23	2123120233	Trương Phan Huyền	29/09/2005	CCQ2312E	2	Tran	7.4	8,5	8,1	
24	2125100044	Hoàng Thị Kiều	03/02/2007	CCQ2510B	1	Trang	7.6	8,0	7,8	
25	2125100035	Nguyễn Thị Thanh	06/09/2007	CCQ2510A	1	Trang	7.9	6,5	7,1	
26	2125100045	Trương Hoàng Huyền	09/06/2007	CCQ2510B	1	Trang	7.3	4,5	5,6	
27	2123140017	Trần Hữu	19/12/2005	CCQ2314A	1	Tri	5.9	6,5	6,3	
28	2125100003	Lê Ngọc	12/04/2004	CCQ2510A	2	Truc	7.9	8,5	8,3	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Trần Tú Uyên *Nguyễn Xuân*
Trần Tú Thảo
Hiền

Môn học: Giáo dục Chính trị (22300804)

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A301

Số SV có mặt: *40*
Số bài thi: *40*
Số tờ giấy thi: *53*

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2125100030	Lê Thanh	Tuyển	10/05/2007	CCQ2510A	1	<i>Xuyen</i>	8.1	<i>7,3</i>	<i>7,6</i>	
30	2125100019	Nguyễn Thị Thanh	Tuyển	18/10/2007	CCQ2510A	1	<i>Tuyen</i>	8.1	<i>8,0</i>	<i>8,0</i>	
31	2123260145	Trương Thị Cẩm	Uyên	15/11/2005	CCQ2326B	1	<i>u</i>	8.1	<i>7,0</i>	<i>7,4</i>	
32	2125100005	Nguyễn Thị Cẩm	Vi	10/02/2006	CCQ2510A	2	<i>Vi</i>	7.6	<i>7,0</i>	<i>7,2</i>	
33	2125100158	Trương Nguyễn Thảo	Vi	23/06/2007	CCQ2510B	2	<i>Vi</i>	7.8	<i>7,0</i>	<i>7,3</i>	
34	2123110358	Đặng Quốc	Vinh	18/12/2005	CCQ2311J	1	<i>W</i>	8.3	<i>8,0</i>	<i>8,1</i>	
35	2125310138	Đoàn Minh	Vy	19/11/2007	CCQ2510A	1	<i>W</i>	8.3	<i>1,0</i>	<i>3,9</i>	
36	2125100050	Phạm Trần Phương	Vy	21/04/2007	CCQ2510B	1	<i>W</i>	7.3	<i>6,0</i>	<i>6,5</i>	
37	2125100025	Tô Thị Tường	Vy	28/05/2007	CCQ2510A	2	<i>W</i>	6.3	<i>6,0</i>	<i>6,1</i>	
38	2125100023	Đặng Ngọc Như	Ý	31/12/2007	CCQ2510A	2	<i>W</i>	7.1	<i>7,0</i>	<i>8,2</i>	
39	2125100015	Nguyễn Ngọc	Yến	18/03/2007	CCQ2510A	1	<i>W</i>	8.0	<i>8,5</i>	<i>8,3</i>	
40	2125100024	Nguyễn Thị Phương	Yến	14/11/2006	CCQ2510A	1	<i>W</i>	7.2	<i>5,5</i>	<i>6,2</i>	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Giáo dục Chính trị (22300805)

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A302

Số SV có mặt: 33

Số bài thi: 33

Số tờ giấy thi: 35

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2125100143	Trần Thị Diệu	Ái	16/06/2007	CCQ2510D		7.9	7.5	7.7	
2	2123200269	Phan Thành	An	26/02/2004	CCQ2320C		8.1	5.0	6.2	
3	2125100108	Đinh Thị Phương	Anh	17/01/2007	CCQ2510D		7.9	6.5	7.1	
4	2125100135	Nguyễn Thị Lan	Anh	25/03/2007	CCQ2510D		8.6	6.5	7.3	
5	2125100098	Trần Vũ Ngọc	Anh	30/10/2007	CCQ2510C		0.0			
6	2125100079	Nguyễn Hoàng Hồng	Châu	02/02/2002	CCQ2510C		0.0			
7	2125100142	Hồ Thị	Chi	10/08/2007	CCQ2510D		8.9	6.5	7.5	
8	2125100097	Phạm Thành	Công	26/11/2007	CCQ2510C		7.6	5.0	6.0	
9	2125100086	Nguyễn Thị Kim	Cương	14/12/2007	CCQ2510C	02	9.0	8.0	8.4	
10	2123150054	Trần Thành	Đạt	19/05/2005	CCQ2315B		0.0			
11	2125100043	Dương Ngọc Mai	Di	10/09/2007	CCQ2510C		8.3	5.0	6.3	
12	2125100104	Trịnh Thị Mỹ	Dung	19/02/2007	CCQ2510C		7.6	7.0	7.2	
13	2125100096	Nguyễn Quốc	Dũng	21/10/2007	CCQ2510C		8.3	8.0	8.1	
14	2125100107	Nguyễn Ngọc Phương	Duyên	30/01/2007	CCQ2510C		8.8	5.5	6.8	
15	2125100116	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	24/01/2007	CCQ2510D		7.8	3.5	5.2	
16	2125100103	Trần Thị Hồng	Duyên	08/08/2007	CCQ2510C		8.0	5.5	6.5	
17	2125100141	Bùi Thị Ngọc	Giang	08/12/2007	CCQ2510D		8.9	6.5	7.5	
18	2125100145	Lê Thị Ngọc	Hà	21/01/2007	CCQ2510D	2	8.9	8.5	8.7	
19	2125100101	Nguyễn Hà Gia	Hân	09/11/2005	CCQ2510C		6.7	6.0	6.3	
20	2125100126	Lê Thị Thu	Hằng	25/11/2007	CCQ2510D		8.1	6.5	7.1	
21	2125100078	Vũ Hồng	Hạnh	19/10/2006	CCQ2510C		7.8	6.0	6.7	
22	2125100119	Đinh Thị Kiều	Hương	08/02/1995	CCQ2510D		9.0	8.0	8.4	
23	2125100114	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Hương	22/02/2007	CCQ2510D		7.6	6.5	6.9	
24	2120200248	Đặng Liêu Tuấn	Khanh	04/03/2002	CCQ2020H		7.7	4.5	5.8	
25	2125100144	Thiệu Linh	Khánh	24/10/2007	CCQ2510D		6.7	5.5	6.0	
26	2125100112	Hồ Đêla	Knul	18/01/2007	CCQ2510D		0.0			
27	2125100085	Trần Thị Ngọc	Lan	03/04/2007	CCQ2510C		7.6	5.8	6.5	
28	2125100106	Đặng Thùy	Linh	18/08/2007	CCQ2510C		7.7	6.5	7.0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Giáo dục Chính trị (22300805)
Ngày thi: 04/05/2026
Giờ thi: 12g30
Phòng thi: A302

Số SV có mặt: 33
Số bài thi: 33
Số tờ giấy thi: 33

P.V. Sơn *A.T. Diên Thúy* *Trình T. Thanh* *Lê Văn Chuyết*

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2124190048	Đỗ Phạm Trúc	Linh	06/05/2004	CCQ2419B		<i>anh</i>	8.6	4.0	5.8	
30	2125100121	Hoàng Nguyễn Phương	Linh	27/10/2007	CCQ2510D		<i>pho</i>	6.9	8.0	7.6	
31	2125100129	Phí Khánh	Linh	02/07/2007	CCQ2510D		<i>ke</i>	8.1	4.5	5.9	
32	2123150037	Trần Hoài	Linh	13/09/2005	CCQ2315A		<i>Linh</i>	8.2	7.5	7.8	
33	2124170008	Nguyễn Phi	Long	14/10/2006	CCQ2417A		<i>long</i>	8.4	3.5	5.5	
34	2125100074	Nguyễn Thị Bích	Ly	12/06/2007	CCQ2510C		<i>Bích</i>	8.8	5.5	6.8	
35	2125100072	Trần Huyền Hằng	Nga	08/03/2007	CCQ2510C		<i>Nga</i>	8.4	7.0	7.6	
36	2125100124	Phan Thiên	Ngân	15/11/2007	CCQ2510D		<i>ngan</i>	8.0	5.5	6.5	
37	2125100109	Phan Chí	Nghĩa	25/12/2006	CCQ2510D		Chí	0.0			
38	2125100075	Nguyễn Thị	Ngợi	26/04/2007	CCQ2510C		<i>Ngợi</i>	8.1	6.5	7.1	
39	2125100137	Ngô Thị Minh	Nguyệt	26/12/2007	CCQ2510D		Minh	0.0			

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Giáo dục Chính trị (22300805)

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A304

Số SV có mặt: 36

Số bài thi: 36

Số tờ giấy thi: 36

Cán bộ coi thi 1: Lê Tấn Hải
Cán bộ coi thi 2: Nguyễn Thị Thu Cúc
G.Viên chấm thi 1: Trịnh Thị Thanh
G.Viên chấm thi 2: Lê Văn Chuyên

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2125100092	Thành Từ Thiên	Nguyệt	20/12/2004	CCQ2510C	2	Nguyệt	7.8	6.0	6.7	
2	2125100130	Đinh Lâm Tâm	Như	01/11/2007	CCQ2510D	1	Như	8.7	6.0	7.1	
3	2125100095	Hồ Thị Huỳnh	Như	15/11/2007	CCQ2510C	1	Huỳnh	8.1	6.0	6.8	
4	2125100120	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	19/09/2007	CCQ2510D	2	Quỳnh	8.7	7.0	7.7	
5	2125100091	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	13/04/2001	CCQ2510C	1	Huỳnh	8.5	7.0	7.6	
6	2125100110	Lê Thị Kim	Oanh	18/12/2007	CCQ2510D	1	Kim Oanh	8.6	3.0	5.2	
7	2123110381	Huỳnh Đỗ Nhuận	Phát	12/12/2005	CCQ2311K	1	Phát	8.7	7.0	7.7	
8	2125100194	Nguyễn Đại	Phú	04/06/2007	CCQ2510D			0.0			
9	2125100140	Hà Nguyễn Thanh	Phương	03/12/2007	CCQ2510D	1	Thanh	8.1	3.0	5.0	
10	2122190020	Hồ Hà Duy	Quang	08/09/2004	CCQ2219A	1	Duy	8.3	3.5	5.4	
11	2125100082	Nguyễn Thị Thu	Sương	12/10/2007	CCQ2510C	1	Thu	8.2	5.5	6.6	
12	2125100139	Huỳnh Trần Thanh	Tâm	06/04/2007	CCQ2510D	2	Thanh Tâm	8.6	7.0	7.6	
13	2125100077	Nguyễn Thị Ngân	Tâm	22/11/2007	CCQ2510C	1	Ngân	7.9	7.0	7.4	
14	2125100088	Nguyễn Thanh	Thanh	16/12/2007	CCQ2510C	1	Thanh	8.0	4.0	5.6	
15	2125100117	Bùi Ngọc Thanh	Thảo	26/12/2007	CCQ2510D	1	Bùi Thanh	8.1	5.0	6.2	
16	2125100090	Hà Thanh	Thảo	01/12/2007	CCQ2510C	2	Thảo	8.6	7.0	7.6	
17	2125100134	Hoàng Thị Thanh	Thảo	22/03/2007	CCQ2510C	2	Thanh Thảo	8.2	7.8	8.0	
18	2125100083	Huỳnh Thanh	Thảo	04/11/2007	CCQ2510C			0.0			
19	2125100089	Vũ Thái Minh	Thi	11/12/2007	CCQ2510C	1	Thi	8.0	7.5	7.7	
20	2124040106	Nguyễn Trần Đức	Thiên	22/03/2006	CCQ2404C	1	Đức	8.1	4.5	5.9	
21	2125100102	Đồng Thị Minh	Thư	30/04/2007	CCQ2510C	1	Minh Thư	9.0	6.5	7.5	
22	2125100111	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	23/07/2007	CCQ2510D	1	Anh Thư	8.7	5.0	6.5	
23	2125100113	Phạm Thị Minh	Thư	01/02/2007	CCQ2510D	1	Minh Thư	8.4	7.0	7.6	
24	2125100127	Trương Thị Anh	Thư	19/10/2005	CCQ2510D	2	Anh Thư	8.9	8.0	8.4	
25	2125100071	Lê Thị Thanh	Thùy	06/10/2007	CCQ2510C	1	Thùy	8.2	3.0	5.1	
26	2125100087	Nguyễn Thị	Tiên	21/11/2007	CCQ2510C	1	Tiên	8.1	5.5	6.5	
27	2125100105	Nguyễn Bảo	Trâm	09/11/2007	CCQ2510C	1	Trâm	7.3	5.5	6.2	
28	2125100084	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Trâm	10/05/2007	CCQ2510C	1	Ngọc Trâm	8.1	4.0	5.6	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Giáo dục Chính trị (22300805)

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A304

Số SV có mặt: 36

Số bài thi: 34

Số tờ giấy thi: 44

(Handwritten signatures and names of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2125100123	Trần Quế	Trân	16/07/2007	CCQ2510D	1	<i>(Signature)</i>	7.9	5.5	6.5	
30	2125100076	Võ Thị Kim	Trang	11/11/2007	CCQ2510C	1	<i>(Signature)</i>	8.0	5.0	6.2	
31	2125100122	Trần Cẩm	Tú	21/01/2007	CCQ2510D	1	<i>(Signature)</i>	8.6	5.0	6.4	
32	2125100128	Phạm Thị	Tuyết	01/06/2007	CCQ2510D	1	<i>(Signature)</i>	8.6	5.0	6.4	
33	2125100115	Hoàng Thị Thanh	Vân	05/07/2007	CCQ2510D	2	<i>(Signature)</i>	8.9	8.0	8.4	
34	2125100099	Bùi Nguyễn Anh	Viên	20/02/2007	CCQ2510C	1	<i>(Signature)</i>	8.4	5.5	6.7	
35	2125100081	Đinh Thị Tường	Vy	20/08/2007	CCQ2510C	1	<i>(Signature)</i>	8.2	5.5	6.6	
36	2125100188	Nguyễn Cao Thảo	Vy	09/11/2007	CCQ2510D			0.0			
37	2125100138	Huỳnh Như	Ý	14/10/2007	CCQ2510D	2	<i>(Signature)</i>	8.4	6.5	7.3	
38	2125100125	Lê Thị Như	Ý	21/08/2007	CCQ2510D	1	<i>(Signature)</i>	8.0	6.0	6.8	
39	2125100136	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	21/04/2007	CCQ2510D	1	<i>(Signature)</i>	7.9	5.5	6.5	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Môn học: Giáo dục Chính trị (22300819)

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A305

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Số SV có mặt: 38

Số bài thi: 39

Số tờ giấy thi: 38

STT	Mã SV	Họ và Tên	Như	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2125260032	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	02/02/2007	CCQ2526A	01	Như	7.7	7.5	7.6	
2	2125260023	Bùi Thị Cẩm	Nhung	19/05/2007	CCQ2526A	02	phuu	7.6	4.0	5.4	
3	2125260081	Hầu Thị Lan	Oanh	04/06/2007	CCQ2526B	01	Anh	7.9	6.0	6.8	
4	2125260027	Tòng Thanh	Phong	06/07/2006	CCQ2526A	02	Phong	7.3	8.5	8.0	
5	2125260053	Võ Hoàng	Phong	26/08/2007	CCQ2526B	01	phong	7.3	6.5	6.8	
6	2125260044	Nguyễn Ngọc	Phú	24/04/2006	CCQ2526B	01	phuu	7.1	3.8	5.1	
7	2125260047	Dương Thanh	Phương	22/01/2006	CCQ2526B	01	Phu	7.3	7.5	7.4	
8	2125260205	Hoàng Minh	Quân	06/11/2007	CCQ2526B	01	Phu	6.9	5.5	6.1	
9	2125260051	Nguyễn Thị Hồng	Quyên	24/12/2007	CCQ2526B	01	Phu	6.7	8.0	7.5	
10	2125260019	Lê Ngọc Diễm	Quỳnh	10/09/2004	CCQ2526A	01	Phu	7.9	8.0	8.0	
11	2125260024	Đặng Trần Minh	Sang	27/02/2007	CCQ2526A	01	Phu	7.4	5.0	6.0	
12	2125260067	Nguyễn Thành	Tài	05/07/2007	CCQ2526B			4.3			
13	2125260034	Nguyễn Thị Ngọc	Tài	29/03/2007	CCQ2526A	01	Phu	5.7	7.5	6.8	
14	2125260037	Nguyễn Thị Như	Thắm	18/03/2007	CCQ2526B	01	Phu	7.1	7.5	7.3	
15	2125260059	Nguyễn Xuân	Thành	28/03/2007	CCQ2526B	01	Phu	6.9	4.8	5.6	
16	2125260054	Nguyễn Thị Hồng	Thảo	07/03/2007	CCQ2526B	02	Phu	7.2	8.5	6.4	
17	2125260201	Trần Anh	Thơ	06/04/2007	CCQ2526A	02	Phu	7.3	5.8	6.4	
18	2125260039	Cái Thị	Thu	26/09/2007	CCQ2526B	02	Phu	7.9	8.0	8.0	
19	2125260042	Đặng Hồ Bích	Thư	09/07/2007	CCQ2526B	01	Phu	6.6	4.0	5.0	
20	2125260029	Lê Thị Anh	Thư	03/01/2007	CCQ2526A	02	Phu	7.6	8.5	8.1	
21	2125260036	Mai Hằng Kim	Thư	08/10/2007	CCQ2526B	01	Phu	6.9	4.3	5.3	
22	2125260009	Phạm Lê Anh	Thư	06/08/2007	CCQ2526A	01	Phu	7.6	8.0	7.8	
23	2125260049	Trần Ánh	Thư	07/06/2007	CCQ2526B	01	Phu	7.8	7.5	7.6	
24	2125260043	Ngô Thị Mộng	Thường	20/03/2007	CCQ2526B	01	Phu	7.6	6.5	6.9	
25	2125260014	Huỳnh Thị	Thủy	16/06/2006	CCQ2526A	01	Phu	7.1	7.5	7.3	
26	2125260013	Trương Thị	Tinh	01/09/2007	CCQ2526A	01	Phu	7.4	7.5	7.5	
27	2125260200	Trương Thị Ngọc	Trâm	17/03/2007	CCQ2526A	02	Phu	7.8	8.0	7.9	
28	2125260022	Đinh Thị Quỳnh	Trang	27/09/2007	CCQ2526A	01	Phu	7.1	7.5	7.3	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Giáo dục Chính trị (22300819)

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A305

Số SV có mặt: 38

Số bài thi: 38

Số tờ giấy thi: 38

Phạm Văn Đức Trần Thị Mai Trần Thị Mai Trần Thị Mai
Trần Thị Mai Trần Thị Mai Trần Thị Mai Trần Thị Mai
Trần Thị Mai Trần Thị Mai Trần Thị Mai Trần Thị Mai

STT	Mã SV	Họ và Tên	Trí	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2125260118	Bùi Trọng Trí	Trí	26/03/2006	CCQ2526A	01	Trí	7.3	6.5	6.8	
30	2125260021	Nguyễn Thị Mai	Trinh	27/03/2007	CCQ2526A	01	Trinh	7.0	6.0	6.4	
31	2125260070	Phạm Trần Minh	Trúc	07/03/2007	CCQ2526B	01	Trúc	7.0	0.5	3.1	
32	2125260020	Lương Cẩm Tú	Tú	31/08/2007	CCQ2526A	01	Tú	7.5	8.0	7.8	
33	2125260031	Võ Thị Ánh	Tuyết	02/07/2006	CCQ2526A	02	Tuyết	7.4	8.0	7.8	
34	2125260026	Lưu Thị Mỹ	Uyên	28/05/2007	CCQ2526A	01	Uyên	7.0	7.5	7.3	
35	2125260025	Lưu Năng Tường	Vân	12/04/2007	CCQ2526A	01	Vân	7.6	7.5	7.5	
36	2125260199	Nguyễn Tường Vi	Vi	09/09/2007	CCQ2526A	01	Vi	7.6	6.5	6.9	
37	2125260065	Lê Thị Yến	Vy	24/04/2007	CCQ2526B	02	Vy	7.6	8.0	7.8	
38	2125260061	Trương Thị Thuý	Vy	06/09/2007	CCQ2526B	01	Thuý	7.5	8.0	7.8	
39	2125260202	Nguyễn Đỗ Thanh	Xuân	01/07/2007	CCQ2526A	01	Xuân	7.5	7.0	7.2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Giáo dục Chính trị (22300810)

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A401

Số SV có mặt: 35

Số bài thi: 35

Số tờ giấy thi: 36

(Handwritten signatures of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2125300158	Nguyễn Thị Thảo	Như	31/12/2007	CCQ2530E	1	<i>(Signature)</i>	7.4	2.0	4.2	
2	2125300230	Nguyễn Võ Quỳnh	Như	30/09/2007	CCQ2530F			0.0			
3	2125300199	Lê Thị Cẩm	Nhung	21/09/2007	CCQ2530F	1	<i>(Signature)</i>	6.3	8.0	7.3	
4	2125300225	Nguyễn Hoàng	Phong	07/03/2007	CCQ2530F	1	<i>(Signature)</i>	6.7	7.8	7.4	
5	2125300204	Đặng Nguyễn Trúc	Phương	29/09/2007	CCQ2530F	1	<i>(Signature)</i>	7.5	7.0	7.2	
6	2125300222	Nguyễn Nguyên	Phương	22/12/2007	CCQ2530F			0.0			
7	2125300208	Nguyễn Thị Thảo	Quyên	12/06/2007	CCQ2530F	1	<i>(Signature)</i>	7.5	5.0	6.0	
8	2125300153	Phan Ngọc Thảo	Quyên	12/12/2007	CCQ2530E	1	<i>(Signature)</i>	7.6	4.5	5.7	
9	2125300183	Phan Thị Thúy	Quyên	06/12/2007	CCQ2530E	1	<i>(Signature)</i>	6.7	7.5	7.2	
10	2125300249	Lê Thị Ngọc	Thắm	08/06/2007	CCQ2530F	1	<i>(Signature)</i>	8.0	5.8	6.7	
11	2125300168	Nguyễn Quốc	Thắng	13/05/2007	CCQ2530E	1	<i>(Signature)</i>	5.8	3.0	4.1	
12	2125300174	Nguyễn Thị Hoài	Thanh	12/10/2007	CCQ2530E	1	<i>(Signature)</i>	4.5	6.0	5.4	
13	2125300250	Thái Gia Hoài	Thanh	01/02/2007	CCQ2530F	1	<i>(Signature)</i>	6.3	8.0	7.3	
14	2125300252	Nguyễn Minh	Thành	24/04/2007	CCQ2530F	1	<i>(Signature)</i>	6.3	8.0	7.3	
15	2125300227	Phạm Huỳnh Phương	Thảo	24/03/2007	CCQ2530F	1	<i>(Signature)</i>	7.5	7.0	7.2	
16	2125300233	Nguyễn Văn	Thật	09/07/2007	CCQ2530F	1	<i>(Signature)</i>	7.3	6.5	6.8	
17	2125300226	Nguyễn Trương Tấn	Thịnh	10/12/2007	CCQ2530F	1	<i>(Signature)</i>	5.9	8.5	7.5	
18	2125300235	Trương Phúc	Thịnh	09/11/2007	CCQ2530F			0.0			
19	2125300192	Phạm Anh	Thư	23/10/2007	CCQ2530E	1	<i>(Signature)</i>	7.3	5.0	5.9	
20	2125300178	Phạm Minh	Thư	07/07/2007	CCQ2530E	1	<i>(Signature)</i>	7.0	7.5	7.3	
21	2125300232	Võ Mai Anh	Thư	17/04/2007	CCQ2530F	1	<i>(Signature)</i>	7.2	7.0	7.1	
22	2125300152	Đinh Thị Kim	Thương	06/09/2007	CCQ2530E	1	<i>(Signature)</i>	7.1	6.0	6.4	
23	2125300219	Đặng Thị Bích	Thuy	21/11/2007	CCQ2530F	1	<i>(Signature)</i>	6.1	6.0	6.0	
24	2125300173	Kiều Nữ Thuỷ	Tiên	13/10/2007	CCQ2530E	1	<i>(Signature)</i>	7.2	5.0	5.9	
25	2125300186	Nguyễn Thị Thanh	Tiên	29/01/2007	CCQ2530E	1	<i>(Signature)</i>	7.4	7.0	7.2	
26	2125300251	Nguyễn Văn	Tiếp	11/07/2007	CCQ2530F	1	<i>(Signature)</i>	7.4	7.0	7.2	
27	2125300182	Phan Hữu	Toàn	02/01/2007	CCQ2530E	1	<i>(Signature)</i>	7.1	7.0	7.0	
28	2125300159	Lê Thị Thanh	Trân	01/11/2007	CCQ2530E	1	<i>(Signature)</i>	4.6	2.0	3.0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Giáo dục Chính trị (22300810)

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A401

Số SV có mặt: 35

Số bài thi: 35

Số tờ giấy thi: 36

CM. Hùng *Nguyễn Phú* *Thánh* *Thị Xuân*
hoan *Thị T. Thanh*

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2125300211	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	15/07/2007	CCQ2530F	1	<i>Trân</i>	7.4	7.0	7.2	
30	2125300177	Lê Thị Thu	Trang	24/01/2007	CCQ2530E	1	<i>Trang</i>	7.9	8.5	8.3	
31	2125300160	Nguyễn Thị	Trang	28/08/2007	CCQ2530E	1	<i>Trang</i>	7.4	7.0	7.2	
32	2125300213	Trần Đức	Trung	20/09/2007	CCQ2530F	1	<i>Trần</i>	7.4	5.5	6.3	
33	2125300217	Huỳnh Thị Kim	Tuyền	19/01/2007	CCQ2530E	1	<i>Kim</i>	6.8	6.5	6.6	
34	2125300197	Trần Nguyễn Tường	Vân	03/08/2007	CCQ2530F	1	<i>Tường</i>	6.7	6.5	6.6	
35	2125300200	Nguyễn Ngọc	Việt	17/12/2007	CCQ2530F	1	<i>Việt</i>	6.8	3.8	5.0	
36	2125300170	Bùi Văn	Vũ	29/09/2007	CCQ2530E	1	<i>Vũ</i>	7.4	5.5	6.3	
37	2125300155	Nguyễn Huỳnh	Yên	03/02/2006	CCQ2530E	2	<i>Yên</i>	7.9	8.5	8.3	
38	2125300202	Nguyễn Trần Hải	Yến	23/04/2007	CCQ2530F	1	<i>Yến</i>	7.3	5.5	6.2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

C. Xuân

Môn học: Giáo dục Chính trị (22300819)

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A402

Số SV có mặt: 33

Số bài thi: 33

Số tờ giấy thi: 33

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2125260068	Lê Thị Lâm Anh	27/06/2007	CCQ2526B	1	Lâm Anh	7.0	3.8	5.1	
2	2125260007	Lương Thị Lan	21/07/2005	CCQ2526A	1	Lan Lan	7.8	7.5	7.6	
3	2125260071	Huỳnh Thị Bích	02/12/2007	CCQ2526B	1	Thị Bích	7.2	7.5	7.4	
4	2125260064	Trần Thị Bảo Châu	14/10/2007	CCQ2526B	1	Châu	7.0	6.0	6.4	
5	2125260135	Lê Thị Kim Chi	06/06/2007	CCQ2526B	1	Chi	7.6	5.0	6.0	
6	2125260038	Phạm Thanh Danh	23/11/2007	CCQ2526B	1	Danh	6.9	6.0	6.4	
7	2125260018	Trần Thị Bích Diễm	10/08/2007	CCQ2526A	1	Diễm	7.6	6.8	7.1	
8	2125260002	Võ Thị Khánh Dung	03/12/2007	CCQ2526A	2	Dung	7.4	6.0	6.6	
9	2125260058	Lê Mai Anh Dũng	20/06/2007	CCQ2526B	1	Dũng	6.5	7.0	6.8	
10	2125260028	Nguyễn Đào Anh Duy	05/11/2007	CCQ2526A	1	Duy	6.8	4.0	5.1	
11	2125260012	Nguyễn Thị Ngân Hà	11/12/2007	CCQ2526A	2	Hà	7.2	7.0	7.1	
12	2125260017	Nguyễn Thị Ngọc Hân	14/03/2007	CCQ2526A	2	Hân	7.8	8.0	7.9	
13	2125260035	Phạm Ngọc Bảo Hân	15/04/2007	CCQ2526A	1	Han	6.1	7.5	6.9	
14	2125260198	Nguyễn Tuyết Hiếu	23/02/2007	CCQ2526B			5.1			
15	2125260030	Đoàn Thanh Hương	25/07/2007	CCQ2526A	1	Hương	7.2	7.0	7.1	
16	2125260204	Nguyễn Lê Chí Hường	01/05/2007	CCQ2526B			0.0			
17	2125260052	Lê Minh Huy	23/02/2007	CCQ2526B			0.0			
18	2125260050	Trần Như Huỳnh	17/01/2007	CCQ2526B	1	Huỳnh	7.4	7.5	7.5	
19	2125260062	Mai Thị Kim Khuyên	16/01/2007	CCQ2526B			0.0			
20	2125260005	Thạch Thị Thuý Kiều	09/09/2007	CCQ2526A	1	Kiều	8.0	6.5	7.1	
21	2125260203	Vũ Thị Kim Loan	20/06/2007	CCQ2526A	1	Loan	8.1	8.5	8.3	
22	2125260069	Phan Thị Mỹ Lợi	28/12/2007	CCQ2526B	1	Lợi	7.7	6.5	7.0	
23	2125260008	Nguyễn Công Minh	19/05/2007	CCQ2526A	1	Minh	5.9	4.5	5.1	
24	2125260015	Phú Thị Trà My	05/07/2007	CCQ2526A	1	My	7.1	7.0	7.0	
25	2125260207	Ngô Thị Kim Nga	20/01/2007	CCQ2526B			0.0			
26	2125260066	Nguyễn Phan Huỳnh Nga	20/06/2007	CCQ2526B	1	Nga	7.0	7.5	7.3	
27	2125260045	Nguyễn Quỳnh Phương Ngân	24/09/2007	CCQ2526B	1	Phương	7.3	7.5	7.4	
28	2125260003	Nguyễn Thị Minh Nghi	03/02/2007	CCQ2526A	1	Nghi	7.6	8.5	8.1	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Đào Thị Diễm *N.T.T.T* *Trần Thị T. Phan* *Lưu Thị Xuân*

Môn học: Giáo dục Chính trị (22300819)

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A402

Số SV có mặt: 33

Số bài thi: 33

Số tờ giấy thi: 33

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2125260010	Nguyễn Huỳnh Hải	Nghiep	29/11/2007	CCQ2526A	1	<i>Cluy</i>	5.5	2.0	3.4	
30	2125260162	Lê Bảo	Ngoc	12/02/2007	CCQ2526B	1	<i>Ngoc</i>	7.8	8.0	7.9	
31	2125260055	Lê Thị Ánh	Nguyet	06/07/2007	CCQ2526B	1	<i>nguyet</i>	7.8	6.5	7.0	
32	2125260011	Trần Thị Thuý	Nhan	22/09/2007	CCQ2526A	1	<i>nhan</i>	7.2	7.5	7.4	
33	2125260004	Nguyễn Thị Thuý	Nhan	28/12/2006	CCQ2526A	1	<i>Thuý</i>	7.9	7.5	7.7	
34	2125260206	Dương Yến	Nhi	12/10/2007	CCQ2526B	1	<i>nhi</i>	6.7	8.0	7.5	
35	2125260040	Nguyễn Bình	Nhi	15/08/2007	CCQ2526B	1	<i>Nhi</i>	7.0	5.0	5.8	
36	2125260006	Nguyễn Lê Khánh	Nhi	15/11/2007	CCQ2526A	1	<i>khánh</i>	7.4	8.0	7.8	
37	2125260208	Nguyễn Thị Uyên	Nhi	09/07/2007	CCQ2526B	2	<i>Uyen</i>	5.1	7.5	6.5	
38	2125260046	Nguyễn Thị Hoài	Nhu	15/07/2007	CCQ2526B	1	<i>Nh</i>	7.6	7.5	7.5	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

C. V. Văn

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Môn học: Giáo dục Chính trị (22300810)

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A404

Số SV có mặt: 34

Số bài thi: 34

Số tờ giấy thi: 56

Hoàng Văn Lợi
Đỗ Đình Trọng
Phạm Thị Thanh
Lương Thị Xuân

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2125300176	Nguyễn Cao Hoàng Ngọc Anh	25/01/2007	CCQ2530E	1		5.2	6.0	5.7	
2	2125300201	Nguyễn Công Hoàng Anh	08/10/2007	CCQ2530F	1	Anh	7.0	6.5	6.7	
3	2125300193	Trần Trọng Anh	12/05/2007	CCQ2530E			0.0			
4	2125300166	Châu Gia Bảo	09/12/2007	CCQ2530E			0.0			
5	2125300248	Đinh Gia Bảo	18/10/2006	CCQ2530F	1	B	6.7	2.5	4.2	
6	2125300194	Nguyễn Lê Quốc Bảo	25/01/2006	CCQ2530E	1	B	5.6	6.5	6.1	
7	2125300184	Trần Thị Ngọc Bích	10/11/2007	CCQ2530E	1	B	7.8	5.5	6.4	
8	2125300247	Dương Thành Đạt	05/10/2007	CCQ2530F	1	Đ	6.7	6.0	6.3	
9	2125300180	Nguyễn Thị Định	16/09/2007	CCQ2530E	1	Đ	7.6	6.5	6.9	
10	2125300188	Nguyễn Khánh Duy	01/07/2007	CCQ2530E	1	Đ	7.5	6.5	6.9	
11	2125300162	Nguyễn Thị Hồng Gấm	02/09/2007	CCQ2530E	1	G	7.0	4.0	5.2	
12	2125300215	Trần Thị Thu Hà	11/08/2007	CCQ2530F	1	H	7.6	7.0	7.2	
13	2125300187	Thạch Lê Đức Hạnh	08/05/2007	CCQ2530E	1	H	7.5	6.5	6.9	
14	2125300154	Trần Thị Ngọc Hậu	05/09/2007	CCQ2530E	1	H	7.5	3.3	5.0	
15	2125300167	Phạm Văn Hiền	27/08/2007	CCQ2530E	1	P	6.4	5.8	6.0	
16	2125300209	Hồ Phan Văn Hiếu	16/01/2007	CCQ2530F	1	H	7.6	6.0	6.6	
17	2125300161	Nguyễn Thị Kim Huệ	12/03/2007	CCQ2530E	1	H	7.4	7.5	7.5	
18	2125300231	Lê Hữu Hưng	17/10/2007	CCQ2530F	1	H	6.9	6.0	6.4	
19	2125300205	Ngô Quang Huy	02/01/2007	CCQ2530F	2	H	7.6	8.5	8.1	
20	2125300212	Nguyễn Văn Khá	07/11/2007	CCQ2530F	1	K	6.6	6.5	6.5	
21	2125300228	Quách Thị Vân Kiều	08/03/2007	CCQ2530F	1	K	6.6	5.5	5.9	
22	2125300195	Nguyễn Thị Phương Lam	07/01/2007	CCQ2530E	1	P	7.3	6.0	6.5	
23	2125300179	Nguyễn Huỳnh Gia Linh	01/05/2007	CCQ2530E	2	L	7.5	7.5	7.5	
24	2125300185	Trần Lê Thùy Linh	08/04/2007	CCQ2530E			0.0			
25	2125300224	Trần Thị Linh	27/01/2007	CCQ2530F	1	L	7.9	7.0	7.4	
26	2125300260	Văn Nguyễn Thuỳ Linh	07/10/2007	CCQ2530E	1	L	7.1	6.5	6.7	
27	2125300196	Võ Thị Hồng Loan	26/07/2007	CCQ2530E	1	L	8.0	6.5	7.1	
28	2125300203	Ngô Huỳnh Nhật Minh	25/06/2007	CCQ2530F	1	M	5.6	7.0	6.4	

Học kỳ 2 (2025-2026)

Số tờ giấy thi:.....





 Hoàng Đức Lợi Lê Thị Diệp Trần Thị Thanh Lê Thị Xuân

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2125300181	Phạm Đại	Nam	19/08/2007	CCQ2530E	1		8.3	7.5	7.8	
30	2125300198	Nguyễn Thị Kim	Ngân	01/09/2007	CCQ2530F	1		7.4	7.0	7.2	
31	2125300218	Nguyễn Thuý	Ngân	22/09/2002	CCQ2530F	1	Ngân	6.8	6.5	6.6	
32	2125300234	Nguyễn Quốc	Nghị	23/03/2007	CCQ2530F	1	Nghị	7.0	6.5	6.7	
33	2125300229	Phạm Thị Như	Ngọc	27/05/2007	CCQ2530F	1	Ngọc	6.7	5.5	6.0	
34	2125300279	Thân Hoài	Ngọc	06/04/2007	CCQ2530F	1	Ngọc	7.3	6.0	6.5	
35	2125300172	Nguyễn Thị Thảo	Nhi	22/04/2007	CCQ2530E	1	Nhi	7.1	7.0	7.0	
36	2125300220	Võ Đỗ Yến	Nhi	25/03/2007	CCQ2530F	1	Nhi	7.7	7.0	7.3	
37	2125300223	Huỳnh	Như	05/11/2007	CCQ2530F	1	Như	5.9	6.0	6.0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Giáo dục Chính trị (22300807)

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A405

Số SV có mặt: 35
Số bài thi: 35
Số tờ giấy thi: 38

(Handwritten signatures and names of examiners and supervisors)
Nguyễn T. P. Linh Lê Văn Chuyên Trịnh T. Thanh

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2125190067	Nguyễn Hữu Tú	Quỳnh	28/04/2007	CCQ2519B	1	<i>Quỳnh</i>	5.9	5.0	5.4	
2	2125190064	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	19/03/2006	CCQ2519B	1	<i>Nguyễn Thị Như</i>	7.4	7.0	7.2	
3	2125190075	Phạm Thị Ngọc	Sinh	02/06/2007	CCQ2519A	1	<i>Sinh</i>	8.1	7.5	7.7	
4	2125190057	Phạm Thị Yến	Sương	19/01/2007	CCQ2519B	1	<i>Sương</i>	6.9	5.5	6.1	
5	2125190022	Bá Thị Thanh	Tài	20/08/2007	CCQ2519A	1	<i>Bá Thị Thanh</i>	6.7	6.5	6.6	
6	2125190065	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	20/10/2005	CCQ2519B	1	<i>Nguyễn Thị Thanh</i>	8.8	8.5	8.6	
7	2125190058	Phạm Thanh	Thảo	12/06/2007	CCQ2519B	1	<i>Phạm Thanh</i>	8.2	7.5	7.8	
8	2125190020	Thị	Thảo	20/12/2007	CCQ2519A	1	<i>Thị</i>	7.3	8.0	7.7	
9	2125190007	Nguyễn Thị Hoài	Thị	14/11/2007	CCQ2519A	2	<i>Thị</i>	7.3	8.5	8.0	
10	2125190009	Phạm Hoàng	Thịnh	07/03/2007	CCQ2519A	1	<i>Phạm Hoàng</i>	6.4	6.8	6.6	
11	2125190085	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	16/08/2007	CCQ2519A	1	<i>Nguyễn Ngọc Anh</i>	5.8	6.5	6.2	
12	2125190045	Nguyễn Thị Minh	Thư	13/09/2007	CCQ2519B	1	<i>Thư</i>	6.7	6.5	6.6	
13	2125190047	Đỗ Thanh	Thuận	11/07/2007	CCQ2519B	1	<i>Đỗ Thanh</i>	8.2	9.0	8.7	
14	2125190069	Trần Ngọc Bảo	Thy	29/06/2007	CCQ2519B	1	<i>Trần Ngọc Bảo</i>	5.9	6.0	6.0	
15	2125190010	Nguyễn Thị Huyền	Trân	10/02/2007	CCQ2519A	2	<i>Nguyễn Thị Huyền</i>	9.1	9.0	9.0	
16	2125190068	Bùi Thị Thuý	Trang	14/04/2007	CCQ2519B	1	<i>Bùi Thị Thuý</i>	6.5	8.5	7.7	
17	2125190027	Lê Thị Thuý	Trang	11/02/2007	CCQ2519A	1	<i>Lê Thị Thuý</i>	5.6	6.5	6.1	
18	2125190083	Nguyễn Thị Thùy	Trang	18/06/2007	CCQ2519B	1	<i>Nguyễn Thị Thùy</i>	7.1	7.8 ^{7.8}	7.5	
19	2125190008	Nguyễn Thu	Trang	27/03/2007	CCQ2519A	1	<i>Nguyễn Thu</i>	5.4	7.0	6.4	
20	2125190038	Vi Huyền	Trang	10/10/2005	CCQ2519B	1	<i>Vi Huyền</i>	8.0	9.0	8.0	
21	2125190040	Nguyễn Ngọc Yến	Trinh	14/08/2007	CCQ2519B	1	<i>Nguyễn Ngọc Yến</i>	7.6	9.5	8.7	
22	2125190005	Nguyễn Kim	Trúc	09/02/2007	CCQ2519A	2	<i>Nguyễn Kim</i>	8.6	7.0	7.0	
23	2125190002	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	26/11/2007	CCQ2519A	1	<i>Nguyễn Thị Thanh</i>	7.1	6.0	6.4	
24	2125190088	Nguyễn Thành	Trung	10/08/2007	CCQ2519B	1	<i>Nguyễn Thành</i>	7.4	8.0	7.8	
25	2125190053	Lư Thị Cẩm	Tú	26/09/2007	CCQ2519B	1	<i>Lư Thị Cẩm</i>	8.6	8.0	8.2	
26	2125190037	Nguyễn Lê Tuấn	Tú	24/10/2004	CCQ2519B	1	<i>Nguyễn Lê Tuấn</i>	7.6	8.0	7.8	
27	2125190081	Nguyễn Thị Cát	Tường	28/11/2007	CCQ2519B	1	<i>Nguyễn Thị Cát</i>	6.7	6.5	6.6	
28	2125190086	Nguyễn Thái Phương	Uyên	13/01/2007	CCQ2519B	1	<i>Nguyễn Thái Phương</i>	7.5	7.0	7.2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Giáo dục Chính trị (22300807)

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A405

Số SV có mặt: 35

Số bài thi: 35

Số tờ giấy thi: 38

[Signature]

[Signature]
Nguyễn T.P. Linh

[Signature]
Lê Văn Chuyền

[Signature]
Đinh T. Thanh

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2125190032	Nguyễn Thị Hồng	Vân	01/12/2007	CCQ2519A	1	<i>[Signature]</i>	7.3	3.5	5.0	
30	2125190074	Nguyễn Văn	Vàng	01/01/2007	CCQ2519B	1	<i>[Signature]</i>	7.4	8.5	8.1	
31	2125190006	Nguyễn Hồng Khánh	Vi	31/07/2007	CCQ2519A			0.0			
32	2125190050	Nguyễn Hồ Quốc	Vinh	07/07/2006	CCQ2519B	1	<i>[Signature]</i>	7.0	5.0	5.8	
33	2125190051	Lê Trần Nguyên	Vũ	02/12/2007	CCQ2519A	1	<i>[Signature]</i>	7.6	8.8	8.3	
34	2125190055	Lê Khánh	Vy	14/11/2007	CCQ2519B	1	<i>[Signature]</i>	8.0	5.5	6.5	
35	2125190004	Trần Lê Thanh	Vy	08/04/2007	CCQ2519A	1	<i>[Signature]</i>	7.4	7.5	7.5	
36	2125190039	Ngô Ngọc Như	Ý	13/07/2007	CCQ2519B	1	<i>[Signature]</i>	6.1	6.5	6.3	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học: Giáo dục Chính trị (22300808)

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A406

Số SV có mặt: 30

Số bài thi: 30

Số tờ giấy thi: 30

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2125300043	Nguyễn Hoàng Bảo An	01/01/2007	CCQ2530B	1	An	7.6	6.0	6.6	
2	2125300032	Đặng Cao Phương Bảo	24/07/2007	CCQ2530A	1	Phương	8.0	8.0	8.0	
3	2125300190	Trần Gia Bình	13/09/2007	CCQ2530B	1	Bình	8.7	9.0	8.9	
4	2125300288	Trần Văn Bình	11/04/2005	CCQ2530B	1	Bình	8.4	8.6	8.5	
5	2125300221	Nguyễn Tất Cẩm	01/08/2007	CCQ2530B	1	Cẩm	6.6	5.0	5.6	
6	2125300042	Dương Đình Đại	15/05/2007	CCQ2530B	1	Đại	7.9	7.5	7.7	
7	2125300163	Nguyễn Lương Quốc Đại	17/11/2007	CCQ2530B	1	Đại	7.7	9.0	8.5	
8	2125300045	Huỳnh Thành Đạt	06/11/2007	CCQ2530B	1	Đạt	6.6	8.0	7.4	
9	2125300053	Nguyễn Tiến Đạt	16/06/2007	CCQ2530B	1	Đạt	7.1	5.0	5.8	
10	2125300002	Nguyễn Thủy Bích Diễm	31/07/2007	CCQ2530A	1	Diễm	6.6	7.5	7.1	
11	2125300024	Phan Thị Ngọc Diệu	30/04/2007	CCQ2530A	1	Diệu	8.1	8.0	8.0	
12	2125300067	Bùi Tiến Dũng	30/06/2007	CCQ2530B	2	Dũng	6.4	8.5	7.7	
13	2125300051	Hồ Thị Hương Giang	18/03/2007	CCQ2530B	1	Giang	6.4	8.0	7.4	
14	2125300060	Thạch Thị Cẩm Giang	11/05/2007	CCQ2530B	2	Giang	8.9	9.0	9.0	
15	2125300066	Võ Thanh Hoàng Hải	10/10/2006	CCQ2530B			0.0			
16	2125300021	Châu Ngọc Hân	26/01/2007	CCQ2530A			4.0			
17	2125300068	Lê Thị Tuyết Hân	19/05/2007	CCQ2530B	1	Hân	8.1	9.0	8.6	
18	2125300037	Hà Duy Hào	10/04/2007	CCQ2530B			0.0			
19	2125300098	Tổng Cao Hoàng	06/07/2007	CCQ2530A	1	Hoàng	6.6	7.0	6.8	
20	2125300034	Trần Thị Kim Hoàng	20/10/2007	CCQ2530A			4.9			
21	2125300029	Tiêu Hoàng Hùng	14/09/2007	CCQ2530A	1	Hùng	4.7	4.5	4.6	
22	2125300272	Nguyễn Chí Khang	06/06/2006	CCQ2530A	1	Khang	3.5	3.5	3.5	
23	2125300036	Nguyễn Phúc Khang	15/10/2007	CCQ2530B	1	Khang	8.1	7.4	7.7	
24	2125300013	Nguyễn Đào Duy Khánh	29/10/2007	CCQ2530A	1	Khánh	7.5	6.0	6.6	
25	2125300030	Nguyễn Hoàng Khôi	05/03/2007	CCQ2530A	1	Khôi	7.5	8.1	7.9	
26	2125300006	Lương Gia Khuê	08/05/2007	CCQ2530A	1	Khuê	8.0	8.5	8.3	
27	2125300004	Hoàng Thuý Kiều	28/06/2007	CCQ2530A	1	Kiều	7.4	5.5	6.3	
28	2125300003	Nguyễn Thanh Hồng Liên	15/12/2002	CCQ2530A	1	Liên	8.9	9.0	9.0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

(Handwritten signatures of examiners and supervisors)

Môn học: Giáo dục Chính trị (22300808)

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A406

Số SV có mặt: 30...

Số bài thi: 9/9...

Số tờ giấy thi: 30...

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2125300018	Huỳnh Thị Thùy	Linh	29/10/2007	CCQ2530A	<i>linh</i>	1	8.4	6.5	7.3	
30	2125300041	Lương Mỹ Trúc	Linh	13/12/2007	CCQ2530B	<i>linh</i>	1	8.4	6.5	7.3	
31	2125300014	Hồ Phú	Lộc	29/08/2005	CCQ2530A			0.0			
32	2125300274	Trần Ngọc	Minh	26/04/2007	CCQ2530A	<i>ke</i>	1	8.9	8.0	8.4	
33	2125300064	Võ Trương Quốc	Minh	10/09/2007	CCQ2530B	<i>qz</i>	1	7.6	4.0	5.4	
34	2125300019	Lê Thị Trà	My	07/09/2006	CCQ2530A	<i>my</i>	1	8.0	8.0	8.0	
35	2125300010	Trương Hoàng	Nam	24/10/2007	CCQ2530A			0.0			
36	2125300216	Lê Thị Thảo	Nguyên	19/10/2004	CCQ2530B	<i>ta</i>	1	8.9	7.0	7.8	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Giáo dục Chính trị (22300808)

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A501

Số SV có mặt: 32

Số bài thi: 22

Số tờ giấy thi: 40

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2125300047	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	30/06/2007	CCQ2530B	1	Nguyễn	8.6	7.0	7.6	
2	2125300046	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	07/12/2007	CCQ2530B	1	Yến	6.3	2.0	3.7	
3	2125300028	Nguyễn Yến	Nhi	31/07/2007	CCQ2530A			0.0			
4	2125300040	Thạch Ngọc Ái	Nhi	16/02/2002	CCQ2530B	2	Ái	9.0	9.0	9.0	
5	2125300245	Lê Võ Tuyết	Như	05/11/2007	CCQ2530B	1	Tuyết	7.1	8.3	7.8	
6	2125300239	Lê Hồng	Phát	25/05/2007	CCQ2530A	1	Phát	8.1	9.0	8.6	
7	2123150058	Nguyễn Như	Phát	01/01/2005	CCQ2315B	1	Phát	8.1	6.5	7.1	
8	2125300011	Đỗ Thanh	Phong	11/11/2007	CCQ2530A	1	Thanh	7.2	9.0	8.3	
9	2125300059	Võ Minh	Phú	19/11/2007	CCQ2530B	1	Minh	6.3	6.3	6.3	
10	2125300241	Trần Thiên	Phúc	23/06/2007	CCQ2530A	2	Phúc	8.1	8.5	8.3	
11	2125300026	Huỳnh Tấn	Quang	29/12/2007	CCQ2530A	2	Quang	8.3	8.5	8.4	
12	2125300005	Nguyễn Thị Ngọc	Quyên	10/09/2007	CCQ2530A	1	Quyên	6.1	7.0	6.6	
13	2125300009	Nguyễn Khải	Quyên	25/06/2007	CCQ2530A	1	Khải	6.6	5.5	5.9	
14	2125300055	Biện Hồng	Sương	04/02/2007	CCQ2530B	1	Hồng	7.5	6.0	6.6	
15	2125300023	Lê Trọng Anh	Tài	01/07/2007	CCQ2530A	2	Anh	8.1	9.0	8.6	
16	2125300017	Huỳnh Phạm Thu	Tâm	29/10/2007	CCQ2530A	1	Thu	6.4	8.5	7.7	
17	2125300056	Lương Thị Minh	Tâm	03/12/2007	CCQ2530B			0.0			
18	2125300008	Trịnh Minh	Tâm	27/07/2002	CCQ2530A			0.0			
19	2125300044	Nguyễn Thị Lan	Thanh	01/07/2007	CCQ2530B	1	Lan	8.7	7.5	8.0	
20	2125300025	Đặng Nhật	Thảo	28/08/2007	CCQ2530A	1	Thảo	5.7	8.5	7.4	
21	2125300057	Dương Thị Thanh	Thảo	17/08/2004	CCQ2530B	2	Thanh	8.7	9.0	8.9	
22	2125300246	Nguyễn Thị Thu	Thảo	11/10/2007	CCQ2530B	1	Thu	8.1	8.5	8.3	
23	2125300020	Nguyễn Hoàng	Thiện	28/04/2007	CCQ2530A	1	Hoàng	5.7	6.0	5.9	
24	2125300069	Lê Thị Cẩm	Thu	12/03/2007	CCQ2530B	1	Cẩm	7.9	9.0	8.6	
25	2125300054	Nguyễn Kiều Phương	Thu	06/12/2007	CCQ2530B	1	Thu	8.1	5.9	6.8	
26	2125300001	Nguyễn Thị Anh	Thư	21/03/2006	CCQ2530A	2	Anh	8.6	9.0	8.8	
27	2125300240	Trần Ngọc Anh	Thư	27/08/2007	CCQ2530A	1	Thư	7.0	8.5	7.9	
28	2125300048	Đặng Thị Huyền	Trang	10/06/2007	CCQ2530B	2	Trang	8.6	9.0	8.8	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Giáo dục Chính trị (22300808)

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A501

Số SV có mặt: 32
Số bài thi: 32
Số tờ giấy thi: 40

Trần Thị Huyền Nguyễn Thị Hồng Diễm Trần Thị Huyền

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2125300007	Nã Minh	Trí	09/08/2005	CCQ2530A	1	Xu	8.7	8.3	8.5	
30	2125300038	Hà Thị Thanh	Viên	02/01/2007	CCQ2530B	2	Vu	7.4	8.6	8.1	
31	2125300012	Lương Ngọc	Vũ	31/12/2006	CCQ2530A	1	Y	7.9	8.5	8.3	
32	2125300031	Lê Thị Mai	Vy	22/02/2007	CCQ2530A	1	Uuu	8.3	7.5	7.8	
33	2125300015	Trần Minh Tường	Vy	22/06/2007	CCQ2530A	1	U	7.7	8.5	8.2	
34	2125300049	Trần Hoàng Kỳ	Vỹ	18/02/2007	CCQ2530B	1	U	6.6	5.0	5.6	
35	2125300243	Nguyễn Ngọc Như	Ý	31/12/2007	CCQ2530B	1	Y	7.3	8.0	7.7	
36	2125300033	Nguyễn Thị Bảo	Yến	29/01/2007	CCQ2530A			0.0			

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Handwritten signatures and names:
Cán bộ coi thi 1: *Nguyễn Thị Ngọc*
Cán bộ coi thi 2: *Nguyễn Thị Lê*
G.Viên chấm thi 1: *Trần Thị Thảo*
G.Viên chấm thi 2: *Nguyễn Xuân Lưu*
Huyền

Môn học: Giáo dục Chính trị (22300809)

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A502

Số SV có mặt: *31*

Số bài thi: *31*

Số tờ giấy thi: *34*

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2125300077	Huỳnh Thị Kim Ngân	01/12/2007	CCQ2530C			0.0			
2	2125300107	Nguyễn Đặng Khánh	Ngọc	15/03/2007	CCQ2530C	1 <i>Ngọc</i>	5.9	5.0	5.4	
3	2125300079	Cái Đặng Trường	Nguyên	27/10/2007	CCQ2530C	1 <i>Trường</i>	7.6	5.5	6.3	
4	2125300100	Trần Nguyễn Trung	Nguyên	10/02/2002	CCQ2530C	1 <i>Trung</i>	6.3	8.5	7.6	
5	2125300133	Đặng Minh	Nhật	02/08/2007	CCQ2530D	1 <i>Minh</i>	6.2	6.5	6.4	
6	2125300151	Lê Thị Yến	Nhi	07/06/2007	CCQ2530D	2 <i>Yến</i>	8.9	8.5	8.7	
7	2125300129	Nguyễn Yến	Nhi	29/01/2007	CCQ2530D	2 <i>Nhi</i>	9.0	9.0	9.0	
8	2125300111	Lương Tổ	Như	31/08/2007	CCQ2530D	1 <i>Như</i>	8.7	8.3	8.5	
9	2125300109	Cao Trường	Phát	22/06/2007	CCQ2530C	1 <i>Trường</i>	6.2	5.8	6.0	
10	2125300108	Vô Tấn	Phát	26/02/2007	CCQ2530C	4 <i>Phát</i>	7.9	6.5	7.1	
11	2125300125	Lăng Hiếu	Phong	08/03/2007	CCQ2530D	2 <i>Hiếu</i>	8.8	8.8	8.8	
12	2125300130	Nguyễn Quốc	Phông	11/11/2005	CCQ2530D	1 <i>Quốc</i>	8.6	8.5	8.5	
13	2125300101	Lê Triệu	Phúc	19/08/2007	CCQ2530C	1 <i>Triệu</i>	6.6	7.0	6.8	
14	2125300115	Đinh Thành	Phương	09/02/2007	CCQ2530D	1 <i>Thành</i>	8.6	8.5	8.5	
15	2125300085	Phạm Quốc Tài	07/01/2007	CCQ2530C			0.0			
16	2125300127	Nguyễn Nhật	Tân	10/03/2007	CCQ2530D	1 <i>Tân</i>	6.8	7.5	7.2	
17	2125300123	Trần Đình	Thắng	11/05/2003	CCQ2530D	1 <i>Thắng</i>	3.9	5.8	5.0	
18	2125300081	Nguyễn Thủy Hà	Thanh	13/02/2007	CCQ2530C	1 <i>Thủy</i>	8.1	8.0	8.0	
19	2125300140	Đoàn Minh	Thành	27/06/2007	CCQ2530D	1 <i>Minh</i>	4.5	4.5	4.5	
20	2125300139	Nguyễn Trường Thành	27/09/2007	CCQ2530D			0.0			
21	2125300118	Phan Thị Phương	Thảo	21/05/2007	CCQ2530D	1 <i>Thảo</i>	7.7	7.0	7.3	
22	2125300134	Dương Ngọc	Thiện	22/08/2007	CCQ2530D	1 <i>Thiện</i>	8.6	7.5	7.9	
23	2125300147	Đinh Đức Thịnh	25/08/2006	CCQ2530D			0.0			
24	2125300207	Nguyễn Thùy	Tiên	11/02/2007	CCQ2530D	1 <i>Tiên</i>	7.5	7.0	7.2	
25	2125300061	Trương Ngọc Quỳnh	Trâm	26/10/2007	CCQ2530C	1 <i>Trâm</i>	6.7	6.0	6.3	
26	2125300092	Rcom	Trần	03/10/2007	CCQ2530C	1 <i>Trần</i>	8.1	6.3	7.0	
27	2125300135	Trần Nguyễn Tú	Trình	05/11/2007	CCQ2530D	1 <i>Tú</i>	9.0	7.9	8.3	
28	2125300146	Hồ Thị Thanh	Trúc	09/02/2007	CCQ2530D	1 <i>Thanh</i>	8.7	9.0	8.9	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2
Nguyễn Đình Trung *Nguyễn Đình Trung* *Trần Thị Thảo* *Nguyễn Xuân Lưu*
Thảo Hiền

Môn học: Giáo dục Chính trị (22300809)

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A502

Số SV có mặt: *31*
Số bài thi: *31*
Số tờ giấy thi: *34*

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2125300103	Lưu Phạm Thanh	Trúc	10/08/2007	CCQ2530C	<i>1</i>	<i>Thanh</i>	8.1	<i>7.8</i>	<i>7.9</i>	
30	2125300145	Nguyễn Thanh	Trúc	05/08/2006	CCQ2530D	<i>1</i>	<i>Thanh</i>	6.4	<i>6.5</i>	<i>6.5</i>	
31	2125300148	Lê Hoàng Anh	Tuấn	25/02/2007	CCQ2530D	<i>1</i>	<i>Tuấn</i>	4.9	<i>3.5</i>	<i>4.1</i>	
32	2125300144	Cao Xuân	Việt	24/05/2007	CCQ2530D			7.4			
33	2125300114	Lê Văn	Võ	18/11/2007	CCQ2530D	<i>1</i>	<i>Võ</i>	8.4	<i>5.3</i>	<i>6.5</i>	
34	2125300117	Huỳnh Minh	Vy	18/08/2007	CCQ2530D	<i>1</i>	<i>Vy</i>	8.1	<i>8.0</i>	<i>8.0</i>	
35	2125300072	Thái Ngọc Như	Ý	08/09/2004	CCQ2530C	<i>1</i>	<i>Như</i>	8.7	<i>8.5</i>	<i>8.6</i>	
36	2125300142	Nguyễn Huỳnh Phúc	Yên	08/01/2006	CCQ2530D	<i>1</i>	<i>Phúc</i>	8.4	<i>7.3</i>	<i>7.7</i>	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Giáo dục Chính trị (22300820)

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A503

Số SV có mặt:.....

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:.....

(Handwritten signatures and names of examiners and supervisors)
Nguyễn Xuân Lưu, Hoàng Thị Định, T. Phanh, Lê Văn Chuyên, Bích Phượng

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2125260083	Nguyễn Thị Xuân	Nhi	04/05/2007	CCQ2526C		nhi	8.4	6.0	7.0	
2	2125260113	Nguyễn Thị Yến	Nhi	28/09/2007	CCQ2526C		cy	8.8	6.0	7.1	
3	2125260156	Võ Văn	Phát	02/07/2007	CCQ2526D		Phat	7.6	5.0	6.0	
4	2125260104	Nguyễn Hữu Thiên	Phú	19/12/2006	CCQ2526C		Phu	7.6	5.5	6.3	
5	2125260147	Nguyễn Phạm Mai	Phương	17/01/2007	CCQ2526D		Phuong	7.2	6.0	6.5	
6	2125260063	Trương Quang	Quyền	23/09/2007	CCQ2526D		Quang	7.9	7.0	7.4	
7	2125260125	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	17/06/2007	CCQ2526D		Quynh	8.0	3.5	5.3	
8	2125260136	Võ Thanh	Tài	19/08/2007	CCQ2526D		+ Tai	7.6	3.5	5.1	
9	2125260132	Nguyễn Hoàng	Thanh	13/06/2007	CCQ2526D		Thanh	7.9	5.0	6.2	
10	2124170207	Nguyễn Đình	Thỏa	25/08/2006	CCQ2417D		Thoa	8.1	6.0	6.8	
11	2125260146	Nguyễn Phúc	Thoại	01/11/2007	CCQ2526D		Phuc	8.4	5.5	6.7	
12	2125260155	Đào Thị Anh	Thư	20/05/2007	CCQ2526D		Thu	8.4	4.5	6.1	
13	2125260093	Huỳnh Lê Anh	Thư	07/02/2007	CCQ2526C		Tha	7.9	4.0	5.6	
14	2125260133	Nguyễn Tấn	Thuần	17/03/2007	CCQ2526D		Thuan	8.1	4.5	5.9	
15	2125260122	Võ Diệu	Thúy	15/01/2007	CCQ2526D		Thuy	7.5	5.5	6.3	
16	2125260152	Trần Ngọc Minh	Thủy	01/04/2007	CCQ2526D		Thuy	8.1	5.5	6.5	
17	2125260148	Nguyễn Thị	Thủy	19/11/2007	CCQ2526D		Thuy	6.7	6.5	6.6	
18	2125260137	Võ Thị Kim	Thùy	18/11/2007	CCQ2526D		Thuy	7.1	5.5	6.1	
19	2125260096	Nguyễn Văn	Thuyền	23/12/2005	CCQ2526C		Thuy	7.4	5.0	6.0	
20	2125260082	Phạm Chế Hữu	Tinh	22/07/2007	CCQ2526C		Tu	6.9	7.0	7.0	
21	2125260239	Huỳnh Thị Thu	Trang	08/10/2007	CCQ2526C		Trang	8.1	7.5	7.7	
22	2125260074	Võ Thị Thu	Trang	08/10/2007	CCQ2526C		Trang	8.0	5.5	6.5	
23	2125260089	Võ Hải	Triều	20/05/2007	CCQ2526C		Trien	8.4	5.0	6.4	
24	2125260095	Lăng Thị Ngọc	Trinh	04/10/2007	CCQ2526C		Trinh	8.1	7.5	7.7	
25	2125260131	Lê Huỳnh Phú	Trọng	04/12/2007	CCQ2526D		Tru	7.6	5.0	6.0	
26	2125260099	Nguyễn Thị Anh	Trúc	04/07/2007	CCQ2526C		Truc	7.2	4.0	5.3	
27	2125260094	Đào Hiếu	Trung	21/04/2007	CCQ2526C		Trung	8.4	6.5	7.3	
28	2125260108	Nhâm Thành	Trung	03/01/2007	CCQ2526C			0.0			

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Giáo dục Chính trị (22300820)

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A503

Số SV có mặt: 34

Số bài thi: 34

Số tờ giấy thi: 34

Nguyễn Xuân Lưu Phan Thanh Lê Văn Chuyền
Hàng Thi Đinh T. Thanh Bích Phượng

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2125260112	Phạm Trần	Tuyển	01/10/2007	CCQ2526C		Tuyển	8.5	7.5	7.9	
30	2125260123	A Thị Bích	Tuyển	08/10/2007	CCQ2526D		Bích	7.5	7.0	7.2	
31	2125260150	Nguyễn Thị Hồng	Vân	24/06/2007	CCQ2526D		Hồng	8.4	6.0	7.0	
32	2125260149	Nguyễn Thanh	Vương	24/09/2007	CCQ2526D		Vương	7.8	6.5	7.0	
33	2125260086	Lê Ngọc Thảo	Vy	14/10/2007	CCQ2526C		Thảo	8.4	5.5	6.7	
34	2125260088	Nguyễn Thị	Xoàn	19/10/2007	CCQ2526C		Xoàn	8.4	5.5	6.7	
35	2125260110	Trần Thị Như	Ý	18/08/2007	CCQ2526C		Như	7.5	5.0	6.0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Giáo dục Chính trị (22300806)

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A505

Số SV có mặt: 32

Số bài thi: 32

Số tờ giấy thi: 32

Trần Lê Thảo Hiền Trần D. Tru Trần Thị Huyền Nguyễn Thị Hằng Đinh

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2125300280	Lê Trần Thị Thảo	Nguyên	05/09/2007	CCQ2530G	1		7.5	4.5	5.7	
2	2125100155	Trần Lê Thảo	Nguyên	09/09/2007	CCQ2510E	1		6.8	6.5	6.6	
3	2125100166	Phạm Thị Thanh	Nhàn	17/01/2007	CCQ2510E	1		7.6	7.0	7.2	
4	2125300254	Bùi Thị Yến	Nhi	20/02/2007	CCQ2530G	1		7.1	5.5	6.1	
5	2125100176	Mai Thị Tuyết	Nhi	15/12/2007	CCQ2510E	1		6.9	7.0	7.0	
6	2125100163	Trần Phạm Tuyết	Nhung	14/06/2007	CCQ2510E	1		7.9	5.0	6.2	
7	2125300283	Trần Thị Lệ	Nương	18/01/2007	CCQ2530G	1		8.6	8.0	8.2	
8	2125100181	Hoàng Nguyễn Kiều	Oanh	07/11/2007	CCQ2510E	1		8.1	7.5	7.7	
9	2125300269	Nguyễn Bảo	Quốc	16/01/2007	CCQ2530G	1		7.6	6.5	6.9	
10	2125300265	Phan Bá	Quỳnh	03/09/2004	CCQ2530G	1		8.9	6.5	7.5	
11	2123210183	Lục Như	Quỳnh	31/01/2005	CCQ2321D	1		7.9	5.0	6.2	
12	2125100154	Nguyễn Lê Như	Quỳnh	25/08/2007	CCQ2510E	1		7.6	7.5	7.5	
13	2124110235	Trần Nghĩa	Sáng	19/10/2002	CCQ2411G			0.0			
14	2125100150	Lê Quốc	Tài	20/06/2007	CCQ2510E			0.0			
15	2123110407	Phan Trung	Thành	11/11/2005	CCQ2311K	1		4.4	2.0	3.0	
16	2125100179	Đỗ Thu	Thảo	20/06/2004	CCQ2510E	1		8.5	6.0	7.0	
17	2125100153	Nguyễn Phương	Thảo	16/12/2007	CCQ2510E	1		7.5	5.5	6.3	
18	2125100157	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	26/09/2007	CCQ2510E	1		7.8	7.0	7.3	
19	2125300263	Phan Trần Thanh	Thảo	17/10/2007	CCQ2530G	1		8.6	7.5	7.9	
20	2125100159	Vũ Thị Thu	Thảo	04/12/2007	CCQ2510E	1		7.3	6.3	6.7	
21	2125100195	Nguyễn Thị Anh	Thư	31/01/2007	CCQ2510E	1		8.2	7.5	7.8	
22	2125100171	Nguyễn Thị Kim	Thương	30/01/2007	CCQ2510E	1		8.4	7.0	7.6	
23	2125300268	Trần Thị Thu	Thủy	22/07/2007	CCQ2530G	1		8.4	6.0	7.0	
24	2125300275	Đoàn Mai	Thy	20/11/2007	CCQ2530G	1		8.9	7.0	7.8	
25	2125300273	Lê Thị Kim	Tiến	04/03/2007	CCQ2530G	1		8.4	6.3	7.1	
26	2125300256	Võ Quốc	Toàn	07/12/2007	CCQ2530G	1		8.7	8.5	8.6	
27	2125300271	Phan Đặng Huyền	Trân	01/01/2007	CCQ2530G	1		8.7	6.5	7.4	
28	2125100170	Nguyễn Thị	Trang	08/04/2007	CCQ2510E	1		7.3	6.5	6.8	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Chữ
Trần Thị Thảo *Huỳnh* *Nguyễn Thị Kỳ Duyên*
Hiếu *T.D. Tru* *Huỳnh*

Môn học: Giáo dục Chính trị (22300806)

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A505

Số SV có mặt: *32*

Số bài thi: *32*

Số tờ giấy thi: *32*

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2125100196	Đặng Quốc	Tường	26/02/2007	CCQ2510E			0.0			
30	2125300262	Đoàn Trần Kim	Uyên	01/05/2007	CCQ2530G	<i>1</i>	<i>Uyên</i>	5.2	<i>5.5</i>	<i>5.4</i>	
31	2125100152	Đậu Thị Thanh	Vân	24/11/2007	CCQ2510E	<i>1</i>	<i>Thanh</i>	7.7	<i>5.5</i>	<i>6.4</i>	
32	2125350015	Lâm Quốc	Việt	03/11/2007	CCQ2535A	<i>1</i>	<i>Việt</i>	7.6	<i>6.5</i>	<i>6.9</i>	
33	2125100185	Trương Nữ Tường	Vy	26/05/2007	CCQ2510E	<i>1</i>	<i>Tường</i>	7.4	<i>6.5</i>	<i>6.9</i>	
34	2125100147	Lê Thị Kim	Xuyến	14/10/2007	CCQ2510E	<i>1</i>	<i>Xuyến</i>	8.3	<i>7.0</i>	<i>7.5</i>	
35	2125100184	Dương Thị Bảo	Yến	17/06/2006	CCQ2510E	<i>1</i>	<i>Yến</i>	7.6	<i>4.5</i>	<i>5.7</i>	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

C. I. B. Anh

Môn học: Giáo dục Chính trị (22300807)

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A506

Số SV có mặt: 32

Số bài thi: 32

Số tờ giấy thi: 36

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

Phan Văn Anh

Phan Văn Anh

Phan Văn Anh

Phan Văn Anh

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2125190016	Lê Nguyễn Trinh	Anh	27/01/2007	CCQ2519A	2		6.9	4.5	5.5	
2	2125190023	Nguyễn Nhật	Ánh	17/04/2006	CCQ2519A	1		6.1	2.0	3.6	
3	2125190087	Nguyễn Su	Bìn	05/12/2007	CCQ2519B	1		5.9	8.0	7.2	
4	2125190042	Long Huỳnh	Chong	20/02/2007	CCQ2519B	1		6.1	6.0	6.0	
5	2125190028	Nguyễn Thị	Chung	23/05/2007	CCQ2519A	1		7.1	7.5	7.3	
6	2125190029	Nguyễn Công Thành	Đạt	27/05/2007	CCQ2519A	1		7.7	7.5	7.6	
7	2125190049	Nguyễn Tấn	Dũng	06/06/2007	CCQ2519B	2		8.3	8.5	8.4	
8	2125190054	Trần Thị Mỹ	Duyên	29/09/2007	CCQ2519B	1		7.2	8.0	7.7	
9	2125190041	Đặng Thị Bảo	Hân	10/05/2007	CCQ2519A	1		6.7	7.0	6.9	
10	2125190011	Võ Thị Ngọc	Hân	21/09/2007	CCQ2519A	1		6.9	7.5	7.8	
11	2124060091	Nguyễn Văn	Hào	02/05/2004	CCQ2406C	1		8.9	9.0	9.0	
12	2125190034	Nguyễn Huỳnh Mỹ	Hậu	08/02/2007	CCQ2519A	1		7.7	5.0	6.1	
13	2125190089	Nguyễn Phạm Huỳnh	Hương	20/09/2006	CCQ2519A	1		7.7	8.5	8.2	
14	2125190063	Lê Thị Bích	Huyền	17/05/2007	CCQ2519B	1		8.1	9.5	8.9	
15	2125190046	Huỳnh Thị Mỹ	Linh	16/07/2000	CCQ2519B			0.0			
16	2125190017	Trần Hoàng Đức	Minh	23/08/2007	CCQ2519A			5.7			
17	2125190012	Huỳnh Thị Thu	Ngân	09/05/2006	CCQ2519A	1		8.9	8.0	8.4	
18	2125190021	Nguyễn Thị Kim	Ngân	01/01/2004	CCQ2519A	1		8.4	9.0	8.8	
19	2125190059	Phạm Thị Kim	Ngân	07/06/2007	CCQ2519B	1		6.9	8.8	8.0	
20	2125190078	Tô Tuyết	Ngoan	15/11/2006	CCQ2519B	2		7.2	9.3	8.5	
21	2125190056	Nguyễn Bảo	Ngọc	04/12/2007	CCQ2519B	1		7.7	8.0	7.9	
22	2125190018	Nguyễn Thị Thanh	Ngọc	18/03/2007	CCQ2519A	2		8.3	9.0	8.7	
23	2125190015	Hoàng Hữu Nhật	Nguyên	17/11/2006	CCQ2519A	1		7.3	8.0	7.7	
24	2125190035	Lê Thị Yến	Nhi	06/11/2007	CCQ2519A	1		7.9	7.5	7.7	
25	2125190062	Nguyễn Hồng Uyên	Nhi	27/06/2007	CCQ2519B	1		6.4	7.5	7.1	
26	2125190060	Nguyễn Ngọc Uyên	Nhi	19/11/2007	CCQ2519B	1		7.9	5.5	6.5	
27	2125190033	Trần Lê Yến	Nhi	08/04/2007	CCQ2519A	1		7.4	6.5	6.9	
28	2125190025	Hoàng Thị Quỳnh	Như	16/02/2007	CCQ2519A	1		7.9	9.0	8.6	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Trần Văn Anh

Đ.T. Anh

Nguyễn Văn Chyên

Trần Thị Thanh

Môn học: Giáo dục Chính trị (22300807)

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A506

Số SV có mặt: *32*

Số bài thi: *32*

Số tờ giấy thi: *36*

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2125190082	Lê Lâm Trang	Như	06/06/2007	CCQ2519A	<i>1</i>	<i>Như</i>	7.3	<i>7.5</i>	<i>7.4</i>	
30	2125190048	Phan Thị Huỳnh	Như	01/03/2007	CCQ2519B	<i>1</i>	<i>nhu</i>	7.9	<i>8.0</i>	<i>8.0</i>	
31	2125190052	Võ Thị Cẩm	Nhung	19/12/2007	CCQ2519B	<i>1</i>	<i>Nhung</i>	7.5	<i>7.5</i>	<i>7.5</i>	
32	2125190090	Nguyễn Duy	Phát	01/02/2003	CCQ2519A			0.0			
33	2125190013	Nguyễn Huỳnh Trọng	Phúc	04/09/2007	CCQ2519A	<i>1</i>	<i>phuc</i>	6.5	<i>6.5</i>	<i>6.5</i>	
34	2125190026	Nguyễn Thị Kim	Phượng	12/12/2007	CCQ2519A	<i>1</i>	<i>Phuor</i>	5.9	<i>6.0</i>	<i>6.0</i>	
35	2125190066	Phạm Thị Nhã	Quyên	28/01/2007	CCQ2519B	<i>1</i>	<i>Quyên</i>	7.5	<i>8.0</i>	<i>7.8</i>	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

T. L. L. L.

Môn học: Giáo dục Chính trị (22300809)

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 32

Số bài thi: 32

Số tờ giấy thi: 34

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Nguyễn Văn Hùng
Đào Trọng

Trần Thị Thảo
Hiên

Nguyễn Xuân Bui

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2125300074	Huỳnh Tuấn Anh	13/04/2007	CCQ2530C			0.0			
2	2125300116	Nguyễn Hồng Ngọc	08/01/2007	CCQ2530D	1	Anh	7.8	6.0	6.7	
3	2125300259	Phạm Thế	01/04/2007	CCQ2530C	1	Phạm	7.4	5.0	6.0	
4	2125300082	Phạm Thị Quỳnh	03/01/2007	CCQ2530C	1	Phạm	8.4	8.0	8.2	
5	2125300113	Đào Kim	02/06/2002	CCQ2530D	1	Đào	7.9	7.5	7.7	
6	2125300191	Trần Huỳnh Gia	08/05/2007	CCQ2530C	1	Ban	8.1	7.5	7.7	
7	2125300089	Võ Hoàng	21/01/2007	CCQ2530C	1	Võ	4.9	8.0	6.8	
8	2125300087	Lê Thị Công	01/02/2007	CCQ2530C	1	Bui	8.0	7.0	7.4	
9	2125300080	Đặng Nguyễn Đức	11/03/2007	CCQ2530C	1	Cảnh	6.8	5.5	6.0	
10	2125300096	Lê Thị Kim	09/08/2007	CCQ2530C	2	Đào	8.4	7.0	7.6	
11	2125300126	Đặng Công	27/12/2007	CCQ2530D	1	Danh	8.5	8.6	8.6	
12	2125300105	Triệu Phú	26/06/2007	CCQ2530C	1	Đào	8.7	3.8	5.8	
13	2125300137	Lê Thị Kiều	28/02/2007	CCQ2530D	1	Đào	8.1	8.0	8.0	
14	2125300086	Hồ Nguyễn Nhật	04/01/2007	CCQ2530C	1	Đào	7.3	5.8	6.4	
15	2125300071	Nguyễn Khánh	02/07/2007	CCQ2530C	1	Phu	7.6	6.0	6.6	
16	2125300084	Lê Thị	21/08/2006	CCQ2530C	1	Hạnh	8.4	8.8	8.6	
17	2125300099	Trần Nhật	10/05/2007	CCQ2530C	1	Htg	7.2	6.0	6.5	
18	2125300078	Nguyễn Phúc	02/03/2007	CCQ2530C			0.0			
19	2125300143	Trần Văn	07/08/2007	CCQ2530D	1	Phu	5.9	3.8	4.6	
20	2125300094	Lại Thị Thanh	25/02/2005	CCQ2530C	1	Thanh	6.6	4.0	5.0	
21	2125300083	Nông Ngọc	23/11/2007	CCQ2530C	1	Hiệp	8.0	7.5	7.7	
22	2125300097	Đặng Trần Quốc	20/12/2007	CCQ2530C	1	Hiệu	8.2	7.0	7.5	
23	2125300095	Dương Thị Thu	30/08/2006	CCQ2530C	1	Hoài	8.1	6.5	7.1	
24	2125300110	Nguyễn Trương Huy	23/11/2006	CCQ2530C	1	Huy	5.9	2.5	3.9	
25	2125300088	Phùng Chí	11/03/2007	CCQ2530C	1	Chí	8.1	6.5	7.1	
26	2125300090	Huỳnh Nhiên	03/11/2007	CCQ2530C	1	Nhiên	5.4	7.8	6.8	
27	2125300189	Nguyễn Ngọc	20/02/2003	CCQ2530C	2	Huy	8.5	7.3	7.8	
28	2125300022	Nguyễn Hoàng	30/12/2007	CCQ2530C	1	Hoàng	6.7	6.5	6.6	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2025-2026)

Môn học: Giáo dục Chính trị (22300809)
Ngày thi: 04/05/2026
Giờ thi: 12g30
Phòng thi: D5-26

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Số SV có mặt: 32 Số bài thi: 32 Số tờ giấy thi:

Nguyễn Văn Vũ T. Thiên Trần Thị Thu Nguyễn Xuân Bùi

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2125300106	Nguyễn Văn	Kiểm	29/04/2007	CCQ2530C	1	Nguyễn Văn	7.1	7.0	7.0	
30	2125300120	Nguyễn Tuấn	Kiệt	19/07/2004	CCQ2530D	1	Nguyễn Tuấn	6.7	6.5	6.6	
31	2125300132	Phạm Văn	Lợi	03/08/2007	CCQ2530D			0.0			
32	2125300131	Hồ Thị Trà	Mi	30/12/2007	CCQ2530D	1	Hồ Thị Trà	8.8	8.0	8.3	
33	2125300093	Nguyễn Thị Ngọc	Mỹ	25/08/2007	CCQ2530C	1	Nguyễn Thị Ngọc	8.4	6.5	7.3	
34	2125300138	Phạm Thuý	Nga	15/01/2007	CCQ2530D	1	Phạm Thuý	8.0	8.3	8.2	
35	2125300122	Huỳnh Thị Bảo	Ngân	23/10/2006	CCQ2530D	1	Huỳnh Thị Bảo	7.6	7.0	7.2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học: Giáo dục Chính trị (22300820)

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt: 30

Số bài thi: 30

Số tờ giấy thi: 34.

Nguyễn Đình Dũng

Nguyễn Đình T. Thanh

Nguyễn Đình T. Thanh

Lê Văn Chuyên

STT	Mã SV	Họ và Tên	Bình	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2125260242	Đỗ Thị Kim	Bình	17/11/2007	CCQ2526C			0.0			Vắng
2	2125260075	Đỗ Bá	Đạt	02/08/2006	CCQ2526C	2	Đạt	8.5	5.0	6.4	
3	2125260077	Đinh Anh	Đức	01/03/2007	CCQ2526C	1	Đức	8.9	6.5	7.5	
4	2125260140	Thới Thị Ngọc	Dung	10/11/2007	CCQ2526D	1	Ngọc	8.6	6.0	7.0	
5	2125260102	Thái Tuấn	Dũng	07/10/2006	CCQ2526C	1	Tuấn	8.2	7.5	7.8	
6	2125260091	Đào Lê	Duy	08/04/2007	CCQ2526C	1	Lê	8.1	6.0	6.8	
7	2125260128	Nguyễn Thị	Duyên	21/01/2007	CCQ2526D	2	Duyên	8.9	8.0	8.4	
8	2125260109	Trần Đặng Gia	Hân	27/02/2007	CCQ2526C	1	Hân	6.9	4.0	5.2	
9	2125260114	Trần Hoàng Diệu	Hiền	03/11/2007	CCQ2526D	1	Hiền	7.4	5.0	6.0	
10	2125260138	Trần Ngọc Bích	Hiền	16/10/2007	CCQ2526D	1	Bích	7.9	4.0	5.6	
11	2125260092	Đinh Huy	Hoàng	15/07/2007	CCQ2526C	1	Huy	5.2	6.0	5.7	
12	2125260142	Trần Nguyễn Việt	Hoàng	16/04/2007	CCQ2526D			0.0			Vắng
13	2125260090	Nguyễn Minh	Huy	02/10/2007	CCQ2526C	1	Huy	8.3	6.0	6.9	
14	2125260130	Đoàn Thị Khánh	Huyền	26/03/2007	CCQ2526D	2	Huyền	7.9	4.5	5.9	
15	2125260106	Lê Thị Bích	Huyền	02/01/2007	CCQ2526C	1	Bích	7.6	5.5	6.3	
16	2125260121	Phạm Tuấn	Khang	02/01/2007	CCQ2526D	1	Khang	7.4	5.0	6.0	
17	2125260151	Nguyễn Thị Mộng	Kiều	23/02/2007	CCQ2526D	1	Mộng	8.1	6.5	7.1	
18	2125260144	Hoàng Trung	Kim	27/01/2006	CCQ2526D	1	Trung	6.8	5.5	6.0	
19	2125260119	Đoàn Lư Gia	Kỳ	22/01/2007	CCQ2526D	1	Kỳ	8.4	3.5	5.5	
20	2125260120	Nịnh Thị	Lan	20/04/2007	CCQ2526D	1	Lan	8.0	4.0	5.6	
21	2125260127	Lê Nguyễn Khánh	Linh	24/10/2008	CCQ2526D	1	Khánh	8.4	6.0	7.0	
22	2125260076	Trần Thị Nhật	Linh	23/05/2007	CCQ2526C			0.0			Vắng
23	2125260105	Thỏ Nữ Thu	Loan	18/12/2005	CCQ2526C	1	Loan	8.1	3.5	5.3	
24	2125260084	Trần Thị Thanh	Lợi	17/11/2007	CCQ2526C	1	Lợi	8.0	6.0	6.8	
25	2125260101	Trần Vũ	Luân	28/12/2007	CCQ2526C			0.0			Vắng
26	2125260124	Thị Sao	Lương	19/05/2006	CCQ2526D	1	Sao	7.1	7.0	7.0	
27	2125260143	Thạch Thị Tuyết	Mai	12/09/2007	CCQ2526D	1	Tuyết	8.1	6.0	6.8	
28	2125260238	Hà	Mi	23/07/2007	CCQ2526C	1	Hà	8.4	5.0	6.4	

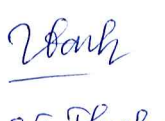
DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

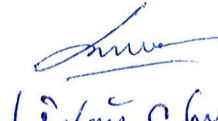
Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2


Nguyễn Đào Dũng


Phan Kim Ngân


Phan T. Thanh


Lê Văn Chuyên

Môn học: Giáo dục Chính trị (22300820)

Ngày thi: 04/05/2026

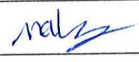
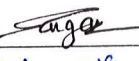
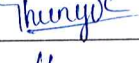
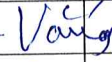
Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt: 30

Số bài thi: 30

Số tờ giấy thi: 34

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2125260107	Ha Sa	Nah	23/04/2007	CCQ2526C	1		7.2	7.0	7.1	
30	2125260153	Nguyễn Trần Kim	Ngân	05/02/2007	CCQ2526D	1		7.9	5.0	6.2	
31	2125260080	Nguyễn Hồng Thu	Ngọc	16/11/2007	CCQ2526C	1		8.5	6.5	7.3	
32	2125260139	Võ Thị Bích	Ngọc	20/10/2007	CCQ2526C	2		7.9	6.5	7.1	
33	2125260087	Nguyễn Phạm Thảo	Nguyên	21/09/2007	CCQ2526C	1		8.4	7.0	7.6	
34	2125260100	Nguyễn Thành	Nhân	27/12/2006	CCQ2526C			0.0			
35	2125260098	Nguyễn Đăng Minh	Nhật	25/03/2007	CCQ2526C	1		7.9	7.0	7.4	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Giáo dục Chính trị (22300823)

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt: 32

Số bài thi: 32

Số tờ giấy thi: 32

Phạm Đức Cường
Trình Thị Liên
Nguyễn Trần Phức
Trần Thị Lan

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ấn	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2125270145	Vũ Trâm	Ấn	01/06/2007	CCQ2527D	1	<i>An</i>	8.0	7.5	7.7	
2	2125270088	Trần Thị Vàng	Anh	26/10/2007	CCQ2527C	1	<i>AV</i>	8.6	5.5	6.7	
3	2125270114	Hồ Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	06/11/2007	CCQ2527D	2	<i>Ánh</i>	8.0	8.3	8.2	
4	2125270129	Nguyễn Gia	Bảo	12/11/2007	CCQ2527D	1	<i>Bao</i>	7.6	5.5	6.3	
5	2125270103	Ngô Thế	Cường	28/04/2007	CCQ2527C	1	<i>Ngô</i>	7.0	7.5	7.3	
6	2125270083	Nguyễn Quốc	Cường	25/01/2007	CCQ2527C	1	<i>Q</i>	7.0	5.0	5.8	
7	2125270127	Đoàn Lê Tuấn	Đạt	22/05/2007	CCQ2527D	1	<i>Đ</i>	5.0	2.5	3.5	
8	2125270152	Phan Đàm Vĩnh	Đạt	24/12/2007	CCQ2527D	1	<i>Đạt</i>	5.0	4.0	4.4	
9	2125270143	Nguyễn Thị Kim	Đoan	04/03/2007	CCQ2527D	1	<i>Đoan</i>	8.4	7.0	7.6	
10	2125270085	Nguyễn Hữu	Đuy	05/10/2007	CCQ2527C			0.0			
11	2125270176	Hoàng Vĩnh	Giang	25/10/2007	CCQ2527C			0.0			
12	2125270081	Trần Hà	Giang	24/05/2007	CCQ2527C	1	<i>R</i>	5.0	3.5	4.1	
13	2125270141	Nguyễn Thị Thu	Hà	06/01/2007	CCQ2527D	1	<i>Ho</i>	8.0	6.5	7.1	
14	2125270135	Nguyễn Lê Gia	Hân	23/06/2007	CCQ2527D	2	<i>Hân</i>	8.0	8.5	8.3	
15	2125270155	Võ Nguyễn Ngọc	Hân	26/06/2007	CCQ2527D	1	<i>W</i>	7.0	4.5	5.5	
16	2125270119	Huỳnh Thị Thu	Hiền	30/04/2007	CCQ2527D	2	<i>Hiền</i>	8.4	3.5	5.5	
17	2125270116	Huỳnh An	Hoà	14/04/2007	CCQ2527D	1	<i>An</i>	8.2	7.0	7.5	
18	2125270138	Nguyễn Thị	Hòa	07/05/2007	CCQ2527D	1	<i>HT</i>	6.5	5.5	5.9	
19	2125270120	Nguyễn Mai Tuấn	Hưng	16/07/2007	CCQ2527D	1	<i>HT</i>	5.0	3.0	3.8	
20	2125270131	Đặng Thị Thiên	Hương	09/03/2007	CCQ2527D	1	<i>Hương</i>	8.0	6.3	7.0	
21	2125270134	Phạm Gia	Huy	17/04/2007	CCQ2527D	1	<i>P</i>	7.0	6.5	6.7	
22	2125270126	Nguyễn Xuân	Huyền	23/02/2007	CCQ2527D	1	<i>N</i>	5.0	6.0	5.6	
23	2125270094	Huỳnh Lý Hoàng	Khang	23/10/2007	CCQ2527C	1	<i>K</i>	8.4	7.5	7.9	
24	2125270168	Võ Bùi Mai	Khánh	18/02/2007	CCQ2527D	1	<i>Khánh</i>	8.0	8.0	8.0	
25	2125270178	Đặng Thành	Khoa	07/09/2007	CCQ2527C	1	<i>Đ</i>	7.7	3.2	5.0	
26	2125270102	Đặng Anh	Kiệt	15/02/2007	CCQ2527C	1	<i>Đ</i>	6.7	2.5	4.2	
27	2125270122	Nguyễn Nhật Tùng	Linh	03/09/2007	CCQ2527D	1	<i>Linh</i>	8.4	7.5	7.9	
28	2125270090	Ngô Thị	Mai	13/01/2007	CCQ2527C	1	<i>N</i>	7.5	7.5	7.5	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Giáo dục Chính trị (22300823)

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt: 32

Số bài thi: 32

Số tờ giấy thi: 32

Handwritten signatures and names:
Cán bộ coi thi 1: *Nguyễn Văn Thanh*
Cán bộ coi thi 2: *Trần Thị Lan*
G.Viên chấm thi 1: *Nguyễn Văn Thanh*
G.Viên chấm thi 2: *Trần Thị Lan*
Other names: *Nguyễn Văn Thanh*, *Trần Thị Lan*, *Nguyễn Văn Thanh*, *Trần Thị Lan*

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2125270121	Lê Văn Thanh	Minh	25/05/2007	CCQ2527D	1	<i>My</i>	9.0	7.5	8.1	
30	2125270096	Nguyễn Quang	Minh	05/04/2007	CCQ2527C	1	<i>Minh</i>	7.2	5.5	6.2	
31	2125270133	Trần Thị Tin	Mừng	08/06/2006	CCQ2527D	1	<i>Trần Thị Tin</i>	8.7	8.0	8.3	
32	2125270148	Văn Nguyên Uyên	My	19/09/2007	CCQ2527D	2	<i>My</i>	8.0	8.5	8.3	
33	2125270149	Trần Thị Thuý	Mỹ	12/10/2007	CCQ2527D	2	<i>Thuý</i>	8.0	8.8	8.5	
34	2125270080	Phạm Thị Hồng	Nga	25/07/2007	CCQ2527C			7.6			
35	2125270137	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	05/04/2007	CCQ2527D	1	<i>Thanh Ngân</i>	8.0	8.0	8.0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Giáo dục Chính trị (22300823)

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D5-29

Số SV có mặt: 30

Số bài thi: 30

Số tờ giấy thi: 43

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2125270162	Ung Thị Thùy	Ngân	26/11/2007	CCQ2527D	2		6.7	5.5	6.0	
2	2125270124	Đặng Quỳnh Bảo	Ngọc	03/10/2007	CCQ2527D	2		8.4	8.3	8.3	
3	2125270108	Nguyễn Bảo	Ngọc	29/09/2007	CCQ2527C	1		7.0	4.5	5.5	
4	2125270140	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	08/09/2007	CCQ2527D	2		8.2	5.5	6.6	
5	2125270084	Nguyễn Thái	Nguyên	17/12/2007	CCQ2527C	1		6.6	5.5	5.9	
6	2125270150	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	25/11/2007	CCQ2527D	1		6.0	4.5	5.1	
7	2125270112	Phạm Đình	Nhu	10/10/2007	CCQ2527C			0.0			
8	2125270087	Nguyễn Thị Hồng	Như	23/12/2007	CCQ2527C	2		8.5	6.0	7.0	
9	2125270082	Lê Trung	Phát	15/03/2007	CCQ2527C	1		6.1	5.0	5.4	
10	2125270139	Nguyễn Thanh	Phát	28/07/2007	CCQ2527D			0.0			
11	2125270092	Trần Thu	Phương	15/11/2007	CCQ2527C	1		6.0	2.5	3.9	
12	2125270123	Vũ Thị Kim	Phượng	12/05/2007	CCQ2527D	1		6.5	6.0	6.2	
13	2125270098	Nguyễn Ánh Kim	Sa	28/11/2007	CCQ2527C			0.0			
14	2125270147	Trần Thị Thu	Sương	23/09/2007	CCQ2527D	2		8.5	9.0	8.8	
15	2125270136	Trương Thành	Tài	26/10/2007	CCQ2527D	2		8.0	7.8	7.9	
16	2125270079	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	22/12/2007	CCQ2527C	2		8.0	8.5	8.3	
17	2125270177	Nguyễn Thị Lan	Thanh	27/04/2001	CCQ2527C	2		9.0	9.0	9.0	
18	2125270151	Quách Trí Tuệ	Thông	02/01/2007	CCQ2527D	2		8.0	7.0	7.4	
19	2125270128	Phạm Hàng Anh	Thư	05/01/2007	CCQ2527D	1		8.0	8.5	8.3	
20	2125270170	Trần Trọng	Thức	04/12/2007	CCQ2527D	1		7.0	7.0	7.0	
21	2125270086	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	29/10/2007	CCQ2527C	2		8.0	9.0	8.6	
22	2125270142	Bùi Thị Ngọc	Tiền	23/08/2007	CCQ2527D	2		8.2	7.0	7.5	
23	2125270078	Huỳnh Thanh	Toàn	20/01/2007	CCQ2527C	1		8.3	6.0	6.9	
24	2125270144	Nguyễn Văn	Toàn	26/02/2007	CCQ2527D	1		6.2	6.0	6.1	
25	2125270095	Vũ Hoàng Minh	Trang	06/06/2007	CCQ2527C	1		6.8	2.0	3.9	
26	2125270097	Đoàn Âu Dương	Triều	06/10/2005	CCQ2527C	1		9.0	7.5	8.1	
27	2125270169	Nguyễn Nhật Minh	Triều	13/03/2006	CCQ2527D	1		7.2	6.8	7.0	
28	2125270109	Hoàng Quang	Trường	12/11/2007	CCQ2527C	1		6.0	5.0	5.4	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Giáo dục Chính trị (22300823)

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D5-29

Số SV có mặt: 30
Số bài thi: 30
Số tờ giấy thi: 42

(Handwritten signatures and names of examiners and supervisors)
Nguyễn Thị Phi
Đào
Nguyễn Thị Ngọc Trâm
Thy
Trần Thị Lan

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2125270118	Nguyễn Duy	Trường	08/08/2007	CCQ2527D	1	<i>(Signature)</i>	6.0	6.0	6.0	
30	2125270077	Nguyễn Thị Phi	Tuyền	20/02/2007	CCQ2527C	2	<i>(Signature)</i>	8.0	7.5	7.7	
31	2125270073	Vương Thị Thảo	Vy	19/09/2006	CCQ2527C			0.0			
32	2125270132	Nguyễn Thị Kim	Xuyến	27/02/2007	CCQ2527D	1	<i>(Signature)</i>	8.3	6.0	6.9	
33	2125270075	Nguyễn Phương	Ý	27/02/2007	CCQ2527C			0.0			
34	2125270111	Trần Thị Như	Ý	23/03/2007	CCQ2527C	1	<i>(Signature)</i>	8.5	8.5	8.5	
35	2125270074	Trương Như	Ý	13/07/2007	CCQ2527C	2	<i>(Signature)</i>	8.7	9.0	8.9	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Môn học: Giáo dục Chính trị (22300821)

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D6-32

Số SV có mặt: 28

Số bài thi: ...28

Số tờ giấy thi: 32

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ấn	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2124310158	Lê Phạm Hoài	Ấn	16/02/2006	CCQ2431A	1		7.1	6.5	6.7	
2	2125260161	Lê Thân Kiều	Anh	20/11/2007	CCQ2526E	1	Anh	7.1	7.5	7.3	
3	2125260163	Nguyễn Ngọc Kim	Anh	01/07/2007	CCQ2526E	2	Anh	7.9	8.5	8.3	
4	2125260166	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	30/08/2007	CCQ2526E	1		6.7	7.0	6.9	
5	2125260195	Lê Thiên	Bảo	12/10/2007	CCQ2526E	1	Bao	6.8	6.0	6.3	
6	2125260172	Văn Ngọc Thiên	Bảo	24/03/2006	CCQ2526E	1	Bao	6.6	4.0	5.0	
7	2125260232	Hoàng Phạm Khánh	Đăng	07/05/2007	CCQ2526F	1		6.8	5.0	5.7	
8	2125260174	Nguyễn Hải	Đăng	24/04/2007	CCQ2526E			0.0			
9	2125260183	Ngô Thị	Diên	21/04/2007	CCQ2526E	1		7.3	8.0	7.7	
10	2125150221	Đào Duy	Đông	14/12/2007	CCQ2524C	1	Đong	7.3	5.5	6.2	
11	2125260234	Trần Hoàng	Đức	12/09/2007	CCQ2526F	1		8.0	3.5	5.3	
12	2125260197	Nguyễn Trí	Dũng	09/01/2007	CCQ2526E	1		6.8	7.0	6.9	
13	2125260222	Đỗ Thụy Thuý	Dương	24/06/2007	CCQ2526F	1		6.5	8.0	7.4	
14	2125260184	Nguyễn Thị Tuyết	Duyên	21/10/2007	CCQ2526E	1		7.1	7.5	7.3	
15	2125260212	Trần Trung	Hậu	11/09/2007	CCQ2526F			0.0			
16	2125260226	Nguyễn Thị Thu	Hiên	03/08/2007	CCQ2526F			0.0			
17	2125260240	Trần Thanh	Hoàng	05/10/2007	CCQ2526F	2		6.6	7.5	7.1	
18	2125260191	Cao Tuấn	Huy	01/07/2007	CCQ2526E	2		8.6	8.0	8.2	
19	2125260189	Lê Duy	Khoa	14/11/2007	CCQ2526E	1		6.4	7.0	6.8	
20	2125260221	Nguyễn Đăng	Khoa	17/07/2007	CCQ2526F	1		7.1	2.0	4.0	
21	2125260233	Võ Quốc	Kiệt	20/11/2007	CCQ2526F	2	Kiet	6.4	7.0	6.8	
22	2125260159	Cao Việt	Ký	17/07/2007	CCQ2526E	1		6.9	2.0	4.0	
23	2125260169	Nông Thị Thu	Lành	10/11/2007	CCQ2526E	1	lanh	6.4	8.3	7.5	
24	2125260188	Bùi Hữu	Luận	09/02/2007	CCQ2526E	1		7.9	6.5	7.1	
25	2125260168	Nguyễn Thị Mỹ	Ly	07/03/2007	CCQ2526E	1	ly	6.1	7.5	6.9	
26	2125260167	Phạm Thị Hà	My	15/07/2007	CCQ2526E	1		7.5	5.3	6.2	
27	2125260165	Trương Thị Ngọc	Mỹ	18/10/2007	CCQ2526E	1		6.7	5.0	5.7	
28	2125260171	Trần Thị Thu	Ngà	23/11/2007	CCQ2526E	1		8.4	8.5	8.5	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Môn học: Giáo dục Chính trị (22300821)

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D6-32

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

(Handwritten signatures and names: Nguyễn Tuấn, Nguyễn Thị Lan, Nguyễn Thị Ngọc, Nguyễn Thị Hồng)

Số SV có mặt: *28*
Số bài thi: *28*
Số tờ giấy thi: *32*

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2125260193	Trần Thanh	Ngân	13/05/2007	CCQ2526E			0.0			
30	2125260178	Võ Thanh	Ngân	04/11/2007	CCQ2526E	1	<i>(Signature)</i>	8.0	3.0	5.0	
31	2125260209	Lê Thuỳ My	Nghiêm	25/10/2007	CCQ2526F	1	<i>(Signature)</i>	8.0	3.0	5.0	
32	2125260224	Ngô Thị Hồng	Ngọc	28/11/2007	CCQ2526F	1	<i>(Signature)</i>	7.7	4.5	5.8	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Giáo dục Chính trị (22300821)

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D6-33

Số SV có mặt: 27

Số bài thi: 27

Số tờ giấy thi: 29

Lý N. Ngọc Trần Thị Lan Nguyễn Văn Thúc
Thảo Danh Vũ

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2125260176	Nguyễn Hồng	Ngọc	09/12/2007	CCQ2526E	1	<u>ngoc</u>	6.6	5.0	5.6	
2	2125260225	Đỗ Quyền	Nhi	02/02/2006	CCQ2526F			0.0			
3	2125260186	Lương Thị Tiết	Nhi	22/02/2007	CCQ2526E	1	<u>Nhi</u>	6.8	7.5	7.2	
4	2125260227	Trương Thị Quỳnh	Nhi	31/08/2007	CCQ2526F			0.0			
5	2125260196	Trương Minh	Nhật	04/07/2007	CCQ2526E	1	<u>Minh</u>	7.1	8.0	7.6	
6	2125260187	Nguyễn Văn Mạnh	Phát	25/06/2007	CCQ2526E	1	<u>Phat</u>	6.3	8.0	7.3	
7	2125260179	Nguyễn Thành	Phú	30/07/2007	CCQ2526E	1	<u>Phu</u>	6.4	8.0	7.4	
8	2125260235	Nguyễn Oai	Quyền	25/11/2007	CCQ2526F	1	<u>Buynin</u>	7.6	6.0	6.6	
9	2125260210	Thiên Bảo	Sara	09/09/2007	CCQ2526F	1	<u>Sara</u>	7.4	6.5	6.9	
10	2125260157	Dame Kim Un	Sô	19/11/2007	CCQ2526E	1	<u>Sô</u>	6.5	7.0	6.8	
11	2125260237	Đặng Thị Thanh	Thảo	26/11/2007	CCQ2526F	1	<u>Thao</u>	7.3	8.0	7.7	
12	2125260073	Nguyễn Diệu	Thảo	10/07/2007	CCQ2526F	1	<u>Thi</u>	7.5	7.0	7.2	
13	2125260229	Nguyễn Thị Nhi	Thảo	26/02/2007	CCQ2526F	1	<u>thc</u>	7.9	7.0	7.4	
14	2125260243	Võ Thanh	Thảo	13/07/2007	CCQ2526E	1	<u>Thao</u>	6.3	7.0	6.7	
15	2122190101	Đặng Nguyễn Chí	Thiện	06/09/2002	CCQ2219C			6.0			
16	2125260230	Mang Toàn	Thiện	24/09/2007	CCQ2526F	1	<u>Thien</u>	8.0	5.0	6.2	
17	2125260213	Nguyễn Thị Anh	Thư	28/10/2007	CCQ2526F			0.0			
18	2125260194	Phạm Huỳnh Anh	Thư	03/11/2007	CCQ2526E	1	<u>An</u>	8.4	6.5	7.3	
19	2125260164	Đỗ Ngô Hoài	Thương	20/07/2007	CCQ2526E	1	<u>Thuong</u>	7.1	7.5	7.3	
20	2125260211	Phạm Thị Cẩm	Tiên	13/01/2007	CCQ2526F	2	<u>Thi</u>	8.4	7.5	7.9	
21	2125260241	Huỳnh Thái	Toàn	04/06/2007	CCQ2526F	1	<u>Thi</u>	6.6	7.0	6.8	
22	2125260182	Dương Ngọc Thùy	Trâm	19/06/2007	CCQ2526E	1	<u>Tram</u>	7.1	8.0	7.6	
23	2125260228	Lâm Tấn	Triều	30/09/2007	CCQ2526F	1	<u>Thi</u>	7.0	4.8	5.7	
24	2125260190	Ngô Hân Thanh	Triều	29/10/2007	CCQ2526E	1	<u>Thi</u>	6.9	6.5	6.7	
25	2125260215	Trần Thị Tuyết	Trinh	05/01/2007	CCQ2526E	1	<u>Thi</u>	7.9	7.0	7.4	
26	2125260181	Đặng Trường	Trung	04/10/2007	CCQ2526E	2	<u>Trung</u>	6.4	6.0	6.2	
27	2125260220	Nguyễn Thành	Trung	21/09/2007	CCQ2526F			0.0			
28	2125260079	Nguyễn Ân	Tường	25/04/2007	CCQ2526F	1	<u>Tuong</u>	7.1	7.5	7.3	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Giáo dục Chính trị (22300821)

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D6-33

Số SV có mặt: 27

Số bài thi: 27

Số tờ giấy thi: 27

Lý N. Ngọc
Thảo

Trần Đạt
Vũ

Trần Thị Lan

Phạm
Nguyễn Thị Huyền

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2125260170	Phạm Hoàng Thảo	Vân	21/11/2007	CCQ2526E	1		6.8	5.5	6.0	
30	2125260214	Trần Anh	Vũ	20/08/2007	CCQ2526E	1		6.6	5.5	5.9	
31	2125260192	Nguyễn Ngọc Phương	Vy	20/11/2007	CCQ2526E	1		7.6	5.5	6.3	
32	2125260158	Võ Thị Bích	Vy	08/08/2007	CCQ2526E	1		7.3	8.0	7.7	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Giáo dục Chính trị (22300806)

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D6-35

Số SV có mặt: 29...

Số bài thi: 29...

Số tờ giấy thi: 29...

Trần Văn T. B. Hùng Hien Thi
Nguyễn Thị Hằng Diễm
Huyet

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2125100175	Nguyễn Trịnh Thúy	An	17/01/2007	CCQ2510E	1	Thu	7.4	7.0	7.2	
2	2125100172	Dương Thị Bảo	Anh	02/09/2006	CCQ2510E	1	Ab	7.6	6.5	6.9	
3	2125100183	Lê Thị Minh	Anh	11/05/2007	CCQ2510E	1	thh	4.1	7.0	5.8	
4	2125120330	Mạc Quỳnh	Anh	10/10/2006	CCQ2530G	1	Anh	7.8	5.0	6.1	
5	2125100173	Mai Hoàng Kim	Bích	09/09/2007	CCQ2510E			0.0			
6	2125100187	Hà Cẩm	Đang	17/12/2006	CCQ2510E	1	Cardal	8.1	8.0	8.0	
7	2125300261	Tô Quốc	Đạt	07/02/2007	CCQ2530G	1	Đạt	7.9	6.5	7.1	
8	2125040150	Ngô Quốc	Dũng	28/08/2001	CCQ2504D	1	ĐD	8.9	5.5	6.9	
9	2123180088	Đoàn Thanh	Duy	08/10/2002	CCQ2318C	1	Duy	7.4	5.0	6.0	
10	2125100146	Nguyễn Gia	Hân	03/11/2007	CCQ2510E	1	ngân	8.0	6.5	7.1	
11	2125100156	Phan Thị Diễm	Hân	11/02/2007	CCQ2510E	1	Đe	7.4	5.5	6.3	
12	2125300238	Đoàn Thị Thu	Hiền	20/12/2007	CCQ2530G	1	thien	7.6	8.5	8.1	
13	2125100164	Nguyễn Thị Hồng	Hoa	19/03/2007	CCQ2510E	1	th	7.9	6.5	7.1	
14	2125100174	Nguyễn Thị Ngọc	Hòa	12/10/2007	CCQ2510E	1	Ac	8.1	7.0	7.4	
15	2125300276	Nguyễn Hữu	Hoàng	26/04/2007	CCQ2530G			0.0			
16	2125300267	Vũ Việt	Hoàng	12/06/2007	CCQ2530G	1	VE	7.9	6.5	7.1	
17	2125300287	Đào Duy	Hưng	09/03/2007	CCQ2530G	1	LD	8.3	7.5	7.8	
18	2125100182	Lê Thị Minh	Hương	24/04/2007	CCQ2510E			0.0			
19	2125300270	Lê Nguyễn Quốc	Huy	22/11/2007	CCQ2530G	1	thuy	8.9	7.0	8.4	
20	2125300264	Đỗ Trọng Anh	Khoa	22/04/2007	CCQ2530G			0.0			
21	2125300285	Đặng Phương	Linh	24/04/2007	CCQ2530G			4.5			
22	2125100169	Võ Thị Mỹ	Linh	10/04/2005	CCQ2510E	1	Linh	7.4	8.0	7.8	
23	2125300255	Lưu Thành	Lợi	27/07/2007	CCQ2530G	1	Lo	8.6	5.5	6.7	
24	2125100151	Lê Thị Xuân	Mai	30/09/2007	CCQ2510E	1	Xuan	8.6	8.0	8.2	
25	2125100178	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	05/04/2006	CCQ2510E	1	Ng	7.5	6.3	6.8	
26	2125300278	Dương Hồng Trà	My	17/02/2007	CCQ2530G	1	my	4.4	3.0	3.6	
27	2123050169	Đặng Hoài	Nam	22/08/2005	CCQ2305D	1	Nam	7.7	5.8	6.6	
28	2125300277	Nguyễn Hải	Nam	04/11/2007	CCQ2530G	1	He	7.4	7.5	7.5	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

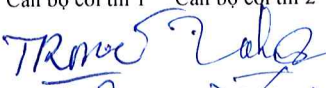
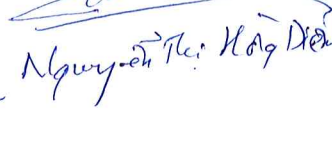
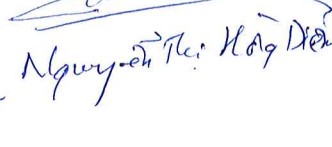
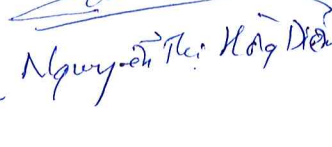
Môn học: Giáo dục Chính trị (22300806)

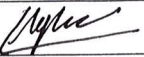
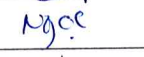
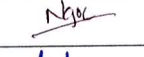
Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D6-35

Số SV có mặt: 29
Số bài thi: 29
Số tờ giấy thi: 29

TRƯỞNG KHOA: 
CÁN BỘ COI THI 1: 
CÁN BỘ COI THI 2: 
G.VIÊN CHẤM THI 1: 
G.VIÊN CHẤM THI 2: 

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2125100149	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	28/07/2007	CCQ2510E	1		7.1	6.5	6.7	
30	2125100161	Trần Thị Thu	Ngân	15/07/2007	CCQ2510E	1		8.1	6.0	6.8	
31	2125100165	Huỳnh Mẫn	Nghi	05/06/2007	CCQ2510E	1		7.9	6.0	6.8	
32	2125100148	Đỗ Thị Thanh	Ngọc	10/12/2007	CCQ2510E	1		8.0	6.0	6.8	
33	2125100177	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	19/09/2007	CCQ2510E	1		8.1	6.5	7.1	
34	2125100162	Nguyễn Thị Như	Ngọc	23/11/2007	CCQ2510E	1		8.0	8.0	8.0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

(Handwritten signatures and names of examiners and supervisors)

Môn học: Soạn thảo văn bản (22603501)

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: B101

Số SV có mặt: 30.

Số bài thi:30

Số tờ giấy thi: ...40

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123050169	Đặng Hoài	Nam	22/08/2005	CCQ2305D	1	<i>(Signature)</i>	8.6	8.8	8.7	
2	2123270153	Lê Thị Thanh	Ngân	14/05/2005	CCQ2327E	1	<i>(Signature)</i>	8.4	8.8	8.6	
3	2122110272	Dương Tấn	Ngọc	24/10/2004	CCQ2211G			7.7			
4	2121120589	Nguyễn Hồng	Ngọc	01/03/2003	CCQ2112Q	1	<i>(Signature)</i>	8.4	8.8	8.6	
5	2123270161	Bùi Thị Hồng	Nguyễn	21/11/2005	CCQ2327E	1	<i>(Signature)</i>	9.5	8.9	9.1	
6	2122110318	Nguyễn Nhật	Nguyễn	25/09/2004	CCQ2211H	1	<i>(Signature)</i>	9.0	8.8	8.9	
7	2122060036	Trần Văn	Phú	26/05/2004	CCQ2206B	1	<i>(Signature)</i>	8.0	7.0	7.4	
8	2120110056	Nguyễn Hữu	Quý	25/04/2002	CCQ2026H	1	<i>(Signature)</i>	6.0	8.3	7.7	
9	2123180082	Phạm Phan Minh	Quyển	29/11/2003	CCQ2318C	1	<i>(Signature)</i>	8.0	7.9	7.9	
10	2121180062	Đoàn Nguyễn Minh	Quyển	28/05/2003	CCQ2118B	1	<i>(Signature)</i>	8.7	8.4	8.5	
11	2121120634	Đoàn Trí	Tài	25/10/2001	CCQ2112I	1	<i>(Signature)</i>	9.1	8.3	8.6	
12	2123110272	Ngô Văn	Tài	15/12/2004	CCQ2311H	1	<i>(Signature)</i>	7.8	5.5	6.4	
13	2123110261	Nguyễn Hữu	Tài	06/06/2005	CCQ2311H	1	<i>(Signature)</i>	7.8	7.0	7.3	
14	2123180093	Nguyễn Thành	Tài	02/02/2005	CCQ2318C	1	<i>(Signature)</i>	8.9	7.5	8.1	
15	2122110474	Hoàng Quốc Thành	Tâm	25/01/2004	CCQ2211L	1	<i>(Signature)</i>	9.0	8.5	8.7	
16	2123180072	Nguyễn Minh	Thái	03/09/2005	CCQ2318C	1	<i>(Signature)</i>	8.5	7.5	7.9	
17	2121060046	Đoàn Văn	Thanh	15/11/2003	CCQ2106B	1	<i>(Signature)</i>	7.3	8.3	7.9	
18	2123110371	Nguyễn Chí	Thanh	24/04/2002	CCQ2311J	1	<i>(Signature)</i>	8.6	6.8	7.5	
19	2123270168	Nguyễn Nhựt Thiên	Thanh	16/10/2005	CCQ2327E	1	<i>(Signature)</i>	9.4	8.2	8.7	
20	2123270160	Thượng Thị Hồng	Thảo	12/05/2005	CCQ2327E	1	<i>(Signature)</i>	8.7	8.0	8.3	
21	2123270158	Nguyễn Minh	Thư	20/09/2005	CCQ2327E	1	<i>(Signature)</i>	9.5	9.0	9.2	
22	2123270163	Nguyễn Thị Minh	Thư	27/07/2005	CCQ2327E	1	<i>(Signature)</i>	9.0	7.7	8.2	
23	2122110218	Từ Văn Anh	Thư	11/11/2004	CCQ2211F	1	<i>(Signature)</i>	9.0	9.3	9.2	
24	2123180112	Đặng Trung	Tín	23/04/2001	CCQ2318C	1	<i>(Signature)</i>	9.2	8.3	8.7	
25	2123270150	Trần Trung	Tín	01/06/2005	CCQ2327E	1	<i>(Signature)</i>	9.5	7.3	8.2	
26	2123170145	Mai Ngọc	Tính	03/02/2005	CCQ2317E	1	<i>(Signature)</i>	8.0	8.5	8.3	
27	2123170175	Nguyễn Thanh	Toàn	01/05/2005	CCQ2317E	1	<i>(Signature)</i>	9.2	8.3	8.4	
28	2123110260	Lương Thanh	Tú	01/08/2004	CCQ2311H	1	<i>(Signature)</i>	7.7	8.3	8.1	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Soạn thảo văn bản (22603501)

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: B101

Số SV có mặt: 30

Số bài thi: 30

Số tờ giấy thi: 30

Tổng Thư
hình
Bùi Thị Huệ
Tang T. Minh

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123170164	Lê Minh	Tường	10/07/2005	CCQ2317E		6.6			
30	2122110239	Bùi Thị Ngọc	Tuyền	21/07/2004	CCQ2211F	1	7.0	9.3	8.4	
31	2123270152	Huỳnh Trường	Vĩ	20/04/2005	CCQ2327E	1	8.4	6.5	7.3	
32	2123180092	Phạm Trung	Vĩ	09/04/2004	CCQ2318C	1	7.7	8.0	7.9	
33	2122170498	Trần Phạm Quốc	Việt	01/03/2004	CCQ2217M		0.0			

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Soạn thảo văn bản (22603501)

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: B102

Số SV có mặt: 29

Số bài thi: 29

Số tờ giấy thi: 29

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ấn	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123110357	Võ Vỹ	Ấn	06/12/2003	CCQ2311J	1		8.7	8.0	8.3	
2	2122180072	Nguyễn Quốc	Anh	29/11/2003	CCQ2218C	1		6.1	7.5	6.9	
3	2122110356	Trần Gia	Bảo	03/12/2004	CCQ2211I	1		8.4	8.4	8.4	
4	2123110524	Nguyễn Thanh	Bình	03/10/2001	CCQ2311M	1		7.2	8.3	7.8	
5	2123110258	Thành Ninh	Bình	31/10/2004	CCQ2311H	1		7.6	7.5	7.5	
6	2122110282	Lê Thành	Chiến	15/05/2004	CCQ2211H	1		8.4	8.3	8.3	
7	2123270165	Vũ Đình	Chương	06/09/2005	CCQ2327E	1		8.3	8.5	8.4	
8	2122170110	Nguyễn Võ Quang	Đăng	03/10/2003	CCQ2217C			8.0			
9	2123180113	Hoàng Tiến	Đạt	11/05/2005	CCQ2318C	1		8.7	8.3	8.5	
10	2123270157	Lê Thị Thanh	Diệu	11/08/2005	CCQ2327E	1		6.8	8.3	7.7	
11	2122170808	Phạm Minh	Đoàn	26/03/2004	CCQ2217LA	1		6.3	6.8	6.6	
12	2123110276	Hà Vũ	Đông	08/10/2003	CCQ2311H	1		7.6	7.3	7.4	
13	2123180086	Nguyễn Tùng	Dương	30/08/2004	CCQ2318C	1		9.2	8.5	8.8	
14	2123180090	Nguyễn Văn	Đường	03/03/2005	CCQ2318C			9.4	9.4	9.4	
15	2123110530	Nguyễn Ngọc	Duy	20/05/2005	CCQ2327E	1		9.4	7.0	8.0	
16	2123110479	Hoàng Xuân	Hải	09/10/2003	CCQ2311M	1		7.7	8.8	8.4	
17	2122110237	Lê Nhật	Hân	29/01/2003	CCQ2211F	1		7.4	6.0	6.6	
18	2123270169	Lương Khắc	Hân	10/10/2004	CCQ2327E	1		7.0	7.8	7.5	
19	2123270149	Cao Thị Thúy	Hằng	27/12/2004	CCQ2327E	1		8.5	8.8	8.7	
20	2122110267	Đa Hồng	Hiệu	14/08/2004	CCQ2211G	1		7.7	8.0	7.9	
21	2123270173	Nguyễn Thị Mỹ	Hoài	03/08/2005	CCQ2327E	1		8.5	9.5	9.1	
22	2123110351	Phan Văn	Hoàng	02/11/2004	CCQ2311J	1		9.8	7.8	8.6	
23	2123110265	Hồ Văn	Hùng	01/10/2005	CCQ2311H	1		8.0	5.5	6.5	
24	2123270170	Hồ Thị Lan	Hương	22/05/2005	CCQ2327E	1		8.4	9.0	8.8	
25	2123180104	Hoàng Quang	Hường	06/04/2005	CCQ2318C	1		8.6	8.0	8.3	
26	2122060057	Nguyễn Nhất	Huy	06/03/2004	CCQ2206B	1		7.1	6.5	6.7	
27	2120200248	Đặng Liêu Tuấn	Khanh	04/03/2002	CCQ2020H	1		6.2	8.3	7.5	
28	2123110109	Nguyễn Văn	Lâm	11/02/2005	CCQ2311D			0.0			

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Soạn thảo văn bản (22603501)

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: B102

Số SV có mặt: 29

Số bài thi: ...29..

Số tờ giấy thi: 29

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123180080	Nguyễn Phước	Lên	13/03/2005	CCQ2318C	1		8.0	8.0	8.0	
30	2122110304	Văn Bá	Liêm	07/11/2004	CCQ2211H	1		7.9	6.0	6.8	
31	2123270155	Đieu Tuấn	Lộc	26/07/2005	CCQ2327E			0.0			
32	2123110297	Phan Anh	Minh	26/01/2005	CCQ2311H	1		7.6	8.3	8.0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

T. Phụng

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Toán ứng dụng A (22203303)

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: B107

Số SV có mặt: 26...

Số bài thi:26...

Số tờ giấy thi: 26...

(Handwritten signatures and initials of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Bảo	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2125140005	Nguyễn Tổng Gia	Bảo	13/06/2005	CCQ2514A	004	<i>(Signature)</i>	8.1	4,0	5,6	
2	2125140014	Phạm Gia	Bảo	24/01/2007	CCQ2514A	001	<i>(Signature)</i>	8.4	1,7	4,4	
3	2125140120	Phạm Thanh	Bình	30/11/2007	CCQ2514B	009	Bình	7.5	3,7	5,2	
4	2125140070	Y Huy	Bkrông	14/06/2007	CCQ2514B	003	Huy	7.0	4,0	5,2	
5	2125140046	Đặng Thanh	Chiên	03/12/2007	CCQ2514B	004	chiên	8.5	7,7	8,0	
6	2125140031	Trần Nhật	Chương	26/11/2007	CCQ2514A			4.3			
7	2125140060	Võ Văn	Có	25/09/2006	CCQ2514B	002	<i>(Signature)</i>	7.8	4,3	5,7	
8	2125140119	Huỳnh Thái	Đặng	21/08/2007	CCQ2514B	002	<i>(Signature)</i>	7.9	4,3	5,7	
9	2125140065	Nguyễn Hải	Đặng	22/02/2007	CCQ2514B	002	Đặng	8.6	6,0	7,0	
10	2125140002	Phạm Đức	Duẩn	05/02/2006	CCQ2514A	001	Đuẩn	7.5	7,3	7,4	
11	2125140040	Lê Văn	Đức	20/11/2004	CCQ2514B	002	Đức	7.7	5,0	6,1	
12	2125140007	Vũ Ngọc Hà Anh	Đức	03/10/2007	CCQ2514A	002	Đức	0.0	3,7	2,2	
13	2125140048	Hoàng Nam	Dương	22/10/2007	CCQ2514B			0.0			
14	2125140255	Phạm Đình	Duy	14/01/2007	CCQ2514B			0.0			
15	2125140068	Tạ Ngọc	Duy	10/06/2007	CCQ2514B	003	<i>(Signature)</i>	7.9	4,0	5,6	
16	2125140038	Dương Hoài	Giang	13/12/2007	CCQ2514B	004	<i>(Signature)</i>	7.5	4,3	5,6	
17	2125140069	Nguyễn Thái	Hàn	10/02/2007	CCQ2514B			1.3			
18	2125140024	Nguyễn	Hậu	06/10/2007	CCQ2514A			0.0			
19	2125140010	Trần Trung	Hậu	18/03/2007	CCQ2514A	003	Hai	7.9	6,3	6,9	
20	2125140062	Đặng Mậu Quốc	Hiệu	15/06/2007	CCQ2514B	004	Hai	7.7	7,7	7,7	
21	2125140122	Võ Đức	Hòa	07/03/2007	CCQ2514B	001	Hòa	10.0	9,3	9,6	
22	2125140034	Huỳnh Văn	Hoan	20/10/2007	CCQ2514A	004	Hoan	9.3	5,7	7,1	
23	2125140254	Nguyễn Duy	Hưng	01/09/2007	CCQ2514A			8.6			
24	2125140059	Mai Phước	Hường	12/09/2007	CCQ2514B	002	<i>(Signature)</i>	8.3	4,0	5,7	
25	2125140019	Lê Hữu	Huy	18/11/2007	CCQ2514A	001	Huy	7.5	7,0	7,2	
26	2125140118	Nguyễn Thanh	Huy	24/05/2007	CCQ2514B	004	Huy	7.6	7,3	7,4	
27	2125140032	Nguyễn Minh	Kha	31/05/2007	CCQ2514A	002	<i>(Signature)</i>	8.6	7,3	7,8	
28	2125140052	Mai Văn	Khải	17/07/2007	CCQ2514B			0.0			

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Toán ứng dụng A (22203303)

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: B107

Số SV có mặt: ...26

Số bài thi:26

Số tờ giấy thi: ...26

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2125140039	Nguyễn Trường	Khang	01/08/2006	CCQ2514B	001	1chay	7.0	3,7	5,0	
30	2125140113	Nguyễn Đoàn Anh	Khoa	26/12/2007	CCQ2514A	002	1khoa	8.3	7,3	7,7	
31	2125140117	Lê Minh	Khôi	16/12/2007	CCQ2514A	003	1khôi	8.3	5,0	6,3	
32	2125140035	Phan Tấn Quốc	Khôi	05/08/2007	CCQ2514A	004		8.0	8,0	8,0	
33	2125140011	Nguyễn Trung	Kiên	02/01/2007	CCQ2514A	001	1uk	10.0	3,7	6,2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Toán ứng dụng A (22203304)

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 20..
Số bài thi: 20..
Số tờ giấy thi: 20..

(Handwritten signatures and names of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2124060132	Nguyễn Xuân Lộc	08/02/2004	CCQ2406B			0.0			
2	2124060026	Vương Toàn Lợi	04/10/2006	CCQ2406A	004	Lợi	6.2	5.7	7.7	
3	2123170237	Hà Phước Hoàng Long	21/10/2005	CCQ2317G	002	Long	6.8	5.0	5.7	
4	2124060136	Trần Quý Long	06/07/2006	CCQ2406B	002	Long	7.4	4.7	5.8	
5	2124060117	Trịnh Công Minh	11/12/2006	CCQ2406B	006	Minh	8.4	5.7	8.6	
6	2124060018	Trịnh Thông Minh	08/11/2006	CCQ2406A	001	Minh	8.1	5.7	8.5	
7	2124180123	Trịnh Duy Nam	14/12/2004	CCQ2418B			0.0			
8	2124060019	Dương Trung Ngọc	30/05/2006	CCQ2406A	003	Ngọc	8.2	9.7	9.1	
9	2124060027	Tạ Quang Nguyễn	14/04/2006	CCQ2406A	001	Nguyễn	7.1	6.3	6.6	
10	2124060003	Huỳnh Minh Nhựt	29/11/2006	CCQ2406A	003		7.7	9.7	8.9	
11	2124180048	Nguyễn Thiện Phong	12/12/2006	CCQ2418B	003	Phong	7.6	5.3	8.0	
12	2123170248	Phan Thành Phú	30/07/2005	CCQ2317H			0.0			
13	2124060007	Nguyễn Duy Quang	30/06/2006	CCQ2406A	004	Quang	8.0	8.0	8.0	
14	2124060011	Lê Văn Thạch	11/04/2006	CCQ2406A	001	Thạch	6.9	6.7	6.8	
15	2124060024	Đỗ Thành Thắng	10/05/2006	CCQ2406A	002	Thắng	7.9	8.0	8.0	
16	2123170285	Nguyễn Trần Quốc Thắng	08/11/2005	CCQ2317I			0.0			
17	2124060017	Ngô Quốc Thiện	28/04/2006	CCQ2406A	002	Thiện	6.5	7.3	7.0	
18	2124060023	Nguyễn Đình Tiên	14/01/2006	CCQ2406A	004	Tiên	8.0	6.7	7.1	
19	2124030158	Lê Thanh Trí	22/03/2006	CCQ2403E	002	TRÍ	5.2	6.7	6.1	
20	2124110195	Lê Nguyễn Minh Triết	05/11/2006	CCQ2411F	001	Triết	7.1	8.0	7.6	
21	2124060029	Lê Bá Tường	23/01/2006	CCQ2406A	001	Tường	5.3	10.0	8.1	
22	2124060031	Nguyễn Quốc Việt	14/10/2006	CCQ2406A	001	Việt	6.7	4.3	5.3	
23	2124180059	Nguyễn Quốc Vinh	20/02/2006	CCQ2418B	007	Vinh	7.9	4.7	6.0	
24	2124060009	Nguyễn Trần Quốc Vương	25/09/2006	CCQ2406A			0.0			
25	2124060002	Thiều Quang Tấn Yên	04/07/2006	CCQ2406A	004	Yên	7.9	9.7	9.0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Toán ứng dụng A (22203304)

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt: 19

Số bài thi: 19

Số tờ giấy thi: 19

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2124060055	Lê Bình An	24/11/2006	CCQ2406B			0.0			
2	2124170300	Bùi Trần Đức Anh	10/01/2004	CCQ2417G	03	Đ	6.1	5.0	5.4	
3	2124060005	Hồ Tuấn Anh	17/08/2006	CCQ2406A	04		7.4	6.7	7.0	
4	2124060115	Hoàng Lê Tuấn Anh	06/08/2006	CCQ2406A	01		4.5	7.3	6.2	
5	2124060006	Chu Viết Bảo	04/12/2006	CCQ2406A	02	Bảo	8.1	10.0	9.2	
6	2124060021	Phạm Văn Định	02/09/2006	CCQ2406A	03	Định	7.7	9.7	8.9	
7	2124060036	Mai Duy Dũng	24/07/2006	CCQ2406B	04	Dũng	4.5	6.0	5.4	
8	2123180088	Đoàn Thanh Duy	08/10/2002	CCQ2318C			0.0			
9	2124060113	Nguyễn Trịnh Đình Hải	01/11/2004	CCQ2406A	02	Hải	6.6	5.7	6.1	
10	2124060067	Võ Thanh Hải	10/08/2006	CCQ2406B			2.8			
11	2124060037	Trần Trung Hiếu	12/06/2006	CCQ2406B	03	Hiếu	7.6	7.0	7.2	
12	2124060125	Vũ Đức Hoà	04/01/2006	CCQ2406A	01	Hoà	7.9	7.3	7.5	
13	2124060015	Ngô Công Hoan	02/11/2006	CCQ2406A	02	Hoan	8.9	9.3	9.1	
14	2124060039	Nguyễn Khắc Hoàng	25/10/2006	CCQ2406B	03	Hoàng	5.4	6.7	6.2	
15	2124060034	Nguyễn Quốc Hùng	04/09/2006	CCQ2406A			0.0			
16	2124060070	Võ Việt Hùng	02/10/2006	CCQ2406B			0.0			
17	2123030127	Nguyễn Ngọc Huy	18/10/2005	CCQ2303D	02	Huy	4.0	7.7	6.2	
18	2124170034	Trần Quốc Huy	03/03/2006	CCQ2417A	03	Huy	6.7	8.3	7.7	
19	2124060033	Nguyễn Phi Khánh	16/05/2006	CCQ2406A	04	Khánh	7.3	5.0	5.9	
20	2124060118	Nguyễn Đăng Khoa	14/03/2006	CCQ2406A	02	Khoa	7.5	5.7	6.4	
21	2124060022	Phạm Hoàng Khởi	23/07/2006	CCQ2406A			0.0			
22	2124060016	Phạm Thành Khương	29/01/2006	CCQ2406A	03	Khương	3.6	6.7	5.5	
23	2124060059	Hồ Trung Kiên	04/11/2006	CCQ2406B	04	Kiên	5.5	6.0	5.8	
24	2124060050	Nguyễn Phước Lành	31/12/2004	CCQ2406B	01	Lành	7.5	8.0	7.8	
25	2124060046	Nguyễn Thị Ngọc Linh	18/02/2006	CCQ2406B	01	Linh	6.1	8.3	7.4	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viễn chấm thi 1 G.Viễn chấm thi 2

Môn học: Toán ứng dụng A (22203301)

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt: 28

Số bài thi: 28

Số tờ giấy thi: 28

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123050181	Đỗ Phạm Nhật An	04/05/2005	CCQ2305D			0.0			
2	2125140177	Bùi Văn Tuấn Anh	17/04/2007	CCQ2514E			8.5			
3	2125140196	Nguyễn Trần Quốc Anh	17/05/2007	CCQ2514E	001		8.3	6,0	6,9	
4	2125140188	Trần Ngọc Trinh Anh	06/03/2007	CCQ2514E	002		8.3	5,0	6,3	
5	2125140250	Nguyễn Gia Bảo	29/06/2007	CCQ2514F	003		8.0	3,3	5,2	
6	2125140230	Mai Chí Bình	22/04/2007	CCQ2514F	004		8.5	7,3	7,8	
7	2125140190	Nguyễn Thành Đại	07/09/2007	CCQ2514E	001		8.0	6,0	6,8	
8	2125140172	Phan Thanh Dân	05/10/2007	CCQ2514E			0.0			
9	2125140229	Phan Hải Đăng	19/02/2007	CCQ2514F	003		8.8	4,3	6,1	
10	2125140245	Đỗ Tiến Đạt	13/09/2007	CCQ2514F	002		8.5	5,3	6,6	
11	2122210090	Nguyễn Thành Đạt	18/09/2004	CCQ2221C			0.0			
12	2125140205	Nguyễn Duy Đức	15/10/2007	CCQ2514E	004		8.5	5,3	6,6	
13	2125140246	Nguyễn Văn Anh Đức	13/11/2007	CCQ2514F	003		8.3	7,0	7,5	
14	2125140214	Trương Triệu Dương	09/08/2007	CCQ2514F	002		8.3	6,7	7,3	
15	2125140187	Lê Vũ Duy	08/08/2007	CCQ2514E	001		8.8	4,7	6,3	
16	2125140238	Nguyễn Đình Anh Duy	22/11/2007	CCQ2514F	004		8.5	4,3	6,0	
17	2125140199	Lâm Phú Gia	30/01/2007	CCQ2514E	001		9.0	9,3	9,2	
18	2125140167	Huỳnh Nguyễn Đình Hiếu	27/02/2007	CCQ2514E			0.0			
19	2125140193	Nguyễn Thuận Hiếu	14/12/2007	CCQ2514E	003		8.8	2,3	4,9	
20	2125140237	Phan Thanh Hiếu	06/08/2007	CCQ2514F	004		8.3	5,3	6,5	
21	2125140191	Trần Quang Hòa	07/09/2007	CCQ2514E	001		8.8	8,3	8,5	
22	2125140207	Đào Long Hưng	14/09/2007	CCQ2514E	002		6.3	5,7	5,9	
23	2122030089	Phạm Gia Huy	17/05/2004	CCQ2203C			0.0			
24	2125140241	Phạm Gia Huy	09/12/2007	CCQ2514F	006		8.8	3,3	5,5	
25	2125140197	Trương Gia Huy	16/02/2007	CCQ2514E	004		8.8	9,3	9,1	
26	2122050054	Vũ Gia Huy	04/06/2004	CCQ2205B	003		8.5	4,3	6,0	
27	2125140183	Phan Ngọc Linh Kha	19/03/2007	CCQ2514E	002		8.5	2,3	4,8	
28	2125140209	Lê Tuấn Khả	17/04/2007	CCQ2514F			0.0			

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Toán ứng dụng A (22203301)

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt: 28

Số bài thi: 28

Số tờ giấy thi: 28

Trình Thi
Liên
Đan Kim
Ngân
H
H
H
H

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2125140201	Huỳnh Nguyễn Minh Khang	31/01/2007	CCQ2514E	004		9.0	6,0	7,2	
30	2125140181	Nguyễn Châu Chấn	17/01/2007	CCQ2514E	003		9.0	6,0	7,2	
31	2125140179	Phạm Hữu	14/04/2007	CCQ2514E	002		8.0	4,3	5,8	
32	2125140175	Phan Anh	11/06/2007	CCQ2514E	001		9.0	8,0	8,4	
33	2125140195	Đỗ Quốc	04/06/2007	CCQ2514E	001		9.0	9,7	9,4	
34	2125140222	Phạm Lê Trung	13/11/2007	CCQ2514F	002		8.3	5,3	6,5	
35	2125140234	Lương Hữu	13/01/2007	CCQ2514F	003		8.8	6,0	7,1	
36	2125140243	Nguyễn Công	21/02/2007	CCQ2514F			0.0			

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Toán ứng dụng A (22203303)

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-29

Số SV có mặt: 25

Số bài thi: 25

Số tờ giấy thi: 25

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2125140022	Nguyễn Trung	Kiên	25/08/2007	CCQ2514A	003		8.3	4,3	5,9	
2	2125140029	Võ Trung	Kiên	21/05/2007	CCQ2514A	004		7.5	7,7	7,6	
3	2125140116	Nguyễn Thành	Lâm	10/11/2007	CCQ2514A	001		7.5	5,3	6,2	
4	2125140027	Nguyễn Thành	Lễ	26/10/2007	CCQ2514A	002		8.0	4,0	5,6	
5	2125140020	Lê Văn	Lộc	01/08/2007	CCQ2514A			0.0			
6	2125140009	Dương Thành	Lợi	07/07/2007	CCQ2514A	004		7.4	4,0	5,4	
7	2125140054	Nguyễn Thành	Long	25/08/2007	CCQ2514B	004		7.6	5,0	6,0	
8	2125140253	Trịnh Thanh	Long	02/07/2007	CCQ2514A			6.5			
9	2125140047	Nguyễn Văn	Mến	28/02/2006	CCQ2514B			0.0			
10	2125140021	Nguyễn Viết Trường	Minh	11/05/2007	CCQ2514A	004		7.8	8,7	8,3	
11	2125140017	Bùi Hoài	Nam	23/11/2007	CCQ2514A	001		7.5	4,7	5,8	
12	2125140041	Nguyễn Thanh	Nam	27/02/2007	CCQ2514B			0.0			
13	2125140033	Nguyễn Duy	Nghĩa	27/10/2007	CCQ2514A			0.0			
14	2125140015	Nguyễn Văn Thanh	Nhân	04/10/2007	CCQ2514A	004		8.3	6,0	6,9	
15	2125140016	Phạm Xuân	Nhật	12/09/2006	CCQ2514A			5.5			
16	2125140001	Đoàn Vĩnh	Phúc	12/09/2007	CCQ2514A	002		7.6	4,0	5,4	
17	2125140124	Trần Hoàng	Phúc	31/10/2007	CCQ2514B	003		7.8	5,7	6,5	
18	2125140121	Cao Minh	Quân	17/06/2007	CCQ2514B	004		8.0	4,0	5,6	
19	2125140026	Nguyễn Minh	Quân	20/04/2007	CCQ2514A	001		8.0	3,3	5,2	
20	2125140064	Trần Minh	Tài	19/08/2006	CCQ2514A			0.0			
21	2125140028	Thị Tắt	Thiên	23/11/2007	CCQ2514A	003		8.4	5,0	6,4	
22	2125140101	Phan Lê Anh	Thịnh	16/03/2007	CCQ2514B	004		8.0	4,0	5,6	
23	2125140071	Nguyễn Văn	Thuận	25/04/2007	CCQ2514B	001		8.5	5,0	6,4	
24	2125140037	Ngô Hữu Hoàng	Tiến	07/05/2007	CCQ2514B	002		7.9	4,3	5,7	
25	2125140063	Phạm Trung	Tín	02/12/2006	CCQ2514B	003		7.0	3,7	5,0	
26	2125140023	Phạm	Trâm	25/12/2006	CCQ2514A	004		1.0	4,0	2,8	
27	2125140115	Đặng Ngọc	Trọng	19/05/2007	CCQ2514A	001		8.6	7,3	7,8	
28	2125140053	Nguyễn Tấn	Trương	02/11/2007	CCQ2514B	002		8.3	4,0	5,7	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Toán ứng dụng A (22203303)

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-29

Số SV có mặt: 25

Số bài thi: 25

Số tờ giấy thi: 25

(Handwritten signatures and initials of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2125140008	Phan Phạm Ngọc	Tú	13/08/2007	CCQ2514A			3.0			
30	2125140049	Lê Tấn	Tuấn	14/05/2007	CCQ2514B	004	Luân	8.0	6,0	6,8	
31	2125140050	Nguyễn Đình	Tuấn	24/06/2005	CCQ2514B	001	Tuân	7.8	3,7	5,3	
32	2124030238	Hà Minh	Tuệ	27/10/2005	CCQ2403D	002	Tu	7.5	4,0	5,4	
33	2125140036	Lê Trần	Việt	09/12/2007	CCQ2514B	003	Bu	7.5	4,3	5,6	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Môn học: Toán ứng dụng A (22203305)

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D6-32

Số SV có mặt: 37

Số bài thi: 37

Số tờ giấy thi: 37

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2124060108	Phạm Phi	Bảo	05/03/2006	CCQ2406C	004		8.7	6,0	7,1	
2	2124060097	Nguyễn Tấn	Đức	07/06/2006	CCQ2406C	001		7.5	3,0	4,8	
3	2124180039	Nguyễn Hữu	Hiền	16/12/2006	CCQ2418B	002		7.3	4,7	5,7	
4	2124060114	Hoàng Thế	Hiếu	15/10/2006	CCQ2406C	003		6.8	3,7	4,9	
5	2123170253	Đương Thái	Hoà	01/03/2005	CCQ2317H			0.0			
6	2124060105	Lê Công	Hùng	25/02/2006	CCQ2406C	006		7.5	7,7	7,6	
7	2124060089	Phạm Quốc	Huy	16/12/2005	CCQ2406C	002		8.0	7,0	7,4	
8	2124060076	Trần Đức	Huy	20/02/2006	CCQ2406C	003		8.6	6,7	7,5	
9	2124060104	Nguyễn Minh	Mẫn	01/01/2006	CCQ2406C	004		7.5	4,7	5,8	
10	2124060106	Phan Trà	My	09/01/2006	CCQ2406C	001		10.0	9,7	9,8	
11	2124060109	Đặng Đức	Nam	18/09/2006	CCQ2406C	002		8.7	6,7	7,5	
12	2124060116	Nguyễn Mạnh Hào	Nam	03/12/2004	CCQ2406B	003		8.3	4,0	5,7	
13	2124060130	Lê Quang	Nguyễn	19/05/2005	CCQ2406B			7.5			
14	2124060131	Trần Duy	Nhân	02/10/2006	CCQ2406B	001		7.3	7,7	7,5	
15	2124060043	Trần Thành	Nhân	10/12/2006	CCQ2406B	002		8.3	7,7	7,9	
16	2124060064	Đặng Sỹ	Ninh	19/07/2006	CCQ2406B			6.5			
17	2124060048	Nguyễn Tấn	Phát	21/05/2006	CCQ2406B	002		7.8	6,0	6,7	
18	2124060087	Bùi Đình	Phong	23/07/2006	CCQ2406C	001		8.0	4,0	5,6	
19	2124060086	Nguyễn Hoàng	Phúc	10/10/2006	CCQ2406C			0.0			
20	2124060080	Nguyễn Minh	Quang	22/07/2006	CCQ2406C	003		8.5	6,7	7,4	
21	2124060095	Siu	Ron	19/10/2006	CCQ2406C	004		10.0	7,3	8,4	
22	2124060066	Huỳnh Dương	Sang	17/11/2006	CCQ2406B	001		7.5	3,7	5,2	
23	2124060075	Bùi Trí	Tài	08/08/2006	CCQ2406C			0.0			
24	2124060137	Đỗ Duy	Tài	09/10/2005	CCQ2406C	003		8.7	6,0	7,1	
25	2124060042	Vô Văn	Thắng	13/11/2005	CCQ2406B	003		7.8	5,0	6,1	
26	2124060052	Trần Minh Xuân	Thành	10/12/2006	CCQ2406B	001		7.5	5,7	6,4	
27	2124060124	Trần Ngọc	Thành	05/01/2006	CCQ2406C			0.0			
28	2124060069	Lê Thị Thu	Thảo	29/09/2006	CCQ2406B	002		10.0	9,3	9,6	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Toán ứng dụng A (22203305)

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D6-32

Số SV có mặt: 37

Số bài thi: 37

Số tờ giấy thi: 37

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2124060047	Phạm Đức Thịnh	24/05/2006	CCQ2406B			0.0			
30	2124060119	Nguyễn Thị Anh	20/12/2006	CCQ2406C	001	Anh	8.0	3,3	5,2	
31	2124060110	Phạm Văn Tiền	21/01/2006	CCQ2406C	002	Tiền	8.2	9,7	9,1	
32	2124060122	Hồ Minh Trí	21/08/2005	CCQ2406C	003	Trí	7.7	4,0	5,5	
33	2124060056	Trương Quang Trình	15/03/2006	CCQ2406B	004	Trình	7.3	5,7	6,3	
34	2124060051	Phùng Đình Trọng	23/07/2005	CCQ2406B	001	Trọng	7.8	9,3	8,7	
35	2123170370	Nguyễn Quốc Trung	01/05/2005	CCQ2317K	002	Trung	8.2	7,0	7,0	
36	2124060061	Võ Tấn Trung	10/03/2006	CCQ2406B	003	Trung	7.3	4,0	5,3	
37	2124060101	Phan Gia Phúc Tú	14/02/2006	CCQ2406C	004	Tú	7.8	7,3	7,5	
38	2124060107	Mai Anh Tuấn	04/02/2006	CCQ2406C	001	Tuấn	7.1	3,7	5,1	
39	2124060102	Điêu Huy Vân	29/11/2006	CCQ2406B	002	Vân	7.8	4,0	5,5	
40	2124060041	Nguyễn Thành Viên	10/01/2001	CCQ2406B	003	Viên	7.5	7,0	7,2	
41	2124060121	Nguyễn Quốc Việt	18/08/2006	CCQ2406C			0.0			
42	2124060057	Trần Văn Vinh	29/01/2006	CCQ2406B			0.0			
43	2124060049	Lâm Trường Vũ	06/04/2005	CCQ2406B	002	Vũ	8.0	3,3	5,2	
44	2123170235	Lê Hoàng Vũ	04/08/2005	CCQ2317G			0.0			
45	2124060090	Nguyễn Quang Vũ	04/12/2006	CCQ2406C	004	Vũ	7.5	4,0	5,4	
46	2124060073	Nguyễn Văn Vương	12/01/2006	CCQ2406C	001	Vương	8.3	4,7	6,1	
47	2124060128	Lý Kỳ Vy	19/08/2003	CCQ2406C	002	Vy	7.8	6,7	7,1	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Nguyễn Văn Thảo

Nguyễn Văn Thảo

Nguyễn Văn Thảo

Nguyễn Văn Thảo

Môn học: Toán ứng dụng A (22203302)

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D6-33

Số SV có mặt: 30

Số bài thi: 30

Số tờ giấy thi: 30

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2125140130	Võ Minh	Nhật	18/10/2007	CCQ2514D	003		6.8	6,3	6,5	
2	2125140154	Nguyễn Tấn	Phát	15/10/2007	CCQ2514D	004	Phát	9.0	5,3	6,8	
3	2125140133	Vũ Cao	Phong	16/01/2007	CCQ2514D	001	phong	9.0	8,7	8,8	
4	2125140148	Nguyễn Bùi Thiên	Phú	05/09/2007	CCQ2514D			8.8			
5	2125140143	Kổng Vinh	Phúc	19/09/2007	CCQ2514D			0.0			
6	2125140150	Phan Văn	Phúc	01/04/2007	CCQ2514D	009		8.8	4,3	6,1	
7	2125140084	Trần Thanh	Phúc	25/04/2007	CCQ2514C	001		9.8	8,7	9,1	
8	2125140126	Nguyễn Hoàng	Quân	18/10/2007	CCQ2514C			0.0			
9	2125140077	Huỳnh Thanh	Son	05/10/2007	CCQ2514C	003		6.5	4,7	5,4	
10	2125140078	Lê Phát	Tài	24/07/2007	CCQ2514C	004		5.8	6,3	6,1	
11	2125140099	Nguyễn Hữu	Tài	20/01/2004	CCQ2514C	001		9.5	8,3	8,8	
12	2125140090	Đặng Trung	Tâm	08/05/2007	CCQ2514C	002	Tâm	8.5	7,3	7,8	
13	2125140147	Trần Nhật	Tâm	29/12/2007	CCQ2514D	003		9.3	4,3	6,3	
14	2125140165	Phạm Trí	Tân	05/02/2007	CCQ2514D	004	Tan	9.0	7,7	8,2	
15	2125140163	Nguyễn Hoàng	Thái	14/01/2007	CCQ2514D	001	Thái	7.8	5,7	6,5	
16	2125140082	Nguyễn Quang	Thiên	26/11/2007	CCQ2514C	002	Thiên	8.3	4,0	5,7	
17	2125140152	Lê Phước	Thiện	27/05/2007	CCQ2514D	003	Phuoc	9.8	4,0	6,3	
18	2125140158	Trần Đức	Thiện	26/10/2007	CCQ2514D	004		9.3	6,0	7,3	
19	2125140112	Nguyễn Quốc	Thịnh	05/02/2007	CCQ2514C	001	Thinh	5.8	6,7	6,3	
20	2125140132	Phan Phúc	Thịnh	02/02/2007	CCQ2514D	002	Phuoc	9.3	7,0	7,9	
21	2125140145	Thạch Bun Chané	Thone	17/07/2007	CCQ2514D			0.0			
22	2125140091	Lý Trung	Tín	17/02/2007	CCQ2514C			0.0			
23	2125140094	Nguyễn Việt	Toàn	22/09/2007	CCQ2514C	001	Toàn	9.0	3,0	5,4	
24	2125140153	Lê Văn	Tới	16/09/2007	CCQ2514D	002	Toi	8.8	1,7	4,5	
25	2125140105	Trịnh Thị Huyền	Trang	03/02/2006	CCQ2514C	003	Trang	9.3	5,3	6,9	
26	2125140159	Nguyễn Ngọc	Trí	09/05/2007	CCQ2514D	004	Trang	8.5	4,7	6,2	
27	2125140129	Võ Văn Minh	Trí	09/03/2007	CCQ2514D			3.8			
28	2125140160	Lê Văn	Trung	08/04/2007	CCQ2514D	002	Trung	8.5	3,3	5,4	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viễn chấm thi 1 G.Viễn chấm thi 2

ly n. n. Thao ly n. n. Thao ly n. n. Thao ly n. n. Thao

Môn học: Toán ứng dụng A (22203302)

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D6-33

Số SV có mặt: 30

Số bài thi: 30

Số tờ giấy thi: 30

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2125140076	Võ Đình	Trưởng	28/06/2006	CCQ2514C	003	Tuấn	8.3	2,7	4,9
30	2125140127	Võ Lý Nhật	Trưởng	19/01/2007	CCQ2514D	004	ly n. n. Thao	9.0	5,3	6,8
31	2125140142	Lê Công	Truyền	13/05/2007	CCQ2514D	001	+ Ben	9.0	7,7	8,2
32	2125140100	Bùi Anh	Tuấn	01/12/2007	CCQ2514C	002	ly n. n. Thao	2.0	2,7	2,4
33	2125140135	Phan Anh	Tuấn	25/03/2007	CCQ2514D	003	tuấn	9.0	2,3	5,0
34	2125140081	Trần Anh	Tuấn	05/11/2006	CCQ2514C			8.0		
35	2125140138	Trần Lê Anh	Tuấn	13/11/2007	CCQ2514D	001	tuấn	5.8	8,0	7,1
36	2125140110	Phan Hoàng	Tùng	08/05/2007	CCQ2514C			6.0		
37	2125140098	Phan Thế	Văn	06/05/2007	CCQ2514C			3.0		
38	2125140111	Huỳnh Quốc	Việt	21/10/2007	CCQ2514C	002	Việt	9.3	9,3	9,3
39	2125140123	Cao Lê Thành	Vương	14/09/2007	CCQ2514D	003	ly n. n. Thao	8.5	7,0	7,6

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

T. Diệp

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

Môn học: Toán ứng dụng A (22203302)

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D6-35

Số SV có mặt: 36

Số bài thi: 36

Số tờ giấy thi: 36

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2125140089	Lê Xuân	Bá	22/11/2007	CCQ2514C	002	Bá	9.3	6,3	7,5	
2	2125140134	Phạm Nguyễn Xuân	Ban	10/08/2007	CCQ2514D	003	Ban	9.3	5,3	6,9	
3	2125140093	Huỳnh Gia	Bảo	15/07/2007	CCQ2514C	004	Ba	9.3	5,0	6,7	
4	2125140137	Trần Gia	Bảo	22/04/2007	CCQ2514D	001	Bảo	9.0	7,7	8,2	
5	2125140092	Hoàng Đình	Chường	21/02/2000	CCQ2514C	002	Cu	9.8	5,3	7,1	
6	2125140109	Nguyễn Hữu	Đại	08/03/2007	CCQ2514C	003	Đại	9.3	5,3	6,9	
7	2125140161	Lê Thành	Đăng	10/03/2007	CCQ2514D	004	Đang	8.5	2,7	5,0	
8	2125140085	Hồ Nguyễn Thành	Đạt	14/01/2007	CCQ2514C	001	Đạt	9.0	3,0	5,4	
9	2125140086	Trần Quốc	Doanh	19/09/2007	CCQ2514C	001	Dah	8.3	5,0	6,3	
10	2125140128	Lê Nguyễn Quốc	Duy	05/07/2007	CCQ2514D	004	B	8.5	6,7	7,4	
11	2125140106	Nguyễn Phương	Duy	14/02/2007	CCQ2514C	003	Duy	7.8	5,3	6,3	
12	2125140074	Ngô Minh	Hải	05/08/2006	CCQ2514C	002	H	8.3	5,3	6,5	
13	2125140079	Ngô Trần Hoàng	Hải	16/07/2007	CCQ2514C	001	Hai	8.0	6,7	7,2	
14	2125140125	Nguyễn Hoài	Hậu	19/03/2007	CCQ2514C	004	H	8.3	4,7	6,1	
15	2125140151	Nguyễn Trung	Hậu	18/05/2007	CCQ2514D	003	H	5.5	5,7	5,6	
16	2125140144	Trà Lê Thế	Hiền	31/08/2007	CCQ2514D	002	H	8.3	3,7	5,5	
17	2125140166	Đặng Ngọc Huy	Hoàng	09/09/2007	CCQ2514D	002	Hong	8.8	7,7	8,1	
18	2125140087	Hồ Sỹ	Hoàng	09/01/2007	CCQ2514C	003	Hoc	8.5	2,3	4,8	
19	2125140107	Dương Vũ	Huân	05/09/2007	CCQ2514C	001	Huan	5.5	1,7	3,2	
20	2125140256	Thiều Minh	Hung	05/12/2007	CCQ2514D	001	H	7.0	5,0	5,8	
21	2125140242	Dương Gia	Huy	19/06/2007	CCQ2514C			0.0			
22	2125140141	Hồ Viết	Huy	10/05/2007	CCQ2514D	003	Huy	8.5	8,7	8,6	
23	2125140157	Lê Minh	Huy	01/02/2007	CCQ2514D	004	Hu	6.0	7,3	6,8	
24	2125140104	Nguyễn Hữu	Huy	05/04/2007	CCQ2514C	002	Hu	5.5	5,3	5,4	
25	2125140096	Trần Quang	Huy	06/09/2006	CCQ2514C	003	H	8.3	7,7	7,9	
26	2125140155	Dương Đăng	Khoa	26/01/2007	CCQ2514D	002	K	8.3	4,3	5,9	
27	2125140097	Lê Nguyễn Duy	Kiên	09/12/2007	CCQ2514C	001	K	8.3	4,3	5,9	
28	2125140083	Nguyễn Đoàn Anh	Kiệt	25/04/2007	CCQ2514C	004	K	8.5	2,7	5,0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Toán ứng dụng A (22203302)

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D6-35

Số SV có mặt: 36

Số bài thi: 36

Số tờ giấy thi: 36

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2125140149	Phạm Vũ Anh	Kiệt	06/02/2007	CCQ2514D	003	hà	8.5	9,0	8,8	
30	2125140095	Trương Gia	Lâm	28/06/2006	CCQ2514C	002	hà	8.5	5,3	6,6	
31	2125140136	Nguyễn	Lịch	12/12/2007	CCQ2514D			0.0			
32	2125140247	Hoàng Quang Nhật	Linh	28/11/2007	CCQ2514D	001	hà	6.3	7,7	7,1	
33	2125140146	Nguyễn Tiến	Lộc	06/03/2007	CCQ2514D	004	hà	8.3	7,3	7,7	
34	2125140162	Nông Đức	Long	18/11/2007	CCQ2514D	001	long	8.3	2,7	4,9	
35	2125140164	Phạm Ngọc	Lưu	19/01/2007	CCQ2514C	002	lưu	8.5	7,3	7,8	
36	2125140108	Võ Duy	Mạnh	24/09/2006	CCQ2514C	003	hà	9.3	6,3	7,5	
37	2125140156	Lê Hải	Nam	31/10/2007	CCQ2514D	004	hà	9.3	4,0	6,1	
38	2125140200	Võ Thiện	Nhân	21/08/2007	CCQ2514C	001	nhân	9.0	9,0	9,0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viễn chấm thi 1 G.Viễn chấm thi 2

Môn học: Toán ứng dụng A (22203301)

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D6-36

Số SV có mặt: 27...

Số bài thi: 27....

Số tờ giấy thi: 27

(Handwritten signatures and names of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2125140219	Vũ Nguyễn Duy	Long	05/07/2007	CCQ2514F	001	<i>(Signature)</i>	9.0	6,0	7,2
2	2124180029	Lê Hoài	Nam	01/01/2006	CCQ2418A			0.0		
3	2125140227	Nguyễn Hoài	Nam	09/07/2007	CCQ2514F			0.0		
4	2125140217	Đào Nhật	Nghĩa	27/10/2007	CCQ2514E			0.0		
5	2125140224	Ngô Văn	Nguyễn	06/11/2007	CCQ2514F	001	<i>(Signature)</i>	7.8	7,3	7,5
6	2125140213	Nguyễn Khôi	Nguyễn	02/09/2007	CCQ2514F	002	<i>(Signature)</i>	7.0	8,3	4,8
7	2125140206	Lê Lê	Nguyễn	16/10/2006	CCQ2514E			0.0		
8	2125140184	Huỳnh Minh	Nhật	09/01/2007	CCQ2514E			0.0		
9	2125140225	Nguyễn Quang	Nhật	23/04/2007	CCQ2514F	004	<i>(Signature)</i>	8.3	2,7	4,9
10	2125140180	Mai Toàn	Phúc	02/01/2007	CCQ2514E	002	<i>(Signature)</i>	8.3	4,3	5,9
11	2125140173	Nguyễn Hồng	Quân	28/03/2007	CCQ2514E	003	<i>(Signature)</i>	8.8	4,7	6,3
12	2125140240	Trần Phùng Tấn	Quân	04/11/2007	CCQ2514E	004	<i>(Signature)</i>	9.0	7,0	7,8
13	2125140235	Nguyễn Đình	Quang	27/10/2007	CCQ2514F	001	<i>(Signature)</i>	5.8	4,7	5,1
14	2125140228	Nguyễn Văn	Quang	26/01/2007	CCQ2514F	002	<i>(Signature)</i>	8.8	4,7	6,3
15	2125140220	Vũ Minh	Quỳnh	03/09/2007	CCQ2514F			0.0		
16	2125140174	Nguyễn Hoàng	Sang	20/01/2007	CCQ2514E	003	<i>(Signature)</i>	9.0	6,3	7,4
17	2125140169	Đới Quang	Sơn	05/05/2007	CCQ2514E	003	<i>(Signature)</i>	9.0	3,0	5,4
18	2125140231	Ngô Phát	Tài	06/04/2007	CCQ2514F	002	<i>(Signature)</i>	8.8	8,3	8,5
19	2125140210	Thái	Tài	09/08/2007	CCQ2514F			0.0		
20	2125140202	Bùi Thế	Tâm	14/01/2007	CCQ2514E	001	<i>(Signature)</i>	6.0	6,0	6,0
21	2125140171	Đỗ Ngọc	Tâm	16/08/2007	CCQ2514E	002	<i>(Signature)</i>	8.8	7,3	7,9
22	2125140194	Trần Minh	Tâm	01/09/2007	CCQ2514E	003	<i>(Signature)</i>	8.0	5,7	6,6
23	2125140208	Nguyễn Thành	Thắng	25/03/2007	CCQ2514E	004	<i>(Signature)</i>	8.3	7,3	7,7
24	2125140168	Ông Hoàng	Thiện	09/10/2007	CCQ2514E	002	<i>(Signature)</i>	8.3	3,7	6,5
25	2125140236	Ngô Ngọc Phức	Thịnh	16/07/2007	CCQ2514F			0.0		
26	2125140192	Nguyễn Hưng	Thịnh	24/12/2007	CCQ2514E	001	<i>(Signature)</i>	8.8	7,7	8,1
27	2125140221	Lê Chí	Thọ	10/06/2007	CCQ2514F	004	<i>(Signature)</i>	4.5	7,3	6,2
28	2125140182	Đặng Ngọc	Tiến	10/08/2007	CCQ2514E	003	<i>(Signature)</i>	9.0	8,0	8,4

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Toán ứng dụng A (22203301)

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D6-36

Số SV có mặt: 27
Số bài thi: 27
Số tờ giấy thi: 27

[Handwritten signatures and names of examiners and supervisors]

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2125140218	Lê Duy	Trí	01/04/2007	CCQ2514F			0.0			
30	2125140185	Nguyễn Minh	Triết	17/10/2003	CCQ2514E	003	<i>[Signature]</i>	8.5	3,7	5,6	
31	2125140226	Lê Đức	Trọng	14/08/2007	CCQ2514F	002	<i>[Signature]</i>	7.5	7,0	7,2	
32	2125140176	Nguyễn Thành	Trung	23/09/2007	CCQ2514E	003	<i>[Signature]</i>	8.5	8,7	8,6	
33	2125140216	Nguyễn Hữu Anh	Tú	22/05/2007	CCQ2514F			0.0			
34	2125140239	Đặng Hữu	Vinh	20/02/2007	CCQ2514F	004	<i>[Signature]</i>	8.3	5,3	6,5	
35	2125140248	Trịnh Hoàng	Vinh	05/02/2007	CCQ2514F	004	<i>[Signature]</i>	8.5	4,0	5,8	
36	2125140204	Đặng Thanh Hải	Vương	11/11/2007	CCQ2514E	001	<i>[Signature]</i>	8.3	5,0	6,3	
37	2125140203	Lưu Trường	Vỹ	04/03/2007	CCQ2514E	001	<i>[Signature]</i>	8.3	6,3	7,1	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204210] - Kỹ năng mềm
(CCQ2514A)

CBGD: Nguyễn Thị Lê (220001)

Số SV có mặt: 26.

Số bài thi:26..

Số tờ giấy thi: 26.

Nguyễn Thị Lê

Nguyễn Thị Lê

Thanh
L.T.T.Hà

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2125140005	Nguyễn Tổng Gia	Bảo	13/06/2005	CCQ2514A	1		9,2	8,1	8,5
2	2125140014	Phạm Gia	Bảo	24/01/2007	CCQ2514A	1		6,8	8,7	7,9
3	2125140031	Trần Nhật	Chương	26/11/2007	CCQ2514A	1		5,0	7,3	6,4
4	2125140002	Phạm Đức	Duẩn	05/02/2006	CCQ2514A	1		5,0	7,2	6,3
5	2125140007	Vũ Ngọc Hà Anh	Đức	03/10/2007	CCQ2514A			✓		
6	2125140024	Nguyễn	Hậu	06/10/2007	CCQ2514A			✓		
7	2125140010	Trần Trung	Hậu	18/03/2007	CCQ2514A	1		9,6	7,6	8,4
8	2125140034	Huỳnh Văn	Hoan	20/10/2007	CCQ2514A	1		9,2	9,0	9,1
9	2125140254	Nguyễn Duy	Hưng	01/09/2007	CCQ2514A			✓		
10	2125140019	Lê Hữu	Huy	18/11/2007	CCQ2514A	1		5,2	7,5	6,6
11	2125140032	Nguyễn Minh	Kha	31/05/2007	CCQ2514A	1		9,8	9,5	9,6
12	2125140113	Nguyễn Đoàn Anh	Khoa	26/12/2007	CCQ2514A	1		8,2	9,3	8,9
13	2125140117	Lê Minh	Khôi	16/12/2007	CCQ2514A	1		7,6	9,3	8,6
14	2125140035	Phan Tấn Quốc	Khôi	05/08/2007	CCQ2514A	1		5,0	8,2	6,9
15	2125140011	Nguyễn Trung	Kiên	02/01/2007	CCQ2514A	1		7,8	9,3	8,7
16	2125140022	Nguyễn Trung	Kiên	25/08/2007	CCQ2514A	1		9,0	8,3	8,6
17	2125140029	Võ Trung	Kiên	21/05/2007	CCQ2514A	1		6,8	7,7	7,3
18	2125140116	Nguyễn Thành	Lâm	10/11/2007	CCQ2514A	1		9,0	8,7	8,8
19	2125140027	Nguyễn Thành	Lễ	26/10/2007	CCQ2514A	1		8,4	7,9	8,1
20	2125140020	Lê Văn	Lộc	01/08/2007	CCQ2514A			✓		
21	2125140009	Dương Thành	Lợi	07/07/2007	CCQ2514A	1		6,0	7,1	6,7
22	2125140253	Trịnh Thanh	Long	02/07/2007	CCQ2514A			✓		
23	2125140021	Nguyễn Viết Trường	Minh	11/05/2007	CCQ2514A	1		9,4	8,3	8,7
24	2125140017	Bùi Hoài	Nam	23/11/2007	CCQ2514A	1		7,6	8,8	8,3
25	2124290004	Văn Thị Ngọc	Ngân	04/07/2006	CCQ2429A	1		5,0	8,8	7,3
26	2125140033	Nguyễn Duy	Nghĩa	27/10/2007	CCQ2514A			✓		
27	2125140015	Nguyễn Văn Thanh	Nhàn	04/10/2007	CCQ2514A	1		8,4	7,8	8,0
28	2125140016	Phạm Xuân	Nhật	12/09/2006	CCQ2514A			✓		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204210] - Kỹ năng mềm
(CCQ2514A)

CBGD: Nguyễn Thị Lê (220001)

Số SV có mặt: 26...

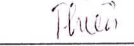
Số bài thi:26...

Số tờ giấy thi: 26.


Nguyễn Thị Lê


Nguyễn Thị Lê


Phan Văn Hòa

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2125140001	Đoàn Vĩnh	Phúc	12/09/2007	CCQ2514A	1		7,2	8,4	7,9
30	2123190067	Đỗ Hàn Uyên	Phượng	19/02/2004	CCQ2319B	1		8,8	9,4	9,2
31	2125140026	Nguyễn Minh	Quân	20/04/2007	CCQ2514A	1		6,8	8,5	7,8
32	2125140064	Trần Minh	Tài	19/08/2006	CCQ2514A			✓		
33	2125140028	Thị Tắt	Thiên	23/11/2007	CCQ2514A	1		6,0	8,1	7,3
34	2125140023	Phạm	Trâm	25/12/2006	CCQ2514A			✓		
35	2125140115	Đặng Ngọc	Trọng	19/05/2007	CCQ2514A	1		8,0	8,3	8,2
36	2125140008	Phan Phạm Ngọc	Tú	13/08/2007	CCQ2514A			✓		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204211] - Kỹ năng mềm
(CCQ2514B)

CBGD: Tăng Thị Vinh (220013)

Số SV có mặt: 28

Số bài thi: 28

Số tờ giấy thi: 28

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2125140120	Phạm Thanh Bình	30/11/2007	CCQ2514B		Bình	8,8	8,0	8,3
2	2125140070	Y Huy Bkrông	14/06/2007	CCQ2514B		Huy	7,8	6,5	7,0
3	2125140046	Đặng Thanh Chiên	03/12/2007	CCQ2514B		Chiên	9,1	8,0	8,4
4	2125140060	Vô Văn Có	25/09/2006	CCQ2514B		Có	9,2	8,0	8,5
5	2125140119	Huỳnh Thái Đăng	21/08/2007	CCQ2514B		Đăng	6,5	4,5	5,3
6	2125140065	Nguyễn Hải Đăng	22/02/2007	CCQ2514B		Đăng	9,0	7,0	7,8
7	2125140040	Lê Văn Đức	20/11/2004	CCQ2514B		Đức	6,9	7,0	7,0
8	2125140048	Hoàng Nam Dương	22/10/2007	CCQ2514B			—	—	—
9	2125140255	Phạm Đình Duy	14/01/2007	CCQ2514B			—	—	—
10	2125140068	Tạ Ngọc Duy	10/06/2007	CCQ2514B		Duy	8,8	5,0	6,5
11	2125140038	Dương Hoài Giang	13/12/2007	CCQ2514B		Giang	8,1	7,5	7,7
12	2125140069	Nguyễn Thái Hàn	10/02/2007	CCQ2514B			—	—	—
13	2125140062	Đặng Mậu Quốc Hiệu	15/06/2007	CCQ2514B		Hiệu	9,1	8,0	8,4
14	2125140122	Võ Đức Hòa	07/03/2007	CCQ2514B		Hòa	9,9	8,5	9,1
15	2125140059	Mai Phước Hường	12/09/2007	CCQ2514B		Phước	9,7	7,8	8,6
16	2125140118	Nguyễn Thanh Huy	24/05/2007	CCQ2514B		Huy	8,9	8,3	8,5
17	2125140052	Mai Văn Khải	17/07/2007	CCQ2514B			—	—	—
18	2125140039	Nguyễn Trường Khang	01/08/2006	CCQ2514B		Khang	8,7	8,0	8,3
19	2125140054	Nguyễn Thành Long	25/08/2007	CCQ2514B		Long	6,0	6,5	6,3
20	2125140047	Nguyễn Văn Mến	28/02/2006	CCQ2514B			—	—	—
21	2125140041	Nguyễn Thanh Nam	27/02/2007	CCQ2514B			—	—	—
22	2125140124	Trần Hoàng Phúc	31/10/2007	CCQ2514B		Phúc	9,3	8,0	8,5
23	2125140121	Cao Minh Quân	17/06/2007	CCQ2514B		Quân	7,8	8,0	7,9
24	2124300200	Huỳnh Tấn Tài	30/09/2002	CCQ2430D			—	—	—
25	2125140101	Phan Lê Anh Thịnh	16/03/2007	CCQ2514B		Anh	8,9	8,3	8,5
26	2125140071	Nguyễn Văn Thuận	25/04/2007	CCQ2514B		Thuận	8,9	7,5	8,1
27	2125140037	Ngô Hữu Hoàng Tiến	07/05/2007	CCQ2514B		Tiến	5,2	7,0	6,3
28	2125140063	Phạm Trung Tín	02/12/2006	CCQ2514B		Tín	5,2	5,0	5,1

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204211] - Kỹ năng mềm
(CCQ2514B)
CBGD: Tăng Thị Vinh (220013)

Số SV có mặt: 28...
Số bài thi: 28...
Số tờ giấy thi: 28...

(Handwritten signatures and names of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2122240012	Hồ Thị Quế	Trân	25/07/2002	CCQ2224A	<i>(Signature)</i>	6,5	9,5	8,3
30	2125350123	Nguyễn Trần	Trân	16/05/2007	CCQ2535C	Trân	7,5	7,5	7,5
31	2125350118	Lương Ngọc Thuỷ	Trúc	30/08/2007	CCQ2535C	<i>(Signature)</i>	7,4	7,0	7,2
32	2125140053	Nguyễn Tấn	Trương	02/11/2007	CCQ2514B	<i>(Signature)</i>	8,8	6,0	7,1
33	2125140049	Lê Tấn	Tuấn	14/05/2007	CCQ2514B	<i>(Signature)</i>	8,9	8,3	8,5
34	2125140050	Nguyễn Đình	Tuấn	24/06/2005	CCQ2514B	Tuấn	5,2	5,0	5,1
35	2125140036	Lê Trần	Việt	09/12/2007	CCQ2514B	<i>(Signature)</i>	9,6	8,0	8,6

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204212] - Kỹ năng mềm
(CCQ2514C)

CBGD: Đào Thị Diệu (220014)

Số SV có mặt: 31
Số bài thi: 31
Số tờ giấy thi: 31

Mu
Đào Thị Diệu

Mu
Đào Thị Diệu

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2125140089	Lê Xuân Bá	22/11/2007	CCQ2514C		<i>Bá</i>	10,0	8,0	8,8
2	2125140093	Huỳnh Gia Bảo	15/07/2007	CCQ2514C		<i>B</i>	7,5	7,5	7,5
3	2125140092	Hoàng Đình Chương	21/02/2000	CCQ2514C		<i>Chương</i>	10,0	10,0	10,0
4	2125140109	Nguyễn Hữu Đại	08/03/2007	CCQ2514C		<i>Đại</i>	6,0	7,5	6,9
5	2122170110	Nguyễn Võ Quang Đăng	03/10/2003	CCQ2217C		<i>Đăng</i>	7,3	8,0	7,7
6	2125140085	Hồ Nguyễn Thành Đạt	14/01/2007	CCQ2514C		<i>Đạt</i>	5,0	6,0	5,6
7	2125140086	Trần Quốc Doanh	19/09/2007	CCQ2514C		<i>Doanh</i>	4,8	6,5	5,8
8	2124030100	Nguyễn Văn Hiền Dương	23/08/2006	CCQ2403C		<i>Hiên</i>	7,9	8,0	8,0
9	2125140106	Nguyễn Phương Duy	14/02/2007	CCQ2514C		<i>Duy</i>	5,3	7,5	6,6
10	2125140074	Ngô Minh Hải	05/08/2006	CCQ2514C		<i>H</i>	7,0	7,5	7,3
11	2125140079	Ngô Trần Hoàng Hải	16/07/2007	CCQ2514C		<i>Hải</i>	7,1	7,5	7,3
12	2125100101	Nguyễn Hà Gia Hân	09/11/2005	CCQ2510C			/	/	/
13	2125140125	Nguyễn Hoài Hậu	19/03/2007	CCQ2514C		<i>Hậu</i>	7,2	7,8	7,6
14	2125140087	Hồ Sỹ Hoàng	09/01/2007	CCQ2514C		<i>Hoàng</i>	9,1	8,0	8,4
15	2125140107	Dương Vũ Huân	05/09/2007	CCQ2514C			1,5	/	CT
16	2125140242	Dương Gia Huy	19/06/2007	CCQ2514C			/	/	/
17	2125140104	Nguyễn Hữu Huy	05/04/2007	CCQ2514C			1,0	/	CT
18	2125140096	Trần Quang Huy	06/09/2006	CCQ2514C		<i>Huy</i>	7,2	7,8	7,6
19	2122110497	Lê Nguyên Khang	30/09/2004	CCQ2211F		<i>Khang</i>	8,0	7,8	7,9
20	2125140097	Lê Nguyễn Duy Kiên	09/12/2007	CCQ2514C		<i>Kiên</i>	7,2	7,5	7,4
21	2125140083	Nguyễn Đoàn Anh Kiệt	25/04/2007	CCQ2514C		<i>Kiệt</i>	7,0	7,5	7,3
22	2125140095	Trương Gia Lâm	28/06/2006	CCQ2514C		<i>Lâm</i>	7,4	7,5	7,5
23	2122110559	Nguyễn Thị Tuyết Lan	02/06/2002	CCQ2211N		<i>Lan</i>	9,3	8,0	8,5
24	2122050133	Đỗ Văn Ngọc Lưu	20/01/2004	CCQ2205D		<i>Lưu</i>	3,0	/	1,2
25	2125140164	Phạm Ngọc Lưu	19/01/2007	CCQ2514C		<i>Lưu</i>	9,0	8,0	8,4
26	2125140108	Võ Duy Mạnh	24/09/2006	CCQ2514C		<i>Mạnh</i>	8,8	7,8	8,2
27	2125140200	Võ Thiện Nhân	21/08/2007	CCQ2514C		<i>Nhân</i>	10,0	8,5	9,1
28	2125140084	Trần Thanh Phúc	25/04/2007	CCQ2514C		<i>Phúc</i>	10,0	8,5	9,1

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

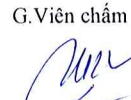
Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

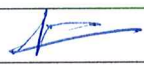
Môn học : [22204212] - Kỹ năng mềm
(CCQ2514C)

CBGD: Đào Thị Diệu (220014)

Số SV có mặt: 31
Số bài thi: 31
Số tờ giấy thi: 31


Đào Thị Diệu


Đào Thị Diệu

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2125140126	Nguyễn Hoàng	Quân	18/10/2007	CCQ2514C			/	/	/
30	2121240176	Đoàn Xuân	Quý	16/06/1999	CCQ2124F			/	/	/
31	2122110312	Mai Vũ	Quốc	19/06/2003	CCQ2211H			/	/	/
32	2125140077	Huỳnh Thanh	Sơn	05/10/2007	CCQ2514C			1,8	7,0	4,9
33	2125140078	Lê Phát	Tài	24/07/2007	CCQ2514C			/	/	/
34	2125140099	Nguyễn Hữu	Tài	20/01/2004	CCQ2514C			10,0	9,3	9,6
35	2125140090	Đặng Trung	Tâm	08/05/2007	CCQ2514C		Tâm	8,5	8,0	8,2
36	2125140082	Nguyễn Quang	Thiên	26/11/2007	CCQ2514C		thiên	8,2	7,5	7,8
37	2125140112	Nguyễn Quốc	Thịnh	05/02/2007	CCQ2514C			/	/	/
38	2122110551	Lê Thị Mỹ	Tiên	18/06/2004	CCQ2211M			6,7	8,0	7,5
39	2125140091	Lý Trung	Tín	17/02/2007	CCQ2514C			/	/	/
40	2125140094	Nguyễn Việt	Toàn	22/09/2007	CCQ2514C			/	/	/
41	2125140105	Trịnh Thị Huyền	Trang	03/02/2006	CCQ2514C			9,3	8,0	8,5
42	2125140076	Võ Đình	Trường	28/06/2006	CCQ2514C		Trường	5,6	7,5	6,7
43	2125140100	Bùi Anh	Tuấn	01/12/2007	CCQ2514C			/	/	/
44	2125140081	Trần Anh	Tuấn	05/11/2006	CCQ2514C			1,5	/	0,5
45	2125140110	Phan Hoàng	Tùng	08/05/2007	CCQ2514C			6,8	0,0	2,7
46	2125140098	Phan Thế	Văn	06/05/2007	CCQ2514C			/	/	/
47	2125140111	Huỳnh Quốc	Việt	21/10/2007	CCQ2514C			7,8	7,5	7,6

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204213] - Kỹ năng mềm
(CCQ2515A)
CBGD: Đào Thị Diệu (220014)

Số SV có mặt: 33
Số bài thi: 33
Số tờ giấy thi: 33

(Signature)
Đào Thị Diệu
(Signature)
Đào Thị Diệu

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2125150025	Huỳnh Võ Hoàng Ân	13/03/2007	CCQ2515A		<i>(Signature)</i>	9,0	8,5	8,7
2	2125150035	Dương Thiên Bảo	18/07/2007	CCQ2515A		<i>(Signature)</i>	2,5	7,5	5,5
3	2125150034	Ngô Lê Gia Bảo	21/10/2007	CCQ2515A		<i>(Signature)</i>	9,8	8,5	9,0
4	2125150107	Trần Gia Bảo	28/11/2007	CCQ2515A		<i>(Signature)</i>	10	8,2	8,9
5	2125150001	Trần Phan Thiên Bảo	19/12/2007	CCQ2515A		<i>(Signature)</i>	7,0	8,0	7,6
6	2125150033	Đinh Mạnh Cường	11/10/2007	CCQ2515A		<i>(Signature)</i>	6,3	8,0	7,3
7	2125150028	Nguyễn Ngọc Danh	26/10/2007	CCQ2515A		<i>(Signature)</i>	5,3	8,0	6,9
8	2125150026	Nguyễn Thành Đạt	28/06/2007	CCQ2515A		<i>(Signature)</i>	7,4	7,8	7,6
9	2125150021	Phạm Huỳnh Anh Đạt	03/03/2007	CCQ2515A		<i>(Signature)</i>	5,8	7,5	6,8
10	2125150018	Lê Quang Diệu	01/03/2007	CCQ2515A		<i>(Signature)</i>	7,0	8,5	7,9
11	2125150005	La Kim Đình	21/09/2007	CCQ2515A		<i>(Signature)</i>	8,6	8,5	8,5
12	2125150002	Trần Hải Đông	03/09/2007	CCQ2515A		<i>(Signature)</i>	8,3	8,0	8,1
13	2125150161	Phạm Khánh Duy	16/09/2007	CCQ2515A		<i>(Signature)</i>	6,5	7,8	7,3
14	2125150012	Vũ Ngọc Duy	26/06/2007	CCQ2515A					
15	2125150110	Nguyễn Văn Hiếu	06/07/2007	CCQ2515A		<i>(Signature)</i>	8,8	8,8	8,8
16	2125150006	Phạm Huy Hoàng	27/07/2006	CCQ2515A		<i>(Signature)</i>	6,5	7,8	7,3
17	2125150108	Nguyễn Công Huy	02/10/2007	CCQ2515A		<i>(Signature)</i>	8,8	8,0	8,3
18	2125150009	Nguyễn Phúc Gia Khang	23/07/2007	CCQ2515A		<i>(Signature)</i>	9,0	8,5	8,7
19	2125150162	Nguyễn Lâm Nhựt	07/09/2007	CCQ2515A					
20	2125150109	Đặng Minh Quân	15/08/2007	CCQ2515A		<i>(Signature)</i>	7,3	7,5	7,4
21	2125150015	Lê Minh Quân	05/09/2007	CCQ2515A		<i>(Signature)</i>	8,3	8,0	8,1
22	2125150019	Lê Phú Quý	30/07/2007	CCQ2515A		<i>(Signature)</i>	9,7	8,0	8,7
23	2125150003	Lê Thành Sang	06/05/2007	CCQ2515A		<i>(Signature)</i>	9,7	8,5	9,0
24	2125150022	Lê Trung Sang	07/01/2007	CCQ2515A					
25	2125150010	Phùng Nguyên Sơn	23/11/2007	CCQ2515A		<i>(Signature)</i>	9,5	8,5	8,9
26	2125150023	Nguyễn Thế Sơn	23/08/2007	CCQ2515A		<i>(Signature)</i>	2,8	8,0	5,9
27	2125150020	Nguyễn Minh Thắng	18/03/2007	CCQ2515A		<i>(Signature)</i>	1,0	7,0	4,6
28	2125150030	Bùi Minh Thuận	22/05/2007	CCQ2515A		<i>(Signature)</i>	6,3	7,0	6,7

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2


Đào Thị Diễm


Đào Thị Diễm

Môn học : [22204213] - Kỹ năng mềm
(CCQ2515A)
CBGD: Đào Thị Diễm (220014)

Số SV có mặt: ...
Số bài thi:
Số tờ giấy thi: ...

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2125150007	Phạm Thanh	Tiến	13/10/2007	CCQ2515A			7,4	7,5	7,5
30	2125150008	Nguyễn Thanh	Toàn	03/06/2007	CCQ2515A			7,3	8,0	7,7
31	2125150004	Nguyễn Hữu	Trí	19/01/2007	CCQ2515A			9,4	8,5	8,9
32	2125150031	Phạm Nguyên Minh	Trí	24/02/2007	CCQ2515A			8,5	8,5	8,5
33	2125150016	Trần Quốc	Triệu	02/12/2007	CCQ2515A			7,4	8,0	7,8
34	2125150027	Phạm Đức	Trọng	13/12/2007	CCQ2515A			8,0	7,5	5,3
35	2125150029	Nguyễn Văn Hữu	Trung	08/03/2007	CCQ2515A			/	/	/
36	2125150013	Trương Anh	Tuấn	07/02/2007	CCQ2515A			6,3	7,0	6,7
37	2125150032	Phan Văn	Vinh	27/01/2007	CCQ2515A			7,0	7,8	7,5

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Môn học : [22204214] - Kỹ năng mềm
(CCQ2515B)
CBGD: Nguyễn Thiên Thanh (220015)

Số SV có mặt: 31...
Số bài thi:3.1...
Số tờ giấy thi: 3.1.

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2
G.Viên chấm thi 1
G.Viên chấm thi 2

Nguyễn Thiên Thanh
Nguyễn Kim Thanh
Thánh
Lê Thị Thanh Hà

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2125150063	Nguyễn Thiên	Ân	24/05/2007	CCQ2515B			7	7.5	7.3
2	2125150062	Dương Ngọc	Cương	29/04/2007	CCQ2515B			8	8.5	8.3
3	2125150068	Lê Đình	Cương	28/12/2007	CCQ2515B			8.5	8	8.2
4	2125150041	Phạm Tiến	Đạt	22/09/2007	CCQ2515B					
5	2125150040	Phan Hữu	Định	15/10/2007	CCQ2515B			7.5	8	7.8
6	2125150119	Đặng Xuân	Dương	07/05/2007	CCQ2515B			7.5	7.5	7.5
7	2125150037	Hoàng Đức	Hiệp	19/05/2007	CCQ2515B			7.5	7.5	7.5
8	2125150046	Nguyễn Khánh	Hưng	24/03/2002	CCQ2515B			8.5	8	8.2
9	2125150120	Ngô Anh Bảo	Khang	05/11/2007	CCQ2515B			9	8.5	8.7
10	2125150163	Nguyễn Đình Phú	Khang	13/07/2007	CCQ2515B			7	7.5	7.3
11	2125150052	Phạm Thái	Khang	18/07/2007	CCQ2515B					
12	2125150057	Trần Anh	Khang	02/04/2007	CCQ2515B			8	7	7.4
13	2125150059	Trần Đình	Khiêm	06/10/2006	CCQ2515B			6	6.5	6.3
14	2125150048	Hoàng Diên	Khoa	22/02/2007	CCQ2515B			8	7.5	7.7
15	2125150164	Huỳnh Anh	Khôi	08/04/2007	CCQ2515B			8	8.5	8.3
16	2125150067	Trịnh Đình Hiếu	Kiên	18/09/2007	CCQ2515B			8.5	8.5	8.5
17	2125150038	Mai Quốc	Kiệt	22/02/2007	CCQ2515B			8	8.5	8.3
18	2125150065	Lầu Đồng	Minh	31/12/2007	CCQ2515B			7	7.5	7.3
19	2125150043	Huỳnh Văn	Nghi	16/05/2007	CCQ2515B			6	5.5	5.7
20	2125150050	Trần Huỳnh Phúc	Nguyên	27/12/2007	CCQ2515B			7.5	7.5	7.5
21	2125150049	Đình Trọng	Nhân	11/11/2007	CCQ2515B					
22	2125150070	Phạm Quốc	Nhật	25/12/2007	CCQ2515B			5.5	6.5	6.1
23	2125150064	Võ Thành	Phát	04/04/2007	CCQ2515B			6	6.5	6.3
24	2125150060	Nguyễn Chí	Phi	19/06/2007	CCQ2515B					
25	2125150045	Nguyễn Quốc	Phương	18/11/2007	CCQ2515B			8.5	8	8.2
26	2125150053	Trần Minh	Quân	27/08/2007	CCQ2515B			7.5	7.5	7.5
27	2125150056	Đàm Quang	Quyết	12/02/2007	CCQ2515B			6.5	6.5	6.5
28	2125150061	Phạm Văn	Sang	07/11/2007	CCQ2515B			7	7.5	7.3

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204214] - Kỹ năng mềm
(CCQ2515B)

CBGD: Nguyễn Thiên Thanh (220015)

Số SV có mặt: 31

Số bài thi: 8.1

Số tờ giấy thi: 3.1

Nguyễn Thiên Thanh

Nguyễn Thiên Thanh

Thanh Hà

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2125150116	Trần Hữu	Tài	08/11/2007	CCQ2515B		<i>Huovan</i>	8	8	8
30	2125150054	Nguyễn Đình	Thịnh	28/03/2004	CCQ2515B					
31	2125150039	Vũ Hữu	Thọ	27/09/2006	CCQ2515B		<i>Thọ</i>	8.5	8	8.2
32	2125150051	Phạm Ngọc	Thông	02/10/2007	CCQ2515B		<i>Thông</i>	6.5	7	6.8
33	2125150047	Trần Công	Thực	30/09/2007	CCQ2515B		<i>Thực</i>	8	7	7.4
34	2125150055	Hồ Võ Ninh	Trí	17/06/2007	CCQ2515B		<i>Trí</i>	7.5	7.5	7.5
35	2125150036	Trần Văn	Trường	27/06/2007	CCQ2515B					
36	2125150117	Nguyễn Thanh	Vàng	15/05/2007	CCQ2515B		<i>Vàng</i>	8	8.5	8.3
37	2125150069	Lê Vinh Tuấn	Vũ	08/04/2007	CCQ2515B		<i>Vũ</i>	8.5	8	8.2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204215] - Kỹ năng mềm
(CCQ2518A)

CBGD: Nguyễn Thị Lê (220001)

Số SV có mặt: 29

Số bài thi: 29

Số tờ giấy thi: 29

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP
1	2125180032	Nguyễn Võ Chí Bảo	16/11/2007	CCQ2518A	1		✓		
2	2125180033	Phan Tấn Bảo	05/10/2007	CCQ2518A	1		✓		
3	2125180011	Trần Đình Bình	11/07/2007	CCQ2518A	1	Bình	7,6	7,7	7,7
4	2125180022	Nguyễn Quốc Đạt	06/08/2007	CCQ2518A	1	Đạt	7,6	7,5	7,5
5	2125180006	Võ Tấn Đạt	19/02/2007	CCQ2518A	1	Đạt	7,8	7,0	7,3
6	2125180122	Trần Ý Đô	26/06/2002	CCQ2518A	1	Đô	9,0	7,4	8,0
7	2125180018	Trần Văn Đức	20/11/2007	CCQ2518A	1	Đức	8,0	7,2	7,5
8	2125180019	Hồ Minh Duy	07/08/2007	CCQ2518A	1	Duy	9,8	8,5	9,0
9	2125180026	Hồ Quang Duy	30/03/2007	CCQ2518A	1		✓		
10	2125180015	Trần Nhật Hào	16/01/2007	CCQ2518A	1	Hào	6,8	6,8	6,8
11	2125180008	Huỳnh Duy Hưng	11/02/2007	CCQ2518A	1	Hưng	8,4	7,1	7,6
12	2125180031	Trần Quốc Hữu	03/08/2006	CCQ2518A	1	Hữu	9,2	7,7	8,3
13	2125180014	Nguyễn Đình Đức Huy	24/12/2006	CCQ2518A	1	Huy	6,8	6,6	6,7
14	2125180001	Huỳnh Tấn Khang	26/01/2006	CCQ2518A	1	Khang	7,8	7,0	7,3
15	2125180028	Cao Hồ Huy Lực	30/05/2007	CCQ2518A	1		✓		
16	2125180004	Nguyễn Tuấn Nam	26/06/2007	CCQ2518A	1		7,6	7,5	7,5
17	2125180021	Phan Xuân Nam	27/04/2007	CCQ2518A	1	Nam	7,6	7,3	7,4
18	2125180017	Trần Chính Nguyên	06/01/2007	CCQ2518A	1	Nguyên	5,6	7,0	6,4
19	2125180025	Võ Phạm Chí Nguyên	14/05/2007	CCQ2518A	1	Nguyên	7,4	7,0	7,2
20	2125180003	Võ Bảo Hoài Nhân	07/08/2007	CCQ2518A	1	Nhân	6,8	5,2	5,8
21	2125180010	Đinh Xuân Hoàng Nhật	15/11/2007	CCQ2518A	1	Nhật	7,0	7,5	7,3
22	2125180005	Châu Gia Phát	04/12/2007	CCQ2518A	1	Phát	8,8	7,0	7,7
23	2125180034	Nguyễn Xuân Quang	02/09/2005	CCQ2518A	1	Quang	9,6	8,4	8,9
24	2125180012	Nguyễn Tuấn Quốc	19/09/2007	CCQ2518A	1		✓		
25	2121180062	Đoàn Nguyễn Minh Quyền	28/05/2003	CCQ2118B	1		8,6	8,3	8,4
26	2125180029	Phan Thanh Tài	30/05/2007	CCQ2518A	1	Tài	10	8,8	9,3
27	2125180007	Trần Đình Thái	06/11/2007	CCQ2518A	1	Thái	8,6	7,5	7,9
28	2125180123	Nguyễn Ngọc Thiện	30/05/2007	CCQ2518A	1	Thiện	9,0	8,0	8,4

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204215] - Kỹ năng mềm
(CCQ2518A)

CBGD: Nguyễn Thị Lê (220001)

Số SV có mặt: 29

Số bài thi: 29

Số tờ giấy thi: 29

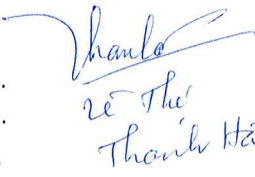
STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2125180002	Phan Lê Chí	Thiện	28/06/2007	CCQ2518A	1		6,8	6,5	6,6
30	2125180124	Nguyễn Chí	Thịnh	16/06/2007	CCQ2518A	1		9,0	8,2	8,5
31	2125180020	Nguyễn Thành	Trung	30/09/2007	CCQ2518A	1		9,6	7,0	8,0
32	2125180030	Đỗ Đình	Trường	23/10/2007	CCQ2518A	1		7,0	6,0	6,4
33	2125180024	Nguyễn Quốc	Việt	08/08/2007	CCQ2518A	1		5,0	5,0	5,0
34	2125180013	Phan Tuấn	Vũ	27/08/2007	CCQ2518A	1		5,0	6,8	6,1

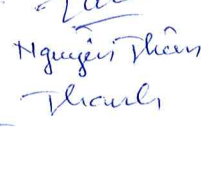
DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204216] - Kỹ năng mềm
(CCQ2518B)
CBGD: Lê Thị Thanh Hà (220008)

Số SV có mặt: 24...
Số bài thi:24...
Số tờ giấy thi: 24...




STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP
1	2125180043	Nguyễn Bảo	Bảo	13/02/2007	CCQ2518B		Bảo	9.2	7.5	8.2
2	2125180042	Tạ Quốc	Đại	14/03/2007	CCQ2518B		Đại	8.4	7.5	7.9
3	2125180049	Nguyễn Thành	Danh	10/12/2007	CCQ2518B		Danh	9.2	7.3	8.0
4	2125180047	Trần Tiến	Đạt	17/12/2007	CCQ2518B		Đạt	9.2	8.2	8.6
5	2124170217	Lê Đình	Đức	30/07/2006	CCQ2417G			✓	✓	✓
6	2125180053	Nguyễn Huỳnh	Đức	05/02/2007	CCQ2518B		AD	9.6	9.0	9.2
7	2125180055	Trần Nhật	Hào	02/03/2005	CCQ2518B		hao	9.6	8.9	9.2
8	2125180114	Nguyễn Quang	Hùng	20/11/2007	CCQ2518B		hùng	8.6	8.3	8.4
9	2125180070	Nguyễn Khánh	Huy	15/04/2007	CCQ2518B		huy	8.6	8.3	8.4
10	2125180051	Trần Quốc	Huy	24/11/2007	CCQ2518B			✓	✓	✓
11	2125180036	Bùi Trí	Khang	07/09/2006	CCQ2518B			✓	✓	✓
12	2125180044	Nguyễn Phạm Lê	Kiên	06/06/2007	CCQ2518B			✓	✓	✓
13	2125180071	Nguyễn Văn Chí	Kiệt	21/08/2007	CCQ2518B		Kiệt	8.8	8.1	8.4
14	2125180064	Trần Thanh	Liên	03/05/2007	CCQ2518B		liên	9.8	8.0	8.7
15	2125180037	Phan Đỗ Hoàng	Mỹ	20/06/2007	CCQ2518B		Mỹ	6.4	6.5	6.5
16	2125180041	Võ Bá	Nhật	29/10/2007	CCQ2518B			✓	✓	✓
17	2125180052	Trần Ngọc Thanh	Phong	05/03/2007	CCQ2518B		phong	7.2	7.0	7.1
18	2125180066	Nguyễn Hoàng	Phúc	03/07/2007	CCQ2518B		phuc	7.2	6.8	6.9
19	2125180063	Nguyễn Duy	Phương	29/12/2007	CCQ2518B		phuong	6.4	7.5	7.1
20	2125180039	Huỳnh Ngọc	Quân	10/01/2006	CCQ2518B		Quân	6.4	6.0	6.2
21	2125180067	Hồ Minh	Quang	14/10/2007	CCQ2518B		Quang	9.2	8.3	8.6
22	2125180065	Dụng Thanh	Sang	07/07/2007	CCQ2518B		Sang	7.2	8.0	7.7
23	2125180056	Bùi Văn	Thạch	21/09/2007	CCQ2518B			✓	✓	✓
24	2125180048	Võ Thành	Thảo	02/08/2003	CCQ2518B		thao	10.0	8.2	8.9
25	2125180045	Ngô Anh	Thế	24/09/2006	CCQ2518B		tho	8.0	9.0	8.6
26	2125180069	Nguyễn Trường	Thịnh	04/04/2007	CCQ2518B		thinh	10.0	8.9	9.3
27	2125180038	Trần Văn	Tiếp	12/01/2007	CCQ2518B		Tiếp	8.8	7.8	8.2
28	2125120145	Nguyễn Quang	Tuấn	29/01/2007	CCQ2518B			✓	✓	✓

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204216] - Kỹ năng mềm
(CCQ2518B)
CBGD: Lê Thị Thanh Hà (220008)

Số SV có mặt: 24
Số bài thi:24..
Số tờ giấy thi:.....24..
Chánh
Lê Thị Thanh Hà

Chánh
Lê Thị Thanh Hà
Nguyễn Thiên Thanh

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2125180054	Nguyễn Nhật	Tường	25/03/2007	CCQ2518B		<i>Nguyễn</i>	10.0	9.6	9.8
30	2125180062	Nguyễn Thái	Vĩ	26/01/2007	CCQ2518B		<i>Vĩ</i>	10.0	8.2	8.9
31	2125180057	Trần Văn	Việt	13/12/2007	CCQ2518B			✓	✓	✓
32	2125180068	Nguyễn Như	Vinh	21/01/2007	CCQ2518B		<i>Vinh</i>	10.0	9.5	9.7

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Mã : [22204217] - Kỹ năng mềm
(2518C)

Số SV có mặt: 32

Số bài thi: 3.3

D: Lê Thị Ngọc Huyền (220002), Nguyễn NSố tờ giấy thi: 3.3

Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
2125180102	Nguyễn Thanh Cảnh	30/12/2007	CCQ2518C		Cảnh	7.2	7.5	7.4
2125180104	Võ Thành Danh	10/06/2007	CCQ2518C		Danh	7.9	7.9	7.7
2125180081	Bùi Tấn Đạt	08/08/2007	CCQ2518C		Đạt	7.2	8.0	7.7
2125180110	Nguyễn Thành Đạt	30/10/2007	CCQ2518C		Đạt	8.2	8.0	8.1
2125180111	Nguyễn Thành Đạt	31/10/2007	CCQ2518C		Đạt	8.6	7.9	8.2
2125180090	Trần Huỳnh Thanh Dương	02/02/2007	CCQ2518C		Dương	8.6	8.5	8.5
2125180084	Trần Hồng Thiên Hào	27/08/2007	CCQ2518C		Hào	8.4	7.8	8.0
2125180087	Trần Hồng Kha	26/01/2007	CCQ2518C		Kha	8.2	8.3	8.3
2125180091	Võ Quang Khải	09/09/2007	CCQ2518C		Khải	8.0	8.2	8.1
2125180097	Ngô Phước Khang	15/06/2007	CCQ2518C		Khang	7.8	8.4	8.2
2125180089	Trần Phan Đông Khang	27/01/2007	CCQ2518C		Khang	8.4	8.5	8.5
2125180082	Lê Minh Khánh	13/04/2007	CCQ2518C		Khánh	7.2	7.5	7.4
2125180085	Lê Quốc Khánh	28/04/2007	CCQ2518C		Khánh	9.0	8.8	8.9
2125180101	Trần Đăng Khoa	31/01/2007	CCQ2518C		Khoa	7.8	7.5	7.6
2125180107	Nguyễn Đình Khôi	29/01/2007	CCQ2518C		Khôi	8.6	8.0	8.2
2125180093	Nguyễn Văn Kiệt	26/03/2007	CCQ2518C		Kiệt	8.4	7.9	8.1
2125180109	Hoàng Gia Long	06/11/2007	CCQ2518C		Long	7.8	7.3	7.5
2125180099	Huỳnh Đức Minh	31/07/2007	CCQ2518C		Minh	8.6	7.5	7.9
2125180100	Lương Công Nam	08/12/2007	CCQ2518C		Nam	8.2	7.9	8.0
2125180096	Phạm Ngọc Nhân	05/05/2007	CCQ2512A		Nhân	8.4	8.5	8.5
2125180113	Trì Hoàng Nhân	19/06/2007	CCQ2518C		Nhân	8.8	8.5	8.5
2125180092	Hồ Trọng Phát	06/03/2007	CCQ2518C		Phát	8.5	8.4	8.4
2125180106	Nguyễn Huỳnh Tấn Phát	19/03/2007	CCQ2518C		Phát	8.6	8.4	8.5
2125180078	Nguyễn Thanh Sĩ	11/04/2007	CCQ2518C		Sĩ	8.2	8.3	8.3
2125180095	Nguyễn Thái Sơn	28/01/2007	CCQ2518C		Sơn	8.0	8.2	8.1
2125180076	Nguyễn Trọng Nam Sơn	06/07/2006	CCQ2518C		Sơn			
2125180083	Nguyễn Minh Tân	02/11/2007	CCQ2518C		Tân	8.8	8.5	8.6
2125180103	Cao Hoàng Thái	07/02/2007	CCQ2518C		Thái	7.8	7.5	7.6

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viê

Môn học : [22204217] - Kỹ năng mềm
(CCQ2518C)

Số SV có mặt:.....

Số bài thi:

CBGD: Lê Thị Ngọc Huyền (220002), Nguyễn N Số tờ giấy thi:.....

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	
29	2125180086	Huỳnh Minh	Tiến	30/10/2007	CCQ2518C		82	80	8
30	2125180121	Lê Văn	Tĩnh	03/09/2007	CCQ2518C		84	80	8
31	2125180105	Nguyễn Đức	Trọng	06/06/2007	CCQ2518C		88	84	8
32	2125180088	Lê Anh	Tuấn	03/05/2007	CCQ2518C		78	75	7
33	2125180094	Nguyễn Anh	Tuấn	07/12/2007	CCQ2518C		76	78	7
34	2125180098	Nguyễn Quốc	Việt	20/04/2007	CCQ2518C		78	80	7.9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204218] - Kỹ năng mềm
(CCQ2523A)

CBGD: Tăng Thị Vinh (220013)

Số SV có mặt: 36

Số bài thi: 36

Số tờ giấy thi: 36

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2125230047	Lê Nguyễn Hoài An	12/10/2007	CCQ2523A			8.1	8.8	8.5
2	2125230037	Phạm Dĩ Ân	17/07/2007	CCQ2523A			8.2	7.0	7.5
3	2125230008	Lục Tuấn Anh	01/09/2007	CCQ2523A		Anh	7.9	8.0	8.0
4	2125230004	Trần Văn Bảo	18/04/2007	CCQ2523A			6.7	7.8	7.4
5	2125230045	Nguyễn Đình Cảnh	18/07/2007	CCQ2523A		Cảnh	7.8	6.0	6.7
6	2125230063	Nguyễn Quang Chiến	06/01/2007	CCQ2523A		Chiến	8.3	8.8	8.6
7	2125230022	Vũ Thành Công	18/10/2007	CCQ2523A			8.9	8.3	8.5
8	2125230026	Vũ Nguyên Cương	21/05/2007	CCQ2523A			9.5	8.0	8.6
9	2125230038	Nguyễn Văn Dân	07/01/2007	CCQ2533F			8.8	8.5	8.6
10	2125230059	Đỗ Tấn Đạt	20/11/2007	CCQ2523A			10.0	8.8	9.3
11	2125230034	Võ Nguyễn Tuấn Duy	19/06/2007	CCQ2523A		Duy	8.3	8.0	8.1
12	2125230005	Nguyễn Thanh Hiền	15/09/2007	CCQ2523A		Hiền	8.9	8.3	8.5
13	2125230016	Bùi Xuân Hiệp	15/05/2007	CCQ2523A		Hiệp	9.1	7.8	8.3
14	2125230029	Trần Hoàng Hiệp	09/10/2007	CCQ2523A			8.3	8.5	8.4
15	2125230048	Phan Doãn Minh Hoàng	22/05/2007	CCQ2523A			9.3	8.0	8.5
16	2125230003	Bùi Quang Huy	11/11/2007	CCQ2523A			8.4	6.5	7.3
17	2125230044	Nguyễn Nhật Huy	27/08/2007	CCQ2523A			8.0	6.5	7.1
18	2125230002	Quách Anh Khôi	15/10/2007	CCQ2523A			-	-	-
19	2125230054	Nguyễn Duy Kiên	23/11/2007	CCQ2523A			7.3	8.0	7.7
20	2125230035	Nguyễn Hữu Lộc	15/08/2007	CCQ2523A			8.7	7.5	8.0
21	2125230062	Nguyễn Thái Tấn Lộc	24/10/2007	CCQ2523A			8.5	6.0	7.0
22	2125230033	Thái Hoàng Lộc	29/09/2007	CCQ2523A			9.1	8.0	8.4
23	2125230017	Nguyễn Thành Long	17/12/2005	CCQ2523A			-	-	-
24	2125230014	Nguyễn Chí Nam	11/03/2007	CCQ2523A			-	-	-
25	2125230041	Huỳnh Trọng Nghĩa	05/02/2007	CCQ2523A			8.3	8.0	8.1
26	2125230042	Trần Trung Nguyên	18/10/2007	CCQ2523A			9.3	8.5	8.8
27	2125230036	Trương Trường Phát	20/06/2007	CCQ2523A			8.6	7.0	7.6
28	2125230030	Nguyễn Hoài Bảo Phong	02/04/2007	CCQ2523A			9.3	8.0	8.5

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204218] - Kỹ năng mềm
(CCQ2523A)

CBGD: Tăng Thị Vinh (220013)

Số SV có mặt: 36
Số bài thi: 36
Số tờ giấy thi: 36

(Handwritten signatures and names of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2125230010	Nguyễn Văn	Phong	12/04/2007	CCQ2523A		Phong	6.0	6.5	6.3
30	2125230019	Nguyễn Văn	Phong	24/03/2007	CCQ2523A		Phong	8.4	7.8	8.0
31	2125230040	Lê Nguyễn Phong	Phú	12/08/2007	CCQ2532A			-	-	-
32	2125230023	Nguyễn Hoàn	Phúc	08/08/2004	CCQ2523A		Phúc	9.1	8.5	8.7
33	2125230028	Phạm Minh	Quốc	01/01/2007	CCQ2523A		g	8.3	8.0	8.1
34	2125230055	Hồ Thanh Tú	Tài	21/11/2007	CCQ2523A		ta	7.5	7.5	7.5
35	2125230007	Trần Ngọc	Thạch	09/10/2007	CCQ2523A		THACH	8.2	6.5	7.2
36	2125230046	Nguyễn Hoài	Thanh	18/09/2007	CCQ2523A		Thanh	8.2	7.0	7.5
37	2125230006	Hồ Thanh	Tiến	23/09/2007	CCQ2523A		Tiến	7.7	8.0	7.9
38	2125230039	Trần Thanh	Trúc	13/12/2007	CCQ2523A		truc	8.5	8.5	8.5
39	2125230051	Lê Công	Vinh	22/08/2007	CCQ2523A		Vinh	8.9	7.5	8.1
40	2125230001	Nguyễn Quốc	Vinh	26/11/2006	CCQ2523A		vinh	8.1	7.0	7.4
41	2125230021	Lư Gia	Vũ	19/09/2007	CCQ2523A			-	-	-
42	2125230056	Lương Thế	Vũ	21/05/2007	CCQ2523A			-	-	-

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204219] - Kỹ năng mềm
(CCQ2532A)
CBGD: Nguyễn Ngọc Ân Thy (220016)

Số SV có mặt: 32...
Số bài thi: 32...
Số tờ giấy thi: 32...

Nguyễn Ngọc Ân Thy Lê Thị Hoàng Nguyễn Ngọc Ân Thy Lê Thị Hoàng

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2125320028	Nguyễn Hà	An	07/05/2007	CCQ2532A	1	An	6.0	6.0	6.0
2	2125320013	Nguyễn Trường	An	10/07/2004	CCQ2532A	1	Trường	7.5	7.5	7.5
3	2125320012	Hồ Thị Hoàng	Anh	28/04/2006	CCQ2532A	1	Hoàng	8.0	9.0	8.4
4	2125120330	Mạc Quỳnh	Anh	10/10/2006	CCQ2530G					
5	2125320021	Trần Quỳnh	Anh	26/04/2007	CCQ2532A	1	Quỳnh	7.0	8.0	7.4
6	2125320037	Nguyễn Thị Hải	Châu	03/03/2007	CCQ2532A	1	Hải	9.0	9.0	9.0
7	2125320019	Nguyễn Trọng	Đại	05/04/2007	CCQ2532A					
8	2125320008	Lê Hoàng	Đệ	22/05/2007	CCQ2532A	1	Đệ	6.5	6.5	6.5
9	2125320006	Nguyễn Thị Kim	Diệu	10/11/2007	CCQ2532A	1	Diệu	9.0	9.0	9.0
10	2125320002	Lê Thị Kim	Em	10/07/2006	CCQ2532A	1	Kim	9.0	9.0	9.0
11	2125320004	Nguyễn Đặng	Giàu	28/07/2007	CCQ2532A	1	Đặng	6.0	6.0	6.0
12	2124360040	Phạm Thị Mỹ	Hiếu	19/05/2006	CCQ2436A	1	Mỹ	9.0	8.5	8.8
13	2125320031	Nguyễn Xuân	Hoàng	22/08/1999	CCQ2532A	1	Xuân	7.5	8.0	7.7
14	2125320022	Vũ Trần Duy	Kiên	13/03/2007	CCQ2532A	1	Duy	6.0	6.0	6.0
15	2125320035	Nguyễn Minh	Luân	07/08/2007	CCQ2532A	1	Minh	7.0	7.0	7.0
16	2125320009	Phan Nhật	Minh	16/07/2007	CCQ2532A					
17	2125320030	Nguyễn Thị	My	25/11/2007	CCQ2532A	1	My	8.0	8.0	8.0
18	2125320015	Kha Thị Hằng	Nga	06/09/2007	CCQ2532A	1	Hằng	9.0	9.0	9.0
19	2125320020	Nguyễn Thảo	Nguyên	06/09/2007	CCQ2532A	1	Thảo	7.5	8.5	7.9
20	2125320025	Lê Võ	Nhật	23/10/2007	CCQ2532A	1	Võ	7.0	8.5	7.6
21	2125320027	Lê Yến	Nhi	29/11/2007	CCQ2532A	1	Yến	9.0	9.0	9.0
22	2125320016	Trần Thị Nguyệt	Nhi	08/04/2007	CCQ2532A					
23	2125320023	Trần Thị Yến	Nhi	23/03/2007	CCQ2532A	1	Nhi	8.5	7.5	8.1
24	2125320026	Võ Thị Yến	Nhi	19/12/2007	CCQ2532A	1	Nhi	8.5	8.5	8.5
25	2125320024	Phạm Nguyễn Quỳnh	Như	12/07/2007	CCQ2532A	1	Quỳnh	9.0	9.0	9.0
26	2125320007	Trần Văn	Phương	01/10/2006	CCQ2532A	1	Văn	6.5	6.5	6.5
27	2125320005	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	22/12/2003	CCQ2532A	1	Như	9.0	9.0	9.0
28	2125320069	Lê Thị Kiều	Thắm	07/08/2007	CCQ2532A	1	Kiều	8.5	9.5	8.9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2025-2026)

Môn học : [22204219] - Kỹ năng mềm
(CCQ2532A)
CBGD: Nguyễn Ngọc Ân Thy (220016)

Số SV có mặt: 32
Số bài thi: 32
Số tờ giấy thi: 32

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Ngọc Ân Thy
Cán bộ coi thi 2: Lê Thị Ngọc Huyền
G.Viên chấm thi 1: Nguyễn Ngọc Ân Thy
G.Viên chấm thi 2: Lê Thị Ngọc Huyền

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2125320010	Trần Nguyễn Thị Ngọc Thanh	22/10/2007	CCQ2532A	1		8.5	8.0	8.3
30	2125320032	Đoàn Nguyễn Tiến Tới	11/04/2007	CCQ2532A	1		7.0	7.5	7.2
31	2125320003	Võ Thị Thanh Trâm	27/07/2003	CCQ2532A	1		9.0	8.0	8.6
32	2125320029	Ngô Thị Tuyết Trinh	10/03/2004	CCQ2532A	1		8.5	9.0	8.7
33	2125320014	Nguyễn Vũ Tuyền	12/01/2007	CCQ2532A	1		7.5	7.0	7.3
34	2125320017	Huỳnh Minh Vàng	04/03/2007	CCQ2532A	1		6.5	8.0	7.1
35	2125320033	Lưu Nguyễn Khánh Vinh	23/04/2005	CCQ2532A	1		8.0	7.5	7.8
36	2125320001	Nguyễn Thị Kim Xuyên	17/06/2004	CCQ2532A	1		8.0	8.5	8.2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204220] - Kỹ năng mềm
(CCQ2532B)
CBGD: Nguyễn Ngọc Ân Thy (220016)

Số SV có mặt: 23
Số bài thi: 23
Số tờ giấy thi: 23

Nguyễn Ngọc Ân Thy

Lê Thị Ngọc Huyền

Nguyễn Ngọc Ân Thy

Lê Thị Ngọc Huyền

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2125320068	Lê Hoàng Bảo	An	06/03/2007	CCQ2532B	1		6.0	6.0	6.0
2	2125320058	Nguyễn Tâm	An	09/02/2007	CCQ2532B	1		7.5	7.5	7.5
3	2125320041	Nguyễn Minh	Cang	22/12/2007	CCQ2532B	1		6.5	6.5	6.5
4	2125320036	Thị	Chi	12/02/2005	CCQ2532B	1		7.5	8.5	7.9
5	2125320066	Nguyễn Mỹ	Duyên	29/01/2007	CCQ2532B	1		7.0	8.5	7.6
6	2122170543	Ngô Vĩ	Hưng	24/04/2004	CCQ2217N	1		7.0	7.0	7.0
7	2125320070	Nguyễn Mai	Huyền	08/04/2007	CCQ2532B	1		7.5	8.0	7.7
8	2125320071	Võ Lê	Khang	11/11/2007	CCQ2532B	1		8.5	7.5	8.1
9	2125320044	Võ Thiện	Kiên	02/12/2007	CCQ2532B					
10	2125320055	Võ Thị Út	Lành	08/07/2007	CCQ2532B	1		8.5	9.0	8.7
11	2124360002	Huỳnh Thị Thủy	Linh	19/09/2005	CCQ2436A					
12	2125320040	Trần Phương	Nam	21/11/2006	CCQ2532B					
13	2125320056	Nguyễn Huỳnh Thanh	Ngọc	04/03/2007	CCQ2532B	1		8.5	8.5	8.5
14	2125320064	Trần Minh	Ngọc	10/11/2007	CCQ2532B	1		7.5	7.0	7.3
15	2125320057	Từ Minh Thu	Nguyệt	01/12/2007	CCQ2532B	1		8.0	7.5	7.8
16	2125320049	Nguyễn Khánh	Nhã	03/07/2007	CCQ2532B					
17	2125320061	Ngô Thị Yến	Nhi	01/07/2007	CCQ2532B	1		7.0	8.0	7.4
18	2125320042	Đỗ Ý	Như	25/09/2005	CCQ2532B					
19	2125320050	Hồ Thị Tuyết	Nhung	27/12/2007	CCQ2532B	1		8.5	8.0	8.3
20	2125320067	Phạm Thị	Son	08/12/2007	CCQ2532B	1		9.0	8.5	8.8
21	2125320047	Phạm Thanh	Son	19/11/2006	CCQ2532B					
22	2125320048	Trần Di	Tài	27/03/2007	CCQ2532B	1		7.0	7.5	7.2
23	2125320072	Nguyễn Trịnh Thanh	Thảo	28/02/2007	CCQ2532B					
24	2125320065	Nguyễn Thị	Thoa	07/07/2007	CCQ2532B	1		9.0	9.0	9.0
25	2124360030	Nguyễn Dương Minh	Thư	15/07/2006	CCQ2436A					
26	2125320059	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	05/07/2007	CCQ2532B	1		9.5	8.0	8.9
27	2125320038	Hà Thị Lệ	Thương	28/08/2007	CCQ2532B	1		8.0	8.5	8.2
28	2125320054	Đinh Thị Ngọc	Thùy	03/07/2007	CCQ2532B	1		9.0	8.0	8.6

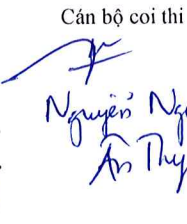
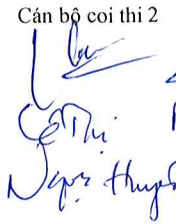
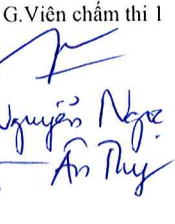
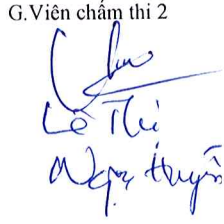
DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204220] - Kỹ năng mềm
(CCQ2532B)
CBGD: Nguyễn Ngọc Ân Thy (220016)

Số SV có mặt: 23...
Số bài thi:23...
Số tờ giấy thi: 23...

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2125320062	Lê Mai Thanh Uyên	Thuyền	20/03/2007	CCQ2532B	<u>1</u>	<u>Thuyền</u>	8.0	8.0	8.0
30	2125320043	Hồ Duy	Tiến	14/11/2007	CCQ2532B					
31	2125320051	Nguyễn Thanh	Tiến	07/02/2007	CCQ2532B					
32	2125320063	Đỗ Huỳnh Bảo	Trân	12/04/2007	CCQ2532B	<u>1</u>	<u>Trân</u>	8.0	9.0	8.4
33	2125320060	Tô Thị Quỳnh	Trang	09/07/2007	CCQ2532B	<u>1</u>	<u>Trang</u>	6.5	8.0	7.1
34	2124360038	Đoàn Phạm Như Ý	Ý	23/10/2006	CCQ2436A					

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204221] - Kỹ năng mềm
(CCQ2532C)

CBGD: Nguyễn Thiên Thanh (220015)

Số SV có mặt: 22

Số bài thi: 22

Số tờ giấy thi: 22

Nguyễn Thiên Thanh

Nguyễn Thiên Thanh

Chanh
Lê Thị Thanh Hà

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2125320083	Lê Thị Vân	Anh	23/03/2007	CCQ2532C			8	8.5	8.3
2	2125320107	Phạm Lê Thế	Anh	02/10/2007	CCQ2532C					
3	2125320099	Phạm Như	Anh	19/03/2003	CCQ2532C					
4	2125320084	Phạm Vũ Quỳnh	Anh	27/11/2007	CCQ2532C			9	8	8.4
5	2125320080	Nguyễn Trần Hoàng	Châu	08/06/2007	CCQ2532C					
6	2125320101	Quảng Thị Thục	Chinh	02/02/2007	CCQ2532C		chinh.	8	7	7.4
7	2125320076	Đặng Hồng Khánh	Đoan	17/01/2007	CCQ2532C			8	8	8
8	2125320095	Phạm Văn	Duy	30/05/2007	CCQ2532C					
9	2125320078	Trần Thị Mỹ	Duyên	01/02/2007	CCQ2532C		Duyên	6.5	7	6.8
10	2125320110	Dương Thế	Hiệp	15/09/2004	CCQ2532C		Hiệp	8.5	8.5	8.5
11	2125320073	Bùi Ngọc Phụng	Hoàng	16/06/2007	CCQ2532C			8	8	8
12	2125320098	Trần Đăng	Huy	14/07/2007	CCQ2532C		Huy	8.5	8	8.2
13	2125320074	Võ Hồ Gia	Huy	05/07/2007	CCQ2532C			7.5	8.5	8.1
14	2125320113	Cao Duy	Khang	20/05/2004	CCQ2532C			6.5	7.5	7.1
15	2125320109	Nguyễn Thị Trúc	Linh	13/12/2005	CCQ2532C			6.5	6	6.2
16	2125320091	Trương Thị Mỹ	Linh	09/02/2007	CCQ2532C			8	8	8
17	2125320079	Châu Thị Kim	Loan	25/11/2007	CCQ2532C			7.5	7	7.2
18	2125320077	Nguyễn Hoàng	Long	04/04/2007	CCQ2532C			8.5	8	8.2
19	2125320100	Võ Thị Ái	Mi	22/06/2007	CCQ2532C		Mi	8	8.5	8.3
20	2125320081	Nguyễn Võ Kiều	My	20/07/2007	CCQ2532C		My	8	8	8
21	2125320111	Lê Văn	Nghĩa	03/09/2007	CCQ2532C		Nghĩa	7.5	7.5	7.5
22	2125320097	Nguyễn Đức Trung	Nguyên	01/01/2007	CCQ2532C			9	8.5	8.7
23	2125320082	Phạm Tấn	Phát	08/07/2007	CCQ2532C		Phát	7	8	7.6
24	2125320104	Lê Hoàng	Phúc	22/03/2007	CCQ2532C			8.5	8	8.2
25	2125320085	Đặng Ngọc	Quý	24/03/2007	CCQ2532C		Quý	8	8.5	8.3
26	2125320092	Nguyễn Ngọc	Quý	09/09/2007	CCQ2532C		Quý	7.5	7.5	7.5
27	2125320105	Nguyễn Quang	Thái	13/11/2003	CCQ2532C		Thái	8.5	9	8.8
28	2125320103	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	27/02/2007	CCQ2532C			9	9	9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204221] - Kỹ năng mềm
(CCQ2532C)
CBGD: Nguyễn Thiên Thanh (220015)

Số SV có mặt: 32...
Số bài thi:32...
Số tờ giấy thi: 32...

(Handwritten signatures and names of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2125320087	Lê Thị Bích Trâm	26/10/2006	CCQ2532C		<i>(Signature)</i>	7	7.5	7.3
30	2125320075	Lê Thị Huỳnh Trâm	04/04/2005	CCQ2532C		<i>(Signature)</i>	8.5	8.5	8.5
31	2125320086	Huỳnh Thị Thuỷ Trúc	04/04/2007	CCQ2532C		<i>(Signature)</i>	7	7	7
32	2125320088	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	27/06/2007	CCQ2532C		<i>(Signature)</i>	5.5	9	7.2
33	2125320102	Dương Thị Vân	27/12/2007	CCQ2532C		<i>(Signature)</i>	8.5	7	7.6
34	2125320089	Lê Thị Thuý Vy	09/06/2006	CCQ2532C		<i>(Signature)</i>	8.5	8	8.2
35	2123210122	Nguyễn Thị Xuân	21/11/2005	CCQ2321D		<i>(Signature)</i>	8.5	8	8.2
36	2125320090	Phạm Thị Xuân Yên	19/10/2007	CCQ2532C		<i>(Signature)</i>	7	8.5	7.9